

**ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC GIANG
ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH**

TÊN ĐỀ TÀI

**Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong Doanh nghiệp
ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay**

Chủ nhiệm đề tài: ThS. NGUYỄN XUÂN VƯỢNG

Tỉnh ủy viên – Bí thư Đảng ủy Khối

Cơ quan chủ trì : ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TỈNH

Thời gian thực hiện: 24 tháng, từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2019

Bắc Giang, tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỈNH

Tên đề tài: “Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay”

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Nguyễn Xuân Vượng - Tỉnh ủy viên – Bí thư Đảng ủy Khối DN tỉnh.

Thư ký đề tài: ThS. Trần Ngọc Minh - Phó Bí thư Đảng ủy Khối DN tỉnh.

Các thành viên tham gia nghiên cứu và tổ chức thực hiện (cộng sự):

- 1-*** CN Ngô Duy Hạnh – UV BTV, Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy
- 2-*** ThS Nguyễn Thị Ánh Tuyết – UV BTV, Chánh Văn phòng Đảng ủy
- 3-*** CN Hoàng Ngọc Châm – UV BTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy
- 4-*** ThS Nguyễn Văn Hinh – UV BTV, Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy
- 5-*** ThS Nguyễn Văn Thắng – ĐUV, Phó Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy
- 6-*** CN Nguyễn Thị Hạnh – ĐUV, Phó Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy
- 7-*** CN Nguyễn Thị Dung – ĐUV, Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy
- 8-*** CN Hà Công Dũng – ĐUV, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Đảng ủy
- 9-*** Ths Nguyễn Minh Chiến – CVC, Ban Tuyên giáo Đảng ủy

Cơ quan chủ trì: Đảng ủy Khối DN tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ: Số 01, đường Hùng Vương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 0204.3720.666

Cơ quan phối hợp: Liên đoàn lao động tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Đảng ủy các Khu công nghiệp tỉnh

Nơi thực hiện: tỉnh Bắc Giang.

Thời gian thực hiện: 24 tháng, từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2019

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCH	ban chấp hành
BTV	ban thường vụ
CCB	cựu chiến binh
CNH – HĐH	công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CNXH	chủ nghĩa xã hội
DN	Doanh nghiệp
DNNKVVN	Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước
FDI	vốn đầu tư nước ngoài
KTXH	kinh tế xã hội
SXKD	Sản xuất kinh doanh
XHCN	xã hội chủ nghĩa
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC	Trang
BẢNG DANH MỤC CÁC VIẾT TẮT	3
PHẦN I: NHỮNG THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI	6
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	6
III. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	7
IV. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	8
1. Tình hình nghiên cứu trong nước	8
2. Tình hình nghiên cứu trong tỉnh	10
III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	12
1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	12
2. Nội dung nghiên cứu	12
3. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng	15
4. Những đóng góp của đề tài	16
5. Những kết quả nghiên cứu cụ thể	17
PHẦN II: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	19
I. CƠ SỞ LÝ LUẬN	19
1. Vị trí, vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam và nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần	19
2. Về lãnh đạo công tác Đảng trong các DN ngoài khu vực Nhà nước.	23
II. THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DNNKVNN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG HIỆN NAY	26
1. Đặc điểm tình hình của tỉnh Bắc Giang liên quan đến tổ chức đảng trong DNNKVNN	26
1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội tỉnh Bắc Giang	26
1.2. Tình hình triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ DN của tỉnh giai đoạn 2014 - 2016	27
1.3. Thực trạng hoạt động của các DN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2016	30
1.4. Khái quát đặc điểm Đảng bộ Khối DN tỉnh	32
2. Thực trạng công tác lãnh đạo, thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức Đảng trong các DN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2016	34

2.1. Về công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị	34
2.2. Về lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng	38
2.3. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển tổ chức Đảng và đảng viên ngoài khu vực Nhà nước	42
2.4. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	45
2.5. Công tác lãnh đạo phát triển các đoàn thể chính trị xã hội	46
3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân	49
3.1. Về những tồn tại, hạn chế	49
3.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế	56
III- ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG	58
1. Nhóm giải pháp về thực hiện công tác chính trị, tư tưởng	58
2. Nhóm giải pháp về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong DN	66
3. Nhóm giải pháp về công tác xây dựng Đảng	82
4. Nhóm giải pháp về lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị xã hội	91
5. Nhóm giải pháp về thực hiện cơ chế chính sách	99
PHẦN III: KẾT QUẢ XÂY DỰNG DỰ THẢO KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BẮC GIANG	102
PHẦN IV: KẾT QUẢ BIÊN SOẠN CUỐN SỔ TAY CÔNG TÁC BÍ THƯ CHI BỘ	105
PHẦN V: KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ TRONG DN NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC	106
PHẦN VI: KẾT LUẬN	111
I. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đề tài	111
II. Đánh giá chung	113
III. Đề xuất, kiến nghị	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO	117
5	

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước thực trạng số lượng DN dân doanh, DN có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng, đến cuối năm 2017 toàn tỉnh Bắc Giang đã có trên 7.376 DN. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2017 ước đạt 5.625 tỷ đồng, vượt 21,7% so với dự toán và tăng 11,6% so cùng kỳ 2016. Trong đó thu nội địa là 4.626 tỷ đồng, tăng 10,1% so 2016, bằng 119,8% dự toán, thu thuế xuất nhập khẩu 1.000 tỷ đồng, bằng 131,6% dự toán. Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất đạt 2.670 tỷ đồng, bằng 96,6% dự toán và tăng 11,6% so cùng kỳ 2016...¹

Tuy nhiên, những đóng góp của DN ngoài nhà nước chưa tương xứng với tiềm năng, số lượng và quy mô hiện nay. Số DN thành lập nhiều song số thực tế đi vào hoạt động, có phát sinh thuế còn thấp. DN trên địa bàn chủ yếu là nhỏ, siêu nhỏ, nhiều DN không nghiêm túc thực hiện pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, nghĩa vụ thuế... Tốc độ tăng thu ngân sách của tỉnh chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Còn 03 nội dung không đạt dự toán, trong đó có khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và DN nhà nước Trung ương².

Còn nhiều DN vi phạm pháp luật về lao động như nợ bảo hiểm xã hội, không ký hợp đồng lao động hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trái quy định... dẫn đến tình trạng khiếu kiện, đình công³.

Đồng thời, trong năm 2016, tình hình SXKD của các DN trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ sản phẩm; một số công ty do đơn giá hàng hóa gia công giảm, dẫn đến thu nhập giảm. Một số DN làm gia tăng ô nhiễm môi trường; chưa thực sự quan tâm đến đời sống, việc làm của người lao động; mâu thuẫn giữa DN và nhân dân nơi DN hoạt động còn nhiều diễn biến phức tạp, tình trạng đình công, lãn công còn diễn ra, gây ảnh hưởng đến SXKD của DN, an ninh trật tự và phát triển KTXH của tỉnh. Trong tham gia thực hiện công tác nhân đạo từ thiện mới chỉ dừng ở một số ít DN lớn, có truyền thống và các DNNN hoặc là DNNN được cổ phần hóa.

¹ Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang.

² Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang.

³ Báo cáo số 80/BC-UBND, ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017”.

Bên cạnh đó, có nguyên nhân quan trọng là do các DNNKVNN đa số chưa có tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội; với trên 7.400 DN của toàn tỉnh mới có 175 DN có tổ chức Đảng. Nhiều DN đã có tổ chức Đảng xong hoạt động chưa ngang tầm với vị trí, vai trò lãnh đạo nhiệm vụ chính trị trong DN. Ngoài việc chấp hành các quy định của Luật DN, chưa có vai trò trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội trong lãnh đạo DN phát triển hoặc chưa rõ lực lượng hay tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trong lãnh đạo phát huy vai trò của DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước tham gia phát triển KTXH của tỉnh.

Năm 2013, Đảng ủy Khối DN tỉnh đã chủ trì nghiên cứu và bảo vệ thành công Đề tài khoa học "*Thực trạng, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phát triển tổ chức cơ sở đảng trong DNTN và DN FDI*". Mục tiêu của Đề tài mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá thực trạng công tác xây dựng đảng, đoàn thể trong các DNTN trực thuộc Đảng bộ Khối; DNTN và DN FDI tại khu công nghiệp của tỉnh. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp phát huy dân chủ, tăng cường công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong DNTN và DN FDI tại khu công nghiệp của tỉnh. Tuy nhiên, nội dung nghiên cứu của Đề tài chưa đề cập đến việc tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN FDI ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay.

Tính đến thời điểm hiện tại, chưa có đề tài khoa học nào nghiên cứu việc phát huy vai trò của tổ chức đảng trong DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước tham gia phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để góp phần thiết thực trong phát huy vai trò của DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước tham gia phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; chúng tôi lựa chọn chủ đề và được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 phê duyệt đề tài "***Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay***" làm đề tài nghiên cứu. Qua nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh, hy vọng sẽ góp phần khai thác tiềm năng, thế mạnh của các DN ngoài khu vực nhà nước tham gia phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang.

II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đánh giá thực trạng hoạt động của tổ chức đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp phát huy vai trò của tổ chức đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước, giai đoạn 2014-2016.

- Đề xuất các nhóm giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phát huy vai trò của tổ chức đảng trong các DN ngoài khu vực Nhà nước, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương.

- Xây dựng 02 mô hình điểm hoạt động của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước tại Chi bộ Công ty cổ phần Ngôi sao và Chi bộ Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Hàn Quốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

III. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Tình hình nghiên cứu trong nước

Theo số liệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tính đến tháng 8/2017, cả nước có khoảng gần 500 nghìn DN, thu hút hơn 14 triệu lao động. Trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở nước ta, các loại hình DN phổ biến gồm: DN nhà nước, hợp tác xã, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ tiểu chủ, hộ cá thể, DN FDI.

DN là động lực quan trọng của nền kinh tế quốc dân. DN phát triển lành mạnh, ổn định góp phần tạo ra nền kinh tế lành mạnh, ổn định. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các DN giữ một vị trí then chốt, việc phát triển đoàn viên trong các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng để củng cố khối đại đoàn kết trong DN, bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho người lao động.

Cho đến 2017, cơ bản các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều thành lập Đảng bộ khối DN trực thuộc tỉnh, thành ủy; thành lập ban chỉ đạo công tác xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNNKVNN để tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng trong những DN sản xuất, kinh doanh có quy mô vừa và lớn, đông công nhân, lao động ổn định và phát triển. Xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành, các cấp ở địa phương khảo sát tình hình đảng viên, đoàn viên, hội viên là công nhân lao động làm việc trong các DNNKVNN nhưng chưa có tổ chức đảng, vận động, thuyết phục chủ DN tiến hành thành lập tổ chức đảng khi đủ điều kiện.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các tỉnh, thành ủy, Đảng ủy khối DN ở các địa phương, số lượng tổ chức đảng, đảng viên trong DNNKVNN đã tăng lên qua từng năm. Nhiều tổ chức đảng, đoàn thể chính trị xã hội trong DN đã thể hiện được vai trò, vị trí của mình, góp phần tích cực vào sự ổn định và phát triển của DN. Nhiều nơi tổ chức đảng hoạt động tốt đã góp phần thúc đẩy sản xuất, tham gia giải quyết hợp lý các tranh chấp, ngăn chặn kịp thời đình công bất hợp pháp. Một số chủ DN FDI cũng nhận thức được vai trò tích cực của tổ chức đảng trong DN và tạo điều kiện cho tổ chức đảng hoạt động.

Qua trao đổi, thảo luận tại các hội nghị giao ban 6 tháng tổ chức 01 lần giữa các Đảng ủy Khối DN các tỉnh, thành phố, đến thời điểm hiện tại chưa có tổ chức hay cá nhân nào thực hiện các đề tài, đề án nghiên cứu về nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng trong DNNKVNN. Do đó, vai trò của của tổ chức đảng trong các DN chưa được làm rõ nét, nhất là làm cầu nối giữa cấp ủy, chính quyền địa phương với chủ DN. Đồng thời, chưa tạo được niềm tin và sự ủng hộ của chủ DN trong công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên, góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương.

Tuy nhiên, trên các phương tiện thông tin đại chúng có một số bài viết mang tính báo chí viết về nâng cao vai trò của các tổ chức Đảng trong DNNKVNN. Trong đó, có một số bài viết đáng chú ý, như của PGS,TS. Nguyễn Văn Giang, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; đồng chí Phùng Hữu Cư - Bí thư Đảng ủy Khối DN tỉnh Bình Thuận; tác giả Phương Hằng với bài viết “Xây dựng tổ chức Đảng trong DN: DN còn thiếu thông tin” (đăng trên Báo Đồng Nai ngày 01/7/2016); đồng chí Võ Thị Dung Phó Bí thư Thành ủy Hồ Chí Minh với bài “Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh công tác đảng trong các DN ngoài khu vực nhà nước” đăng trên Chuyên trang Doanh nhân mới của Báo Diễn đàn DN ngày 26/12/2016; tác giả Phương Anh với bài “Vai trò của tổ chức đảng trong DN tư nhân ở Hà Nội” đăng trên Chuyên trang Doanh nhân mới của Báo Diễn đàn DN ngày 02/02/2016...

Theo PGS,TS. Nguyễn Văn Giang “Số tổ chức đảng có hoạt động ổn định, có vai trò, tác dụng được DN, quần chúng thừa nhận chưa nhiều. Việc xác định mô hình tổ chức, quản lý các tổ chức đảng trong DNNKVNN hiện nay vẫn đang trong quá trình tìm tòi, chưa có mô hình thống nhất, gây lúng túng, trở ngại cho quản lý

và hoạt động của tổ chức đảng trong các DNNKVNN”⁴. Hiện nay, các tổ chức đảng trong DNNKVNN trực thuộc nhiều cấp ủy khác nhau. Có những tổ chức đảng thuộc Đảng ủy khối DN tỉnh, Đảng ủy khối DN quận, huyện, Đảng ủy khu chế xuất, khu công nghiệp, đảng bộ các tổng công ty... Nhưng cũng có những tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, quận, huyện ủy hoặc đảng ủy xã, phường, thị trấn. Do chưa được phân loại kịp thời theo quy mô tổ chức đảng và quy mô DN, nên có tình trạng chi bộ chỉ có dưới 10 đảng viên lại trực thuộc đảng ủy khối DN tỉnh, đảng bộ có hàng trăm đảng viên, hàng nghìn lao động, hoạt động trên phạm vi toàn quốc lại trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn...

Bên cạnh đó, theo đồng chí Phùng Hữu Cư “Nội dung, phương thức hoạt động của nhiều tổ chức đảng trong các DNNKVNN còn lúng túng, chưa thể hiện rõ vị trí, vai trò của mình, không đóng góp được cho sự phát triển của DN, nên vai trò mờ nhạt, hoạt động khó khăn”... “ảnh hưởng của tổ chức đảng trong các DNNKVNN đối với chủ DN, người quản lý và công nhân lao động trong DN còn hạn chế. Số tổ chức đảng hoạt động ổn định, vai trò, vị trí được DN, quần chúng thừa nhận chưa nhiều. Việc xây dựng, thành lập tổ chức đảng và phát triển đảng viên; việc xác định mô hình tổ chức, quản lý các tổ chức đảng trong DNNKVNN căn cứ vào địa bàn và qui mô của DN chưa có sự thống nhất còn rời rạc, phân tán và vẫn đang trong quá trình tìm tòi, chưa có mô hình thống nhất, gây lúng túng, trở ngại cho quản lý và hoạt động của tổ chức đảng trong các DNNKVNN vì vậy kết quả đạt được còn thấp và chưa đạt được yêu cầu đề ra”⁵.

Nhìn tổng thể cho thấy việc xây dựng, phát triển tổ chức đảng trong các DNNKVNN hiện vẫn còn nhiều hạn chế; số lượng tổ chức đảng và đảng viên trong các DNNKVNN chưa tương xứng với quy mô, sự phát triển. Các tổ chức Đảng trong DNNKVNN chưa phát huy được chức năng, nhiệm vụ theo như Quy định của Trung ương trong hoạt động tại các DN.

2. Tình hình nghiên cứu trong tỉnh

Theo tìm hiểu, đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức, cá nhân nào nghiên cứu về nội dung như đề tài đã chọn. Năm 2013, Đảng ủy Khối DN tỉnh Bắc Giang đã chủ trì nghiên cứu và bảo vệ thành công Đề tài khoa học đó là: “Thực trạng,

⁴ Bài “Tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước - Thực trạng và giải pháp” Đăng trên Website Xây dựng Đảng ngày 25/01/2015.

⁵ Bài “Giải pháp xây dựng tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở Đảng bộ Khối DN tỉnh Bình Thuận” đăng trên <http://www.binhthuancpv.org.vn>

nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phát triển tổ chức cơ sở đảng trong DN tư nhân và DN có vốn đầu tư nước ngoài”. Mục tiêu của Đề tài chỉ mới tập trung đánh giá thực trạng công tác xây dựng đảng, đoàn thể trong các DNTN trực thuộc Đảng bộ Khối; DN tư nhân và DN FDI tại khu công nghiệp của tỉnh. Kết quả nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp phát huy dân chủ, tăng cường công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong DN tư nhân và DN FDI tại khu công nghiệp của tỉnh.

Qua sơ kết 3 năm triển khai thực hiện các giải pháp của Đề tài ở Đảng bộ Khối đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. BTV Đảng ủy Khối thành lập mới 07 chi bộ trong DNNKVNN⁶. Hướng dẫn các tổ chức đảng thành lập được 14 chi bộ dưới cơ sở. Riêng Chi bộ các DN khu công nghiệp tỉnh, Chi bộ Hiệp hội DN tỉnh được chọn làm nòng cốt để vận động, phát triển tổ chức đảng, đảng viên tại các DN tư nhân. Sau 13 năm đi vào hoạt động, các khu công nghiệp tỉnh không phát triển được đảng viên nào thì đến nay, đã phát triển và thành lập được Đảng bộ Các khu công nghiệp tỉnh với trên 200 đảng viên, trong đó số đảng viên được mở rộng ở gần 50 DN ngoài khu vực nhà nước.

Tuy nhiên, việc tiếp cận với các DNNKVNN và DN FDI để tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị xã hội gặp nhiều khó khăn. Nhiều chủ DN tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài, do chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của tổ chức Đảng trong DN, nên e ngại việc thành lập tổ chức đảng trong DN sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN; một số khác tuy không cản trở nhưng lại không ủng hộ, không tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất... để tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị hoạt động.

Một số DN tư nhân tuy có tổ chức đảng nhưng chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, cá biệt có nơi chỉ tồn tại một cách hình thức, thực tế là làm theo sự chỉ đạo của hội đồng quản trị, giám đốc DN. Một số DN chưa quan tâm đến số đảng viên đang công tác và làm việc tại đơn vị. Đối với đảng viên là người lao động trong DN chưa có tổ chức Đảng ngại phiền hà nên không báo cáo mình là đảng viên; một bộ phận người lao động xác định đi làm công ăn lương, chăm lo đến kinh tế gia đình, mà ít quan tâm tham gia vào hoạt động chính trị - xã hội.

Trên bình diện chung toàn tỉnh, sau 8 năm triển khai thực hiện Kết luận 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương (Khóa X) về tiếp tục tăng cường công tác xây

⁶ Tính đến cuối năm 2016 đã thành lập được 7 chi bộ, gồm: Các DN khu công nghiệp, Hiệp hội DN tỉnh, Công ty CP Ngôi sao, Công ty TNHH Thương mại Công Minh, Bệnh viện đa khoa Sông Thương, Công ty CP May Nấm châu OCEAN, Công ty TNHH Việt Thắng.

dựng Đảng, đoàn thể trong DN tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần tư nhân, DN FDI; đã thành lập được 40 tổ chức đảng trong các DNNKVNN. Trong đó có 03 đảng bộ cơ sở, 12 chi bộ cơ sở và 25 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở. Theo đánh giá của BTV Tỉnh ủy Bắc Giang cho thấy công tác tuyên truyền, vận động chủ DN, người lao động ở một số nơi chưa tốt, nên nhiều chủ DN vẫn còn tâm lý băn khoăn, chưa thực sự ủng hộ, tạo điều kiện cho việc thành lập và phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DN⁷...

IV. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

- Tổ chức đảng, đảng viên trực thuộc Đảng bộ Khối DN tỉnh;
- Lãnh đạo các DN có tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ Khối DN tỉnh;
- Lãnh đạo các DN đang sinh hoạt tại Hiệp hội DN tỉnh Bắc Giang.
- Đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên, hội viên cựu chiến binh và công nhân lao động trong các DN có tổ chức đảng, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối DN tỉnh.

1.2. Phạm vi nghiên cứu

- Tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước, giai đoạn 2014-2016.
- Không gian: Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Nội dung nghiên cứu

Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay” với các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng hiện nay

- Nghiên cứu chuyên đề 1: Công tác triển khai thực hiện các quy định của Đảng về xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong các DNNKVNN.

⁷ Báo cáo số 86-BC/TU ngày 30/9/2016 của BTV Tỉnh ủy Bắc Giang về sơ kết việc thực hiện Kết luận 80-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương (Khóa X)

- Nghiên cứu chuyên đề 2: Đổi mới công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị trong cán bộ đảng viên và xây dựng tác phong công nghiệp trong công nhân lao động.

- Nghiên cứu chuyên đề 3: Phát huy vai trò của tổ chức Đảng trong các khu công nghiệp tỉnh, thúc đẩy các DNNKVNN phát triển bền vững; Thực trạng và những vấn đề đặt ra.

2.2. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước, giai đoạn 2014-2016.

Xây dựng 06 mẫu phiếu điều tra, tổ chức điều tra 3.000 phiếu; cụ thể:

- Mẫu số 1: Điều tra 600 phiếu các đảng viên đang sinh hoạt tại các tổ chức đảng trong Đảng bộ Khối về vai trò của tổ chức Đảng và Đảng viên trong DNNKVNN.

- Mẫu số 2: Điều tra 300 phiếu lãnh đạo các DN có tổ chức đảng, đảng viên trong Đảng bộ Khối .

- Mẫu số 3: Điều tra 200 phiếu đối với cấp ủy viên cơ sở về vai trò của tổ chức Đảng và Đảng viên trong DN ngoài khu vực Nhà nước.

- Mẫu số 4: Điều tra 1.000 phiếu đối với CNLĐ trong DNNKVNN có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Khối, DN là thành viên Hiệp hội DN tỉnh.

- Mẫu số 5: Điều tra 500 phiếu cán bộ, đoàn viên công đoàn trong các DN có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối DN tỉnh, phát huy vai trò tổ chức Đảng, đoàn thể trong DN, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và thực hiện văn hóa DN.

- Mẫu số 6: Điều tra 400 phiếu cán bộ, đoàn viên thanh niên trong các DN có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối DN tỉnh, phát huy vai trò tổ chức Đảng, đoàn thể trong DN, thực hiện công tác phát triển tổ chức đảng, đảng viên.

- Tổng hợp số liệu, xử lý thông tin, phân tích báo cáo kết quả điều tra.

- Nghiên cứu chuyên đề 4: Phát huy vai trò của cấp ủy đảng, phối hợp với người quản lý DN trong công tác quản trị DN và hội nhập kinh tế quốc tế

- Nghiên cứu chuyên đề 5: Phát huy vai trò của tổ chức đảng phối hợp Hiệp hội DN của tỉnh, phát triển tổ chức đảng, đảng viên và thúc đẩy DN phát triển.

- Nghiên cứu chuyên đề 6: Thực trạng và đề xuất giải pháp công tác đào tạo, bồi dưỡng CBĐV của các cấp ủy đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước.

- Nghiên cứu chuyên đề 7: Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị xã hội trong DN gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua “SXKD giỏi”; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và của chủ DN ngoài khu vực Nhà nước.

- Nghiên cứu chuyên đề 8: Phát huy vai trò của tổ chức đảng trong đề xuất với cấp ủy, chính quyền, phối hợp với các sở, ngành có liên quan có cơ chế chính sách và đối thoại, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo động lực phát triển DN.

- Nghiên cứu chuyên đề 9: Thực trạng và đề xuất giải pháp về công tác phối hợp, liên kết sử dụng sản phẩm, dịch vụ của các DN trong tỉnh, góp phần thúc đẩy DN phát triển.

- Nghiên cứu chuyên đề 10: Phát huy vai trò của tổ chức đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước, thực hiện liên kết “3 nhà” giữa DN với nhà nông và nhà khoa học, góp phần phát triển DN và kinh tế địa phương.

- Nghiên cứu chuyên đề 11: Phát huy vai trò của tổ chức đảng, các đoàn thể trong thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong các DNNKVNN.

- Nghiên cứu chuyên đề 12: Phát huy vai trò của tổ chức đảng, các đoàn thể trong xây dựng DN văn hóa và đạt chuẩn DN văn hóa.

- Nghiên cứu chuyên đề 13: Phát huy vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể và người quản lý DN giải quyết đình công, lãn công trong các DNNKVNN.

- Nghiên cứu chuyên đề 14: Phát huy vai trò của tổ chức đảng phối hợp với người quản lý DN trong thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc trong các DNNKVNN.

- Nghiên cứu chuyên đề 15: Phát huy vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp với người quản lý DN thúc đẩy tăng năng suất lao động của các DNNKVNN tỉnh Bắc Giang.

2.3. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát huy vai trò của tổ chức đảng trong các DNNKVNN, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương

- Nghiên cứu, đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DNNKVNN ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay.

- Xây dựng văn bản dự thảo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về phát huy vai trò tổ chức Đảng trong DNNKVNN tỉnh Bắc Giang”.

2.4. Nghiên cứu biên soạn cuốn “Sổ tay công tác bí thư chi bộ DNNKVNN” tỉnh Bắc Giang.

- Biên soạn, xuất bản 500 cuốn Sổ tay công tác bí thư chi bộ các DNNKVNN.

2.5. Nghiên cứu, xây dựng điểm hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong DN ngoài khu vực Nhà nước

- Xây dựng 02 mô hình hoạt động của tổ chức đảng tại Chi bộ Công ty cổ phần Ngôi sao và Chi bộ Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Hàn Quốc.

- Thực hiện mô hình thí điểm áp dụng một số giải pháp chủ yếu đề tài đã nghiên cứu.

2.6. Tổ chức hội thảo khoa học, tập huấn nghiệp vụ công tác đảng

- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho cấp ủy viên cơ sở về nghiệp vụ Bí thư chi, đảng bộ trong DNNKVNN.

- Tổ chức 02 hội thảo khoa học thuộc nội dung nghiên cứu.

3. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

3.1. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài được tiếp cận và nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phát triển các thành phần kinh tế và phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các DNNKVNN.

- Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học chính trị - xã hội, chủ yếu là:

- + Phương pháp điều tra xã hội học: Điều tra theo phiếu định dạng sẵn kết hợp với phỏng vấn trực tiếp.

- + Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp; tổng kết thực tiễn. Chú trọng phương pháp tổng kết hoạt động thực tiễn, phân tích thông tin, số liệu từ các báo cáo sơ kết, tổng kết của các DN, các cơ quan quản lý có liên quan.

- + Phương pháp chuyên gia: Tổ chức các cuộc hội thảo để lấy ý kiến chuyên gia.

3.2. Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu

- Phối hợp với Công đoàn khác khu công nghiệp tỉnh, Đảng ủy các khu công nghiệp tỉnh, Hiệp hội DN tỉnh, các tổ chức đảng trực thuộc để tiến hành khảo sát,

điều tra theo phiếu định dạng sẵn.

- Đề có thêm số liệu đánh giá thực trạng, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Liên đoàn Lao động tỉnh và các cơ sở đảng trực thuộc khai thác các báo cáo tổng kết có liên quan.

- Sau khi đề xuất các giải pháp, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Liên đoàn Lao động tỉnh và chuyên gia để lấy ý kiến phản biện, hoàn thiện báo cáo nghiệm thu đề tài.

3.3. Kỹ thuật sử dụng

- Điều tra, phỏng vấn trực tiếp, điền phiếu;
- Phân tích thực tiễn gắn với lý luận;
- Tổ chức hội thảo khoa học chuyên đề;
- Nghiên cứu, biên soạn cuốn sổ tay.

4. Những đóng góp của Đề tài

- Những luận cứ khoa học, các bảng, biểu tổng hợp số liệu điều tra, thống kê về số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác đảng kiêm nhiệm ở DN, báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát; các báo cáo chuyên đề nghiên cứu khoa học để phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở đảng trong DN thời gian tới tham gia phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Kết quả nghiên cứu của Đề tài góp phần cung cấp luận cứ khoa học nhằm tham mưu với Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, hoạch định phương hướng phát triển DN, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phát triển KTXH của tỉnh.

- Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu phục vụ cho việc sơ tổng kết công tác xây dựng đảng hàng năm của Đảng ủy Khối DN, làm tư liệu tham khảo trong việc giảng dạy ở các lớp bồi dưỡng cấp ủy, đảng viên mới, bồi dưỡng quần chúng ưu tú của Đảng ủy Khối DN trong nhiệm kỳ 2015 – 2020 và những năm tiếp theo; làm cơ sở để xây dựng các đề án, kế hoạch về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý diện Ban thường vụ Đảng ủy khối quản lý.

5. Những kế quả nghiên cứu cụ thể

5.1. Sản phẩm hoàn thành theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND

STT	TÊN SẢN PHẨM	SỐ LƯỢNG	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT
1	Các chuyên đề nghiên cứu	15	Nghiên cứu theo các nội dung nhánh của Đề tài
2	Kỷ yếu Hội thảo khoa học	02	Đủ hồ sơ: kế hoạch tổ chức Hội thảo, danh sách đại biểu dự, báo cáo đề dẫn và các bài tham luận tại Hội thảo..
3	Sổ tay công tác bí thư chi bộ DNNKVNN	500	Nội dung gồm các văn bản của Trung ương, tỉnh và Đảng ủy Khối về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tổ chức Đảng, hướng dẫn nghiệp vụ cho Bí thư chi bộ
4	Báo cáo xây dựng 02 mô hình thí điểm áp dụng	01	Đánh giá kết quả sau khi áp dụng một số giải pháp nghiên cứu của Đề tài
5	Báo cáo khoa học kết quả nghiên cứu đề tài	01	Đảm bảo đánh giá đúng, đủ nội dung theo Quyết định giao nhiệm vụ
6	Xây dựng văn bản dự thảo Kết luận của BTV Tỉnh ủy “Về phát huy vai trò tổ chức Đảng trong DNNKVNN tỉnh Bắc Giang”.	01	Đề ra các nhiệm vụ, giải pháp phát huy vai trò tổ chức Đảng trong DNNKVNN tỉnh Bắc Giang thời gian tới
7	Xây dựng 6 mẫu phiếu điều tra	3.000	Đảm bảo đủ các tiêu chí đánh giá, phục vụ công tác nghiên cứu của đề tài
8	Báo cáo kết quả điều tra	01	Đánh giá đúng thực trạng công tác điều tra, khảo sát
9	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ	01	Đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định

5.1. Sản phẩm hoàn thành vượt kế hoạch

STT	Tên sản phẩm	Số ký hiệu	Ngày ban hành
1	Kế hoạch đổi mới công tác tư tưởng trong tình hình mới, xây dựng tác phong công nghiệp trong cán bộ, đảng viên và công nhân lao động.	73-KH/ĐUK	08/4/2019
2	Kế hoạch xây dựng, phát huy vai trò của tổ chức đảng trong các DNNKVNN	74-KH/ĐUK	23/4/2019

3	Kế hoạch phát huy vai trò của tổ chức Đảng, phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất, giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo động lực phát triển DN	77-KH/ĐUK	20/5/2019
4	Hướng dẫn thực hiện việc phối hợp, liên kết sử dụng sản phẩm dịch vụ của các DN trong khôi	13-HD/ĐUK	29/3/2019`
5	Hướng dẫn Xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa	14-HD/ĐUK	03/4/2019
6	Hướng dẫn nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và người lao động trong DN	16-HD/ĐUK	16/4/2019
7	Hướng dẫn về việc phát huy vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp, thực hiện “liên kết 4 nhà”, góp phần phát triển DN và kinh tế địa phương	17-HD/ĐUK	23/4/2019
8	Hướng dẫn Quy trình phối hợp giải quyết khi xảy ra tranh chấp lao động dẫn tới ngừng việc tập thể, đình công, lãn công	18-HD/ĐUK	23/4/2019
9	Hướng dẫn Thi đua tăng năng suất lao động trong doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang	19-HD/ĐUK	23/4/2019
10	Hướng dẫn tăng cường công tác phối hợp giữa Đảng ủy Hiệp hội DN với Hiệp hội DN tỉnh trong phát triển tổ chức đảng, đảng viên, góp phần thúc đẩy DN phát triển	20-HD/ĐUK	05/6/2019
11	Hướng dẫn việc phối hợp hoạt động giữa cấp ủy với lãnh đạo DN	21-HD/ĐUK	20/5/2019
12	Hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong các DN	22-HD/ĐUK	20/5/2019
13	Hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ trong DNNKVNN	23-HD/ĐUK	20/5/2019
14	Hướng dẫn phát huy của các đoàn thể đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp	24-HD/ĐUK	27/5/2019
15	Hướng dẫn triển khai, thực hiện các văn bản, quy định của Đảng về xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong các loại hình DN.	25-HD/ĐUK	05/6/2019

PHẦN II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DNNKVN

1. Vị trí, vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam và nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần

1.1. Một số khái niệm và vị trí, vai trò của tổ chức đảng và Đảng Cộng sản Việt Nam

- Khái niệm về Tổ chức đảng: “*Là tổ chức do đại hội bầu hoặc do cấp ủy có thẩm quyền bầu hay chỉ định thành lập, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và quyết định theo đa số*”⁸.

- Khái niệm về Tổ chức cơ sở Đảng: “*Ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, DN, đơn vị sự nghiệp, đơn vị cơ sở trong quân đội, công an và các đơn vị cơ sở khác có từ ba đảng viên chính thức trở lên, lập tổ chức cơ sở đảng; nếu chưa đủ ba đảng viên chính thức thì cấp ủy cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở tổ chức cơ sở đảng thích hợp*”⁹.

- Khái niệm DN: DN là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh¹⁰.

- Khái niệm DN nhà nước: DN nhà nước là DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ¹¹.

- Khái niệm Người quản lý DN: Người quản lý DN là người quản lý công ty và người quản lý DN tư nhân, bao gồm chủ DN tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty¹².

⁸ Khoản 1, điều 2, Quyết định 263-QĐ/TW, ngày 08/10/2014 của BCH Trung ương Đảng về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm.

⁹ Điểm 2, điều 21, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

¹⁰ Điểm 7, Điều 4 Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014

¹¹ Điểm 8, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2014 (đã dẫn)

¹² Điểm 18, Điều 4, Luật Doanh nghiệp 2014 (đã dẫn)

Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã xác định rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đất nước, đó là:

“1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình.

3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”¹³.

1.2. Nội dung nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, trọng phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay

Gần 90 năm xây dựng và trưởng thành, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân, dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên những chiến công chói lọi, hiển hách. Đưa Việt Nam từ đất nước chịu bao cảnh lầm than, nô lệ trở thành một nước độc lập, tự do, dân chủ và đang thẳng tiến trên con đường xây dựng CNXH. Trong lãnh đạo thực hiện công cuộc xây dựng đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thể hiện đường lối nhất quán, xác định rõ mô hình, con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Trong đó, Đảng đã khẳng định xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần trong điều kiện đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; xác định vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong tiến trình hội nhập.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định rõ: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”.

¹³ Điều 4, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

“Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển”.

- Để thể hiện tính nhất quán trong đường lối, các quan điểm về phát triển kinh tế tư nhân, Đảng tiếp tục cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển KTXH 2011 – 2020. Theo đó, Đảng đã xác định *“Phát triển lực lượng DN trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, góp phần bảo đảm độc lập, tự chủ của nền kinh tế”*¹⁴.

“Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển đa dạng, mở rộng quy mô; có cơ chế, chính sách hợp lý trợ giúp các tổ chức kinh tế hợp tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, tiếp cận vốn. Khuyến khích phát triển các loại hình DN, các hình thức tổ chức SXKD với sở hữu hỗn hợp, nhất là các DN cổ phần. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân theo quy hoạch và quy định của pháp luật, thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân, khuyến khích tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế Nhà nước. Thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường và tăng cường sự liên kết với các DN trong nước. Thực hiện Chương trình quốc gia về phát triển DN gắn với quá trình cơ cấu lại DN. Hỗ trợ phát triển mạnh các DNNVV. Tạo điều kiện để hình thành các DN lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường. Phát triển doanh nhân về số lượng và năng lực quản lý, đề cao đạo đức và trách nhiệm xã hội. Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật để tăng cường sự gắn bó giữa người sử dụng lao động và người lao động”¹⁵.

- Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định những định hướng lớn về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vai trò của kinh tế tư nhân và hoạt động các loại hình DN. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nêu rõ:

“Mọi DN thuộc các thành phần kinh tế đều phải hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các DN Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp CNH-HĐH. Bảo đảm quyền tự do kinh doanh các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; xây dựng, thực thi đồng bộ, hiệu quả cơ chế hậu kiểm, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về

¹⁴ Trích Chiến lược phát triển KTXH 2011 – 2020

¹⁵ Trích Chiến lược phát triển KTXH 2011 – 2020

cạnh tranh, tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước và độc quyền DN, kiểm soát độc quyền kinh doanh. Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản DN theo cơ chế thị trường”¹⁶...

“Khuyến khích phát triển các loại hình DN, các hình thức tổ chức SXKD với sở hữu hỗn hợp, nhất là các DN cổ phần.”

“Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV, DN khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.”¹⁷

“Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với DN trong nước. Tăng cường liên kết giữa FDI với DN trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.”

- Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của BCH Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Theo đó, BCH Trung ương Đảng đã đưa ra 06 quan điểm về phát triển kinh tế tư nhân, cụ thể như sau:

(1)- Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển.

(2)- Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong GDP.

^{16 14} Trích Văn kiện Đại hội Đại biểu lần thứ XII của Đảng

(3)- Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng. Phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước của kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực, nhất là phòng, chống mọi biểu hiện của “chủ nghĩa tư bản thân hữu”, quan hệ “lợi ích nhóm”, thao túng chính sách, cạnh tranh không lành mạnh để trục lợi bất chính.

(4)- Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNVV. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình DN. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu.

(5)- Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các DNNN khi cổ phần hóa hoặc Nhà nước thoái vốn. Thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết SXKD, cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các FDI nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan tỏa rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

(6)- Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng CNXH của các chủ DN. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm với xã hội và kỹ năng lãnh đạo, quản trị cao; chú trọng xây dựng văn hóa DN, đạo đức doanh nhân.

2. Về lãnh đạo công tác Đảng trong các DN ngoài khu vực Nhà nước

2.1. Các chủ trương, đường lối của Đảng về lãnh đạo công tác Đảng trong các DNNKVNN

- Xác định vai trò quan trọng của DN, trong đó có DNNKVNN, từ năm 1996 đến nay, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản về công tác xây dựng Đảng trong DN như: Chỉ thị số 07-CT/TW, của Bộ Chính trị (khóa VIII), ngày 23/11/1996, về “Tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các DN tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là DN tư nhân) và DN FDI”; Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008, của BCH Trung ương

(khóa X) “về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên; Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006, của BCH Trung ương Đảng (khóa X) về đảng viên làm kinh tế tư nhân; thực hiện thí điểm kết nạp chủ DN tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng...

- Sau khi đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, ngày 29/7/2010, Ban Bí thư Trung ương đã ban hành Kết luận số 80-KL/TW “về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới”.

- Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đề ra nhiệm vụ “Tập trung củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, tạo chuyển biến về chất lượng hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, nhất là tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và DN thuộc các thành phần kinh tế. Kiên toàn tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở cơ sở”... “Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong công nhân. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tổng kết việc thực hiện Quy định của BCH Trung ương Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân và việc thí điểm kết nạp những người là chủ DN tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng”¹⁸.

- Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang cũng đã đề ra nhiệm vụ cụ thể nhằm tăng cường công tác đảng trong các loại hình DN. Trong đó nêu rõ “*Quan tâm phát triển đảng viên trong các loại hình DN*”... “*Quan tâm phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các DNNKVN, trú trọng phát triển tổ chức đảng trong các khu công nghiệp, tiến tới thành lập Đảng bộ các Khu công nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy. Tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, phân công nhiệm vụ cho đảng viên*”¹⁹.

2.2. Về vị trí, vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước

Để thống nhất tổ chức, mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng trong các loại hình DN, Trung ương đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ cho từng loại hình DN, cụ thể đối với các DNNKVN có các quy định sau:

- Quy định số 288-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống.

¹⁸ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII do Văn phòng trung ương Đảng phát hành 2016 – Trang 205

¹⁹ Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII – Trang 73

Quy định nêu rõ chức năng của tổ chức Đảng, đó là “Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng và tuyên truyền, vận động các thành viên trong công ty thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ và các quy chế, quy định của công ty; tham gia xây dựng và lãnh đạo công ty phát triển bền vững, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ SXKD của công ty, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của công ty, các cổ đông và người lao động, góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh; xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.”

Quy định số 288-QĐ/TW đề ra 05 nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức cơ sở Đảng trong DNNKVNN, đó là:

- (1)- Lãnh đạo nhiệm vụ SXKD, an ninh, quốc phòng
- (2)- Lãnh đạo công tác tư tưởng
- (3)- Lãnh đạo các đoàn thể chính trị-xã hội
- (4)- Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ
- (5)- Lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng

- Quy định số 170-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN tư nhân.

Quy định nêu rõ chức năng của tổ chức Đảng, đó là “Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN tư nhân là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong DN; tuyên truyền, vận động chủ sở hữu, các thành viên HĐQT, HĐQTV, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do điều lệ DN quy định (gọi chung là người quản lý DN) và người lao động chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, DN và người lao động”. Quy định số 170-QĐ/TW đề ra 05 nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức cơ sở Đảng trong DN tư nhân, đó là:

- (1)- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trách nhiệm xã hội.
- (2)- Thực hiện công tác tư tưởng
- (3)- Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội
- (4)- Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ
- (5)- Lãnh đạo công tác xây dựng đảng

- Quy định số: 171-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN có vốn nước ngoài.

Quy định nêu rõ chức năng của tổ chức Đảng, đó là “Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN có vốn nước ngoài là hạt nhân chính trị lãnh đạo đảng viên, các tổ chức chính trị - xã hội trong DN; tuyên truyền, vận động nhà đầu tư nước ngoài, các thành viên HĐQT, HĐQT, giám đốc hoặc tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác do điều lệ DN quy định (gọi chung là người quản lý DN) và người lao động chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, DN, nhà đầu tư và người lao động”.

Quy định số 171-QĐ/TW đề ra 05 nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức cơ sở Đảng trong DN có vốn nước ngoài, đó là:

- (1)- Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, giữ gìn an ninh trật tự và trách nhiệm xã hội
- (2)- Thực hiện công tác tư tưởng
- (3)- Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội
- (4)- Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ
- (5)- Lãnh đạo công tác xây dựng đảng

Đồng thời, các quy định cũng xác định mối quan hệ của tổ chức đảng trong các loại hình DN với HĐQT (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc); với các đoàn thể chính trị-xã hội và đối với các tổ chức có liên quan.

II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DNNKVVN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG HIỆN NAY

1. Đặc điểm tình hình của tỉnh Bắc giang liên quan đến tổ chức đảng trong DNNKVVN

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang

Bắc Giang là tỉnh Miền núi, thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Theo phân vùng kinh tế, trước đây Bắc Giang nằm trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, từ năm 2012 là tỉnh nằm trong quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội. Hiện nay, tỉnh có 09 huyện và 01 thành phố, trong đó có 06 huyện miền núi và 01 huyện vùng cao (Sơn Động). Bắc Giang có diện tích tự nhiên 3.823 km², chiếm 1,2% diện tích tự nhiên của Việt Nam. Trong tổng diện tích tự nhiên của Bắc Giang, đất nông nghiệp chiếm

32,4%; đất lâm nghiệp có rừng chiếm 28,9%; còn lại là đồi núi, sông suối chưa sử dụng và các loại đất khác.

Nằm trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng, liền kề vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, Bắc Giang rất thuận lợi trong phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa với Trung Quốc.

Bắc Giang đã quy hoạch và triển khai các khu công nghiệp cùng một số cụm công nghiệp, với tổng diện tích gần 1.500 ha, trong đó có 01 khu công nghiệp đã cơ bản được lấp đầy. Các khu công nghiệp nằm ở phía Nam tỉnh thuộc các huyện Việt Yên và Yên Dũng được quy hoạch liền kề nhau, nằm dọc theo đường quốc lộ 1A mới Hà Nội - Lạng Sơn, gần với các đô thị lớn, thuận lợi cả về đường bộ, đường sông, đường sắt, đường hàng không và các cảng sông, cảng biển. Bắc Giang cách thủ đô Hà Nội khoảng 50 km, cách sân bay quốc tế Nội Bài 45 km, cách cảng Hải Phòng khoảng 110 km và cách cửa khẩu Hữu Nghị Quan 120 km, có hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh; thuận lợi cả về hệ thống cung cấp điện, nước và bưu chính - viễn thông.

Các khu, cụm công nghiệp hiện nay gồm: khu công nghiệp Đình Trám, diện tích 100 ha; khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, diện tích 180 ha; khu công nghiệp Quang Châu, diện tích 426 ha; khu công nghiệp Vân Trung, diện tích 442 ha; khu công nghiệp Việt Hàn, diện tích 100 ha, giai đoạn hai mở rộng tới 200 ha; cụm công nghiệp cơ khí ô tô Đồng Vàng, diện tích khoảng 38 ha. Ngoài ra, hiện tỉnh Bắc Giang đang xây dựng 02 khu công nghiệp Hòa Phú tại huyện Hiệp Hòa và Khu công nghiệp huyện Việt Yên.

Bắc Giang đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; quan tâm đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động của các DN và đặc biệt chú trọng cải cách thủ tục hành chính theo hướng đảm bảo công khai, minh bạch với cơ chế "một cửa liên thông", nhà đầu tư chỉ cần đến Trung tâm hành chính công hoặc một địa chỉ là Ban quản lý các khu công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư là được cấp giấy chứng nhận đầu tư, mã số thuế và con dấu.

1.2- Tình hình triển khai chính sách, chương trình hỗ trợ DN của tỉnh giai đoạn 2014 - 2016

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Giang ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm trợ giúp DNNVV trên địa bàn tỉnh, có các văn bản mang tính định hướng

như các Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành và sản phẩm chủ yếu của tỉnh đến năm 2020 về phát triển công nghiệp, phát triển thương mại, phát triển kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng, phát triển mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị, mạng lưới kinh doanh xăng dầu...

Trong giai đoạn 2014 – 2016, cơ bản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang vẫn thực hiện theo một số văn bản đã ban hành như:

- Quyết định số 192/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 về việc ban hành Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch Khuyến công tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015;

- Kế hoạch số 2521/KH – UBND ngày 27/10/2011 về việc Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 – 2015;

- Kế hoạch số 2304/KH-UBND ngày 04/10/2012 về việc thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 về phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2015;

- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa các DN vừa và nhỏ của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến 2020...

Đến thời điểm năm 2017, trên địa bàn có 26 chi nhánh ngân hàng thương mại với 64 phòng giao dịch; 20 quỹ tín dụng nhân dân. Hệ thống ngân hàng đã đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; các ngân hàng đã tập trung vốn cho các lĩnh vực trọng tâm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên cho vay đối với các lĩnh vực như nông nghiệp, nông thôn, sản xuất hàng xuất khẩu,... tăng trưởng tín dụng giai đoạn tăng khá, tăng bình quân 21%/năm.

Các ngân hàng thương mại đã tăng cường triển khai, mở rộng cho vay theo các chương trình, sản phẩm tín dụng như: Dự án tài trợ DN nhỏ và vừa SMEFP III, chương trình cho vay mua ô tô dành cho DN siêu nhỏ, chương trình cho vay theo Thông tư 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014...; Chuyển dịch cơ cấu tín dụng, ưu tiên cho các đối tượng DNNVV, đặc biệt DNNVV hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu, lĩnh vực sản xuất gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, thực hiện hỗ trợ DNNVV trong sản xuất, kinh doanh.

Triển khai chương trình kết nối ngân hàng DN và người dân trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho các DN và người dân vay vốn thuận lợi. Thực hiện công văn số 2667/NHNN-VP ngày 17/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam “V/v triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - DN”, Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã xây dựng và tham mưu cho UBND tỉnh triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - DN và người dân trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2014, Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã tổ chức được 4 cuộc đối thoại với DN và người dân trên địa bàn, nhằm thông tin, giải đáp và tháo gỡ khó khăn cho DN và hộ dân về cơ chế tín dụng, lãi suất và hoạt động ngân hàng và tổ chức buổi lễ ký kết hỗ trợ vốn vay của các ngân hàng với các DN và hộ dân trên địa bàn. Qua chương trình kết nối ngân hàng DN và người dân trên địa bàn, các ngân hàng đã trực tiếp tiếp cận trên 500 DN trên địa bàn, tham gia nhiều cuộc đối thoại giữa ngân hàng và DN, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc về thủ tục vay vốn liên quan đến định giá, đánh giá tài sản thế chấp, giảm lãi suất tiền vay, thực hiện cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất tiền vay... theo nội dung của chương trình.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố phối hợp triển khai hỗ trợ các dự án lập quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật một số khu, cụm công nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút đầu tư. Để hỗ trợ cho địa phương đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, từ năm 2011 đến 2013, Trung ương đã hỗ trợ tỉnh Bắc Giang 24,5 tỷ đồng (8 tỷ đồng năm 2011; 13 tỷ đồng năm 2012; 3,5 tỷ đồng năm 2013; 4,6 tỷ đồng) để xây dựng hạ tầng cho 7 cụm công nghiệp gồm: Hợp Thịnh (huyện Hiệp Hoà); Việt Tiến (huyện Việt Yên); Bó Hạ (huyện Yên Thế); Trại Ba Quý Sơn (huyện Lục Ngạn); Đồi Ngô (huyện Lục Nam); Đồng Đình (huyện Tân Yên) và Thị trấn Neo (huyện Yên Dũng); Nghĩa Hòa (Lạng Giang), thị trấn Neo (Yên Dũng). Bên cạnh đó tỉnh Bắc Giang cũng dành 1,1 tỷ đồng từ nguồn ngân sách để hỗ trợ cho các huyện lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư cho 12 cụm công nghiệp.

UBND tỉnh chỉ đạo cập nhật 100% văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trên Trang thông tin điện tử của tỉnh để DN thuận lợi trong công tác tiếp cận và thực hiện. Hoạt động giải đáp pháp luật cho DN thực hiện thông qua nhiều hình thức. Biên soạn cuốn tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành còn hiệu lực liên quan đến hoạt động SXKD của DN trên tất cả các lĩnh vực như: Đầu tư, xây dựng, lao động, việc làm, tài chính, đất đai ... để cấp phát miễn phí đến các DN giúp DN nắm bắt và áp dụng, phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh. Thực hiện việc biên soạn cuốn tài liệu “ Hỏi- đáp pháp luật về Thuế cho DN”; sách mỏng về lĩnh vực “ Pháp luật về Hợp đồng” và “Pháp luật về Lao động” cấp phát miễn phí cho DN...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực được chú trọng. Giai đoạn 2011 - 2015, nhiệm vụ trợ giúp phát triển nguồn nhân lực đã được triển khai thực hiện có hiệu quả, đến nay toàn tỉnh có 105 cơ sở (tăng 35 cơ sở so với năm 2010). Từ 2011 đến hết 2014, tổ chức triển khai Chương trình trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các DN nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh với nguồn kinh phí Ngân sách tỉnh hỗ trợ là 522 triệu đồng, triển khai thực hiện được 16 khóa đào tạo, trong đó có 07 lớp quản trị DN và 09 lớp khởi sự DN trên địa bàn toàn tỉnh. Tổ chức được 06 lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng kinh doanh thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế nông thôn, ứng dụng làm giàu cho 150 học viên là cán bộ các phòng ban của UBND huyện, thành phố và cán bộ các DN trên địa bàn...

Tỉnh thường xuyên cung cấp cho các DN nhỏ và vừa thông tin kinh tế thị trường trong và ngoài nước, tạo điều kiện cho các DN quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu. Giai đoạn 2011-2014 đã tổ chức và hỗ trợ kinh phí cho 127 lượt DN tham gia 3 hội chợ công nghệ và thiết bị, 6 hội chợ thương hiệu quốc tế nổi tiếng, 11 hội chợ thương mại khác. Tổ chức được 02 gian hàng của tỉnh tham gia trưng bày triển lãm tại: Hội chợ thương mại quốc tế: Việt Nam lần thứ 22 - VIETNAM EXPO 2012 Hà Nội; hội chợ thương mại – du lịch Khánh Hoà và hội chợ thương mại biên giới quốc tế Trung - Việt (Vân Nam – Trung Quốc). Việc hỗ trợ các DN, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, hàng hóa được quan tâm, đến nay đã có 13 sản phẩm, hàng hóa của tỉnh được hỗ trợ xây dựng thương hiệu. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 2921/KH-UBND ngày 28/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phát triển TMĐT tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015. Kết quả đã tiến hành lựa chọn được 05 DN trong tỉnh để triển khai hỗ trợ 70% kinh phí xây dựng 05 trang Website DN với mục đích nhằm hỗ trợ các DN trên địa bàn đẩy mạnh

ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh quảng bá, tìm kiếm thị trường, khách hàng trên công cụ Internet...

1.3. Thực trạng hoạt động của các DN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014- 2016

Tình hình phát triển KT-XH của tỉnh năm 2016 đạt được nhiều kết quả nổi bật. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) cao nhất từ trước đến nay, ước đạt 10,4%, vượt 0,4% kế hoạch; tăng trưởng ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ đạt cao hơn năm 2015; trong đó, khu vực công nghiệp tăng 19,8%, xây dựng tăng 8,3%; dịch vụ tăng 7,6%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,8%. Quy mô GRDP bình quân ước đạt 1.750 USD/người, tăng 260 USD so với năm 2015.²⁰

Sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng cao, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm, chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng đều có mức tăng xấp xỉ 30% so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2017 ước bằng 130% so với năm 2016; giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 114,375 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch, tăng 32,8% so với năm 2016.

Ngành dịch vụ tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất ước đạt 34.445 tỷ đồng, đạt 90,3% kế hoạch, tăng 14,4% so với năm 2016. Giá cả hàng hóa cơ bản ổn định, chỉ số giá tiêu dùng năm 2017 ước tăng 1,9% so với năm 2016. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 22.190 tỷ đồng, vượt 0,9% kế hoạch, tăng 13,5%; kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng cao, giá trị xuất khẩu ước đạt 6,2 tỷ USD, vượt 30,4% kế hoạch, tăng 70,8%; giá trị nhập khẩu ước đạt 6 tỷ USD, vượt 17,6% kế hoạch, tăng 58,1% so với năm 2016.²¹

Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh tiếp tục được cải thiện. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016 của tỉnh tăng 7 bậc so với năm 2015, đứng thứ 33/63 tỉnh, thành phố. Thu hút đầu tư đạt kết quả ấn tượng, từ đầu năm đến hết tháng 11/2017 đã thu hút được tổng số vốn đăng ký mới và bổ sung quy đổi đạt 2,23 tỷ USD, bằng 89,4% mục tiêu (thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh đứng thứ 8/63 về so dự án và thứ 11/63 tỉnh thành về vốn đăng ký).

- Trong những năm gần đây, số lượng các DNNKVVNN trên địa bàn tỉnh tiếp tục tăng mạnh; góp phần quan trọng vào việc tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc

²⁰ Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2016, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2017.

²¹ Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2017; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2018.

làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tính trong năm 2017, tỉnh Bắc Giang có 1.255 DN và 142 chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký thành lập mới (tăng 59,3% so với cùng kỳ năm 2016); vốn đăng ký của các DN là 10.789 tỷ đồng; có 91 DN đã giải thể (bằng 7,5% số DN thành lập mới năm 2017) và 166 DN tạm ngừng kinh doanh. Như vậy tính đến cuối năm 2017, toàn tỉnh có 7.112 DN trong nước với số vốn đăng ký là 45.065 tỷ đồng và 311 DN FDI với số vốn đăng ký là 3,14 tỷ USD.²²

Tuy nhiên, các DNNKVVN ở tỉnh Bắc Giang đến nay chủ yếu vẫn là DNNVV, mới được thành lập chưa lâu; vốn đăng ký kinh doanh thấp, nhiều DN hoạt động với quy mô “gia đình”, sử dụng ít lao động. Các DNNKVVN ở tỉnh Bắc Giang có một số điểm khác nhau về tên gọi, quy mô, hình thức sở hữu, ngành nghề SXKD, nhưng có chung một số đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, về nguồn gốc của các DN khá phong phú và đa dạng, đa số các DN trong Đảng bộ Khối được tiến hành cổ phần hóa từ DNNN; một số DN tư nhân và DN FDI được thành lập mới, nhiều DN được phát triển đi lên từ kinh tế hộ, một số DN được chuyển đổi từ các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp trước đây...

Thứ hai, đa số các DNNKVVN ở tỉnh Bắc Giang có quy mô nhỏ và vừa, có vốn điều lệ thấp, sử dụng lao động hạn chế. Ngành nghề SXKD của các DN tương đối đa dạng, song chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như thương mại, dịch vụ và xây dựng. Hầu hết các DN phát triển theo hướng SXKD đa ngành nghề, đa lĩnh vực mà chưa có sự tập trung đầu tư chuyên sâu vào một lĩnh vực ngành nghề nhất định.

Thứ ba, chủ DNNKVVN có đủ các thành phần, nghề nghiệp, giới tính, độ tuổi, dân tộc; có người là đảng viên, có người không phải là đảng viên; có người là cán bộ, công chức nhà nước, lực lượng vũ trang, công nhân đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động nhưng cũng có người chưa từng thoát ly công tác...

Thứ tư, lao động làm việc trong các DNNKVVN không đồng đều về trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật. Các DN đã phát triển khá nhanh về số lượng, loại hình và quy mô hoạt động, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động.

1.4- Khái quát đặc điểm Đảng bộ Khối DN tỉnh

²² Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2017; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2018.

Đảng bộ Khối DN tỉnh thành lập năm 2009 với 55 tổ chức cơ sở Đảng ban đầu. Đến 2017 đã phát triển lên 67 tổ chức cơ sở đảng, trong đó 25 đảng bộ và 42 chi bộ cơ sở với trên 3.100 đảng viên. Trong đó: Có 46 chi, đảng bộ cơ sở thuộc loại hình DN ngoài khu vực Nhà nước, bằng 65% tổng số cơ sở đảng và 1.353 đảng viên, bằng 48% tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Các DN trong Đảng bộ Khối quản lý hơn 75.000 CNLĐ. Đảng bộ có 02 tổ chức đoàn thể gồm Hội CCB Khối với 26 tổ chức hội cơ sở; Đoàn Khối DN tỉnh có 46 tổ chức cơ sở đoàn.

Trong số 197 DN đang hoạt động tại các khu công nghiệp, có 09 DN có tổ chức đảng, trong đó 06 chi bộ dưới cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối DN tỉnh. Các DN trong Các khu công nghiệp có hơn 300 đảng viên, trong đó trên 200 đảng viên đang sinh hoạt trong Đảng bộ Khối DN tỉnh; 30 đảng viên vẫn đang sinh hoạt đảng tại địa phương và nơi cư trú. Có 7 DN có từ 03 đảng viên trở lên công tác và làm việc nhưng chưa thành lập tổ chức đảng; 5 DN có đảng viên công tác và làm việc nhưng chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng.

Hiện nay, trong các Khu công nghiệp của tỉnh có 94 tổ chức công đoàn với trên 30.000 đoàn viên; có 03 tổ chức Đoàn thanh niên với 160 đoàn viên. Các đoàn thể ở các DN đã cố gắng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; tích cực tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tới các đoàn viên, hội viên; quan tâm chăm lo đời sống, việc làm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động...

Đại hội Đảng bộ Khối DN tỉnh lần thứ II, nhiệm kỳ 2015 – 2020 đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã thảo luận, thống nhất mục tiêu nhiệm vụ cơ bản nhiệm kỳ 2015-2020: Phần đầu tăng doanh thu bình quân hằng năm đạt 15%, lợi nhuận hằng năm đạt 10% trở lên; có trên 95 % đơn vị, DN hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và chấp hành đúng quy định về đảm bảo môi trường trên địa bàn SXKD; bảo việc làm, tạo việc làm mới tăng bình quân 15% hằng năm; thu nhập của người lao động tăng bình quân 15% trở lên so với năm trước; 100% người lao động hợp đồng có thời hạn được tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định; 80% trở lên các đơn vị trong Khối đạt cơ quan, DN chuẩn văn hoá và 100% cơ quan, DN đảm bảo an ninh, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động; 100% tổ chức cơ sở đảng trong khối thực hiện công khai, dân chủ theo quy định về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hằng năm có 90 % trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 60 % đạt trong sạch vững mạnh; có trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 15% hoàn thành

xuất sắc nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ, phát triển mới 6 cơ sở đảng, hằng năm kết nạp 150 đảng viên mới trở lên. Nâng cao chất lượng các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh, phần đầu có 70% cơ sở đoàn, 80% công đoàn cơ sở và 80 % hội cựu chiến binh cơ sở đạt vững mạnh và 100% các cơ sở đảng và DN tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội.²³

2- Thực trạng công tác lãnh đạo, thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức Đảng trong các DN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2016

2.1. Về công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

- Với đặc thù là tổ chức Đảng cấp trên cơ sở nhưng không có chính quyền cùng cấp, trong những năm qua, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh đã bám sát sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành tỉnh có liên quan tập trung lãnh đạo cơ sở đảng khắc phục khó khăn, thực hiện nhiệm vụ chính trị; tập trung phát triển tổ chức đảng, đảng viên và các đoàn thể chính trị trong các DN ngoài khu vực Nhà nước. Mặc dù còn gặp khó khăn trong SXKD, kết quả SXKD giai đoạn 2014-2016 tiếp tục đạt được kết quả tích cực. Hầu hết các DN trong Khối đạt tốc độ tăng trưởng khá. Tổng doanh thu đạt gần 200 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 20%, đạt so với mục tiêu đề ra. Đảm bảo việc làm cho trên 70 nghìn lao động, các DN cơ bản thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động. Đảng ủy Khối đã tham mưu với lãnh đạo tỉnh tổ chức mỗi năm từ một đến hai buổi gặp mặt, đối thoại, tiếp xúc cử tri giữa các DN trong Khối với Đoàn đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh Bắc Giang, đại biểu HĐND tỉnh, tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với các DN trong Khối.

Đảng ủy coi trọng việc phối hợp với các sở, ngành tỉnh ban biện pháp tháo gỡ khó khăn, giúp DN đẩy mạnh SXKD, như: Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Sở Khoa học & Công nghệ, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, các hiệp hội DN tỉnh... Với phương châm “gần DN, hiểu DN, có trách nhiệm với DN”, Đảng ủy Khối tập trung chỉ đạo tổ chức đảng, đảng viên thực hiện “Ba đồng hành” cùng DN: (1) Đồng thành thực hiện nhiệm vụ SXKD; (2) xây dựng văn hóa DN; (3) Chăm lo việc làm, đời sống của người lao động. Thành lập 4 cụm thi đua, định kỳ hằng quý tổ chức giao ban với các cụm thi đua để nắm bắt tình hình ở các DN, nghe ý kiến phản ánh của cơ sở về SXKD cũng như công tác xây dựng Đảng.

²³ Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối DN tỉnh lần thứ II, nhiệm kỳ 2015 - 2020

- BTV Đảng ủy Khối đã tích cực chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với cán bộ, đảng viên và người sử dụng lao động nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển DN theo hướng bền vững. Hầu hết các DN đã tăng cường đầu tư vốn, đổi mới công nghệ, thiết bị, mở rộng sản xuất tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường, tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Việc sắp xếp, đổi mới DN được thực hiện theo đúng yêu cầu; sau khi sắp xếp lại và chuyển đổi chủ sở hữu năng lực hoạt động hiệu quả hơn, bố trí lại đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động phù hợp; bảo toàn và phát triển nguồn vốn; hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước; nâng cao thu nhập cho người lao động. Nhiều DN đã chú trọng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào SXKD đem lại hiệu quả thiết thực. Kết quả thực hiện SXKD của các DN trong Khối đã góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảng 1: Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đơn vị trong Đảng bộ Khối DN tỉnh 3 năm (2015 – 2017)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Doanh thu	tỷ đồng	57.220	88.198	118.279
2	Lợi nhuận	triệu đồng	679.383	799.320	904.816
3	Nộp ngân sách	tỷ đồng	1.192	1.331	1.326
4	Thu nhập của người lao động	triệu đồng	5,3	5,9	6,5
5	Công tác nhân đạo, từ thiện	tỷ đồng	21,786	58,731	33,126
6	Tổng số lao động thường xuyên	người	70.224	91.494	103.482

(Nguồn: Báo cáo số 256-BC/ĐUK của Đảng ủy khối DN tỉnh về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015 – 2020)

Qua kết quả điều tra khảo sát của 200 cấp ủy viên, cho thấy từ 76,3% đến 87,1% cấp ủy viên cơ sở trả lời đã quan tâm phối hợp tốt với lãnh đạo doanh nghiệp trên các hoạt động, cụ thể như sau: Phối hợp trong triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Phối hợp trong thực hiện nghị quyết của chi bộ; Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ đảng viên; Phối hợp trong chăm lo đời sống, việc làm của người lao động; Phối hợp trong triển khai các phong trào thi đua; Phối hợp trong xây dựng văn hóa DN; Phối hợp trong thực hiện công tác nhân đạo từ thiện; Phối hợp trong lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị; Phối hợp trong giữ vững an ninh chính trị, an toàn trong DN.

Cấp ủy, chi bộ đã trực tiếp đề xuất kiến nghị với lãnh đạo DN thực hiện các nội dung nhằm tăng năng xuất lao động, nâng cao chất lượng lao động, sản xuất của cán bộ, đảng viên, người lao động trong doanh nghiệp. Kết quả điều tra, khảo sát 200 cấp ủy viên cho thấy, hằng năm cấp ủy đã triển khai kiến nghị, đề xuất các nội dung như: Bồi dưỡng chuyên môn, tay nghề cho công nhân (76,8% trả lời), Thi nâng bậc, nâng lương cho công nhân (59,8%); Công nhận và khen thưởng các sáng kiến của công nhân (61,3%); Khen thưởng định kỳ cho công nhân lao động giỏi (72,2%); Tập huấn về đảm bảo vệ sinh, an toàn lao động (79,9%); Tuyên truyền về chấp hành nội quy, quy chế của DN (88,7%); Tổ chức du lịch, nghỉ dưỡng cho công nhân (67%); Tổ chức nghỉ giữa giờ, ăn ca cho công nhân (74,7%); Vận động công nhân, lao động thực hiện văn hóa DN (84%).

Bên cạnh đó, các DN còn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện, hằng năm các DN trong Khối đều tích cực ủng hộ các Cuộc vận động “Tết vì người nghèo” và tháng cao điểm “Vì người nghèo”; thăm, tặng quà các gia đình chính sách nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27/7; các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; tham gia trồng cây xanh tại công viên Hoàng Hoa Thám... Bình quân mỗi năm, các DN dành trên 20 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện, riêng năm 2016, các DN đã chi 58 tỷ đồng.

Hưởng ứng Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ Khối, trong những năm qua, một số đơn vị trong Khối đã hình thành sự liên kết, hợp tác sử dụng dịch vụ - sản phẩm của nhau, giảm chi phí, tăng doanh thu và lợi nhuận, góp phần thúc đẩy DN phát triển nhanh, bền vững.

Ngày 08/7/2016, BTV Đảng ủy Khối đã ban hành Kế hoạch số 20-KH/ĐU về phối hợp liên kết sử dụng dịch vụ, sản phẩm hàng hóa giữ các DN trong khối giai đoạn 2016-2020. Đến nay nhiều cơ sở đảng thuộc Đảng bộ và ngoài Đảng bộ Khối đã và đang phối hợp liên kết tiêu thụ sản phẩm với giá trị lên đến hàng trăm tỷ đồng, cụ thể như: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bắc Giang với các gói tín dụng ưu đãi lãi suất thấp dành cho DN nhỏ và vừa, mở tài khoản giao dịch tiền gửi; Viễn Thông Bắc Giang với tên sản phẩm dịch vụ: các sản phẩm Viễn Thông- Công nghệ thông tin; Công ty Cổ phần Xi Măng Bắc Giang với tên sản phẩm dịch vụ: Cung cấp sản phẩm xi măng các loại ... Nhiều DN trong Khối đã có sự liên kết, hợp tác với nhau với hình thức liên kết ngày càng đa dạng hơn, hiệu quả hơn. Các DN ngày càng nhận thức rõ hơn quan điểm: Liên kết, hợp tác giữa các

DN là quyền lợi, là trách nhiệm của cả hai bên, qua đó góp phần giúp các DN ổn định, phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh.

BTV Đảng ủy đã phối hợp với Hội Nông dân tỉnh triển khai Quyết định 2067/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 23/12/2014 về việc phê duyệt tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020, trong đó quan tâm tới việc tìm đầu ra cho nông sản, chú trọng việc liên kết giữa hộ nông dân với DN xuất khẩu để tăng giá trị hàng hóa nông sản, tiêu thụ ổn định. Ngày 18/8/2016 BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 130-NQ/TU về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020. Đây là điều kiện thuận lợi để việc liên kết giữa các nhà DN, nhà khoa học và người nông dân trong sản xuất – chế biến – tiêu thụ nông sản trên diện tích cánh đồng lớn. Hiện nay, mô hình liên kết 4 nhà đã và đang được triển khai ở Bắc Giang và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định.

- Trong chỉ đạo, triển khai thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, Đảng bộ Khối DN tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các cơ sở Đảng trực thuộc phối hợp với lãnh đạo DN tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động trong các DN về nội dung xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa DN trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Căn cứ các quy định về tiêu chuẩn, trình tự thủ tục xét và công nhận “DN đạt chuẩn văn hóa”; Đảng ủy Khối đã xây dựng Kế hoạch về xây dựng cơ quan, DN đạt chuẩn văn hóa đồng thời hướng dẫn các đơn vị hằng năm đăng ký xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa ngay từ đầu năm. Nhiều DN đã gương mẫu xây dựng nếp sống văn hóa, môi trường làm việc và thực hiện tốt các nội dung về xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa. Qua đó cổ vũ tích cực cho các phong trào thi đua yêu nước, lao động giỏi, lao động sáng tạo góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, xây dựng DN phát triển bền vững.

Phong trào đã thúc đẩy các DN thi đua lao động sản xuất, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, nâng cao ý thức làm chủ tập thể, xây dựng, cuộc sống văn minh lành mạnh, có đời sống văn hóa tinh thần phong phú, tốt đẹp... Kết quả các DN đạt chuẩn văn hóa hàng năm cụ thể như sau:

Bảng 2: Kết quả thực hiện xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa

TT	Tiêu chí	2015	2016	2017
1	Tổng số DN có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng bộ Khối	66	66	67
2	Tỷ lệ DN đạt chuẩn văn hóa	79%	62%	81%
3	Tỷ lệ DN không đạt chuẩn văn hóa	21%	38%	19%

(Nguồn: Báo cáo số 256-BC/ĐUK của Đảng ủy khối DN tỉnh về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015 – 2020)

2.2. Về lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng

Trong bối cảnh chung của đất nước, với tình hình thực tiễn của địa phương, Đảng ủy Khối DN tỉnh luôn xác định công tác tư tưởng là công tác của toàn Đảng bộ, là nhiệm vụ của mỗi cấp ủy và các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội, của toàn thể cán bộ, đảng viên và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đảng ủy Khối đã tổ chức tốt việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và các nghị quyết hội nghị Trung ương (Khóa XI, XII) cho cán bộ, đảng viên. Tăng cường đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đẩy mạnh việc giáo dục truyền thống cách mạng trong cán bộ, đảng viên, người lao động. Việc triển khai học tập, sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc; việc thực hiện điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác được duy trì; tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên có nhiều chuyển biến rõ rệt, việc thực hiện quy chế dân chủ có nhiều tiến bộ.

Định kỳ, Đảng ủy Khối đã phối hợp với Hiệp hội DN, các ngành chức năng mời các giáo sư, tiến sỹ, chuyên gia có nhiều kinh nghiệm như nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan; đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; Giáo sư, tiến sỹ Hà Tôn Vinh; Phó giáo sư- tiến sỹ Trần Đình Thiên, Viện trưởng Viện Kinh tế Việt Nam... thông tin kịp thời tình hình thời sự trong và ngoài nước đặc biệt những vấn đề về quản trị DN, tranh thủ cơ hội trong khủng hoảng kinh tế thế giới; xây dựng thương hiệu, văn hóa DN; công tác xây dựng Đảng... Qua đó, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức, ổn định tình hình tư tưởng, cán bộ, đảng viên, giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Chú trọng lãnh đạo việc phát triển SXKD, xây dựng, phát triển văn hóa DN, văn hóa ứng xử...

Đồng thời, Đảng ủy tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Toàn Đảng bộ đã có 10.630 điển hình tiên tiến, việc làm tốt của tập thể và cá nhân được thực hiện. Nhận thức của cấp ủy, lãnh đạo DN, các đoàn thể chính trị, của cán bộ, đảng viên, công nhân lao động đã có chuyển biến rõ rệt; tạo sự chuyển biến tích cực về hành động như tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu, tự giác, trách nhiệm với công việc của mỗi cá nhân được nâng lên. Qua đó đã xuất hiện nhiều gương tiêu biểu, nhiệt tình, tâm huyết, năng động sáng tạo trong công tác, học tập, lao động, SXKD; biểu đề tài sáng kiến, giải pháp việc làm tốt tiêu biểu được ứng dụng trong SXKD đem lại hiệu quả thiết thực, làm lợi cho DN hàng tỷ đồng, góp phần xây dựng và phát triển DN bền vững, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

Đảng bộ tập trung nâng cao chất lượng thông tin tại các kỳ sinh hoạt theo hướng đa dạng, trên tất cả các lĩnh vực. Điều này đã thể hiện qua kết quả điều tra khảo sát đối với các đồng chí cấp ủy viên. Cơ bản các đồng chí cấp ủy viên trả lời điều tra khảo sát cho thấy mức độ tập trung thông tin cho đảng viên cao và đồng đều, như: Thông tin về chỉ thị nghị quyết của Đảng 97,9%, thông tin về chính sách pháp luật của Nhà nước 79,4%, thông tin thời sự trong nước, thế giới 81,4%, thông tin về đời sống, việc làm của người lao động 77,3%, triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 93,3%, triển khai các nhiệm vụ về xây dựng Đảng 87,1%, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị 82,5%...

Bảng 3: Kết quả trả lời về triển khai thông tin trên các lĩnh vực cho đảng viên của 200 cấp ủy viên cụ thể như sau:

Tiêu chí đánh giá	Thường xuyên		Không thường xuyên		Không triển khai	
	Số trả lời	Tỷ lệ %	Số trả lời	Tỷ lệ %	Số trả lời	Tỷ lệ %
Về chỉ thị nghị quyết của Đảng	190	95	4	2	6	3
Về chính sách pháp luật của Nhà nước	154	77	35	17.5	11	5.5
Về thời sự trong nước, thế giới	158	79	31	15.5	11	5.5
Về đời sống, việc làm của người lao động	150	75	29	14.5	21	11.5
Về Triển khai các nhiệm vụ SXKD	181	90.5	10	5	9	4.5
Về các nhiệm vụ xây dựng Đảng	169	84.5	13	6.5	18	9
Xây dựng văn hóa DN, nhân đạo từ thiện	133	66.5	50	25	17	8.5
Lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị	160	80	25	12.5	15	7.5

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

Về mức độ thông tin thời sự chính sách cho đảng viên, cụ thể như với 600 đảng viên được điều tra, khảo sát thì có 97,7% trả lời được thông tin thường xuyên (chỉ có 2,3% cho rằng rất ít thông tin). 100% đảng viên nhận thức được là thông tin thời sự chính sách định kỳ là “rất cần thiết” với 75,3% và “Cần thiết” với 24,7%. Về chất lượng nội dung thông tin trong sinh hoạt chi bộ được đa số đảng viên đánh giá tốt, cụ thể như: thông tin về chỉ thị nghị quyết của đảng có 80% đồng ý, thông tin về chính sách pháp luật có 81,8%, thông tin về học tập và làm theo Bác có 82,5, thông tin về thời sự có 82,2%. Đối với việc nắm bắt thông tin về chỉ thị nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước của đội ngũ đảng viên, có 70,5% trả lời do tổ chức Đảng phổ biến, 63,7% biết qua báo chí, 82,8% qua ti vi, đài phát thanh; 36,8% qua bảng tin trong đơn vị và 42,3% qua trao đổi với mọi người.

Bảng 4: Kết quả trả lời của 600 đảng viên đánh giá chất lượng công tác tuyên truyền, quán triệt các nội dung đến cán bộ, đảng viên, cụ thể như sau:

Nội dung	Mức độ đánh giá					
	Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Chỉ thị, nghị quyết của Đảng	480	80	101	16.8	19	3.2
Chính sách, pháp luật của Nhà nước	491	81.8	109	18.2	0	0
Học tập và làm theo Bác	495	82.5	98	16.3	7	1.2
Thời sự hằng tháng	493	82.2	95	15.8	12	2
Công tác XD Đảng, đoàn thể	453	75.5	130	21.7	17	2.8
Tình hình hoạt động của đơn vị	496	82.7	104	17.3	0	0

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

Đảng bộ đã quan tâm xây dựng, củng cố, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, có đủ phẩm chất chính trị, uy tín, năng lực công tác đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các cấp ủy đảng cơ sở đã xác định được vai trò nhiệm vụ lãnh đạo công tác tư tưởng ở cơ sở mà trực tiếp là trách nhiệm của người đứng đầu là đồng chí Bí thư cấp ủy và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của đơn vị. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức lớp Trung cấp lý luận chính trị cho 70 đồng chí; cử gần 200 cán bộ lãnh đạo các DN tham gia học các chương trình trung, cao cấp chính trị, bồi dưỡng kiến thức mới cho đảng viên; hơn 10.000 lượt

cán bộ, đảng viên, công nhân lao động tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Bảng 5: Một số kết quả đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2014 - 2016

TT	Tiêu chí	2014	2015	2016
1	Bồi dưỡng kết nạp Đảng (người)	216	427	265
2	Bồi dưỡng Đảng viên mới (người)	187	154	172
3	Bồi dưỡng cấp ủy (người)	x	320	350

(Nguồn: Báo cáo số 256-BC/ĐUK của Đảng ủy khối DN tỉnh về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015 – 2020)

Do làm tốt công tác chính trị, tư tưởng nên người quản lý DN đã có nhận thức ngày càng đầy đủ về vị trí, vai trò của tổ chức Đảng trong DN, mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng với người quản lý DN ngày càng khăng khít hơn. Ở nhiều DN, người quản lý DN chủ động ủng hộ cả vật chất và tinh thần, quan tâm, tạo điều kiện để tổ chức Đảng hoạt động. Trong số cấp ủy viên 200 trả lời điều tra, khảo sát cho thấy lãnh đạo DN ủng hộ và thực hiện các nghị quyết của chi bộ là 88,1%, ủng hộ về cơ sở vật chất cho hoạt động của chi bộ là 85,1%; Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động là 70,1%; Tạo điều kiện về thời gian để sinh hoạt là 86,1%; Ưu tiên trong đề bạt, bổ trí, bổ nhiệm đảng viên có trình độ, năng lực vào các vị trí trong DN là 74,2%; Tích cực tham gia các hoạt động của chi bộ là 76,8%. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 6: Một số đánh giá về sự quan tâm của người quản lý DN đối với hoạt động của tổ chức Đảng trong DN

Tiêu chí đánh giá	Thường xuyên		Có nhưng ít		Không ủng hộ	
	Số trả lời	Tỷ lệ %	Số trả lời	Tỷ lệ %	Số trả lời	Tỷ lệ %
Ủng hộ và thực hiện các nghị quyết của chi bộ	171	85.5	18	9	11	5.5
Về cơ sở vật chất cho hoạt động của chi bộ	165	82.5	25	12.5	10	5
Ủng hộ kinh phí tổ chức các hoạt động	136	68	42	21	22	11
Tạo điều kiện về thời gian để sinh hoạt	167	83.5	15	7.5	18	9
Ưu tiên trong đề bạt, bổ trí, bổ nhiệm đảng viên có trình độ, năng lực vào các vị trí trong DN	144	72	15	7.5	41	20.5
Tích cực tham gia các hoạt động của cấp ủy, chi bộ	149	74.5	32	16	19	9.5

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

Cũng về nội dung trên, trong 600 phiếu điều tra đảng viên trả lời lãnh đạo DN thường xuyên tạo điều kiện về thời gian để chi bộ sinh hoạt là 95%, lãnh đạo doanh nghiệp dự họp cùng chi bộ thường xuyên là 72,5%; thường xuyên hỗ trợ kinh phí cho chi bộ hoạt động là 64,2%; tạo điều kiện cho đảng viên phát triển, bố trí vào các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp là 75,3%; Khuyến khích để công nhân trở thành đảng viên 76%. Điều này cũng tương đồng với 581/600 đảng viên (bằng 96,8%) cho rằng mối quan hệ giữa chi bộ với lãnh đạo doanh nghiệp là tốt.

2.3. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong các DNNKVN

Đảng ủy thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, việc thực hiện quy chế của cấp ủy, thực hiện việc rà soát, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của cấp ủy phù hợp với tình hình của tổ chức đảng trong từng loại hình DN. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chủ trương Chủ tịch HĐQT, Giám đốc DN đồng thời là bí thư cấp ủy; hiện nay có 62/66 đơn vị (bằng 94%) bí thư cấp ủy đồng thời là lãnh đạo DN. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu cấp ủy, DN, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, “*Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm*”. Tăng cường cán bộ chuyên trách về cơ sở trực tiếp làm công tác tuyên truyền và quản lý đảng viên. Đảng ủy đã tăng cường 03 cán bộ tham gia sinh hoạt đảng ở 02 đảng bộ cơ sở và trực tiếp làm phó bí thư Đảng ủy cơ sở (Hiệp hội DN nhỏ và vừa, Đảng bộ các Khu công nghiệp tỉnh)...

Đảng ủy quan tâm thực hiện tốt việc khắc phục những mặt hạn chế yếu kém, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Hằng năm, Đảng ủy đều ban hành Kế hoạch khắc phục những mặt hạn chế yếu kém, đồng thời thành lập Tổ công tác để giúp đỡ các cơ sở đảng khắc phục hạn chế, yếu kém, từng bước tháo gỡ những khó khăn tại đơn vị, chỉ đạo các cơ sở đăng ký xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Thành lập tổ công tác trực tiếp xuống cơ sở để bàn và đề ra các giải pháp khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém của DN. Qua đó đã giúp các đơn vị tháo gỡ được những khó khăn và có những giải pháp thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Chỉ đạo chi, đảng bộ cơ sở gặp nhiều khó khăn tự đánh giá kết quả hoạt động, từ đó tự xác định để thực hiện củng cố sắp xếp tổ chức đảng.

Quan tâm phân công nhiệm vụ cho đảng viên, giữ gìn đoàn kết thống nhất và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng. Chống những biểu

hiện tiêu cực ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, đạo đức tư cách của người đảng viên; trước tiên chỉ đạo thực hiện quyết liệt về thực hiện nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy. Thực hiện điều tra, khảo sát đánh giá về đồng chí bí thư chi bộ của 600 đảng viên, có 100% số đảng viên đánh giá là bí thư chi bộ tận tụy, trách nhiệm với công việc, có ý thức giúp đỡ đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, quan tâm đến đời sống của đảng viên và được đảng viên, quần chúng quý mến. 97,2% đánh giá là tổ chức tốt các hoạt động, 90,3% đánh giá là đảm bảo vệ quyền lợi của đảng viên. Đánh giá về năng lực của Bí thư chi bộ, có 87,7% trả lời là rất tốt, số còn lại (12,3%) cho rằng đạt mức khá; có 31% số đảng viên cho rằng bí thư chi bộ cần bồi dưỡng thêm về lý luận chính trị, chỉ có 12,3% cho rằng cần bồi dưỡng thêm về năng lực lãnh đạo các đoàn thể chính trị và kỹ năng vận động quần chúng, phát triển đảng viên mới.

Đến nay, đa số các tổ chức đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước thực hiện tốt việc xây dựng quy chế làm việc và thực hiện nghiêm quy chế; chủ động đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; từng bước quan tâm đổi mới nội dung, hình thức và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của từng DN.

Cũng qua trả lời của 600 đảng viên được điều tra, khảo sát, cho thấy các tổ chức Đảng cơ bản thực hiện tốt các nội dung về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Cụ thể như: 97% làm tốt trong bàn, quyết định về xây dựng nhiệm vụ của chi bộ (3% làm khá tốt); 90,3% làm tốt trong bàn công tác phối hợp giữa chi bộ với lãnh đạo DN (9,7% làm bình thường); 91,8% làm tốt trong bàn, quyết định về công tác phát triển đảng viên mới (8,2% làm bình thường); 95,7% làm tốt trong bàn, quyết định phân công công tác cho đảng viên (4,3% làm bình thường); 92,2% làm tốt trong bàn biện pháp lãnh đạo hoạt động các đoàn thể (7,8% làm bình thường). Không có trường hợp nào đánh giá là không dân chủ.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục và nêu gương đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo sự chuyển biến về nhận thức của đội ngũ lãnh đạo các DN về vị trí, vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong DN, từ đó thu hút được nhiều quần chúng ưu tú có nguyện vọng được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Cũng theo kết quả điều tra khảo sát, đến 82,5% đoàn viên thanh niên (330/400

người) và 79,6% công nhân, lao động (796/1000 người), 59,2% đoàn viên công đoàn (296/500 người) được hỏi rất muốn được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Bảng 7: Kết quả khảo sát đối với 400 đoàn viên thành niên về nguyện vọng được đứng trong hàng ngũ của Đảng, như sau:

Tiêu chí	Số trả lời	Tỷ lệ %	Tiêu chí	Số trả lời	Tỷ lệ %
- Rất muốn được kết nạp Đảng	305	76.25	- Đang nghiên cứu	33	8.25
- Rất muốn nhưng chưa biết làm như thế nào	24	6	- Khó trả lời	38	9.5

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

Công tác phát triển tổ chức đảng tại Các khu công nghiệp đang được triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Đảng bộ Các khu công nghiệp tỉnh được thành lập tháng 5/2014 trên cơ sở sáp nhập Chi bộ Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh và Chi bộ Các DN khu công nghiệp tỉnh trực thuộc Đảng bộ Khối DN tỉnh. Ban đầu, Đảng bộ Các khu công nghiệp tỉnh có 04 chi bộ trực thuộc và 35 đảng viên. Qua hơn 02 năm hoạt động (2014-2016) đã kết nạp trên 100 đảng viên và thành lập mới được 06 chi bộ trực thuộc, nâng tổng số đảng viên 150 đồng chí. Từ khi thành lập đảng bộ các khu công nghiệp đến nay đã tổ chức riêng 3 lớp bồi dưỡng lý luận lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp đảng cho trên 150 quần chúng ưu tú. Hiện nay số quần chúng đã được bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp đảng còn trên gần 100 đồng chí, đảm bảo nguồn kết nạp cho những năm tiếp theo.

Bảng 8: Một số kết quả công tác kết nạp đảng, thi đua, khen thưởng

TT	Tiêu chí	2014	2015	2016
1	Kết nạp Đảng (người)	150	183	215
	Trong đó, ngoài khu vực nhà nước	80	117	139
2	Thành lập tổ chức Đảng (tổ chức)	06	05	08
3	Khen thưởng tổ chức đảng (tổ chức)	13	23	16
4	Khen thưởng đảng viên (người)	228	250	277
	Trong đó - Đảng ủy Khối khen (người)	23	26	18
	- Cơ sở đảng khen (người)	205	224	259

(Nguồn: Báo cáo số 256-BC/ĐUK của Đảng ủy khối DN tỉnh về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015 – 2020)

Qua đánh giá của bí thư các cơ sở Đảng, sau khi có tổ chức Đảng và những quần chúng ưu tú được kết nạp Đảng cho thấy có sự chuyển biến rõ nét trong từng đơn vị. Trở thành đảng viên, người lao động gương mẫu hơn trong lao động, công tác và sinh hoạt; tích cực tham gia các hoạt động xã hội do tổ chức Đảng, đoàn thể và DN tổ chức. Đặc biệt, đảng viên trong từng DN chủ động vận động người lao động chấp hành tốt các quy định và tích cực tham gia các phong trào do đơn vị phát động.

Kết quả điều tra, khảo sát 600 đảng viên về việc chấp hành của người lao động đối với các quy định của DN, cho thấy: có 86,8% đánh giá tốt việc chấp hành thời gian lao động (11% bình thường, 2,2% chưa tốt); 86,2% đánh giá tốt việc không làm việc riêng trong giờ làm việc (13% bình thường, 0,8% chưa tốt); 97,8% đánh giá tốt việc thực hiện văn hóa ứng xử, giao tiếp (2,2% bình thường); 86,8% đánh giá tốt việc thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn lao động (12,5% bình thường, 0,7% chưa tốt); 94,5% đánh giá tốt ý thức học tập, nâng cao tay nghề (5,5% bình thường).

2.4. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ KTGS

BTV Đảng ủy Khối thường xuyên quan tâm việc lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cơ sở tiếp tục phổ biến, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác KT, GS và thi hành kỷ luật đảng tới các tổ chức đảng và đảng viên nhất là Quy định số 47-QĐ/TW của BCH Trung ương (khóa XI), Quy định số 30-QĐ/TW của BCH Trung ương Đảng (khóa XII), Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, Chỉ thị số 06- CT/TU và Đề án số 01-ĐA/TU ngày 14/7/2016 của BTV Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KT, GS của cấp ủy cơ sở trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016 - 2020” gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng... Chỉ đạo cấp ủy, UBKT các cấp chú trọng kiểm tra TCD, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, coi đây là một trong những tiêu chí đánh giá tổ chức cơ sở đảng cuối năm.

Từ 2015 đến nay, cấp ủy các cấp đã kiểm tra, kết luận xong 103 TCD và 1.845 đảng viên (đạt 100%). UBKT các cấp đã kiểm tra, kết luận xong 133 tổ chức đảng cấp dưới. Cấp ủy và UBKT các cấp đã giám sát 81 tổ chức đảng và 784 đảng viên; kiểm tra 5 TCD và 9 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Đảng ủy Khối đã chỉ

đạo giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với 06 đảng viên; cấp ủy các cấp đã thi hành kỷ luật 26 đảng viên (trong đó: khiển trách 20 đảng viên, cảnh cáo 03 đảng viên, khai trừ 03 đảng viên).

Nhìn chung, cấp ủy, UBKT các cấp trong Đảng bộ đã tổ chức thực hiện công tác KTGS đối với TCD và đảng viên đều có trọng tâm, trọng điểm, cơ bản đảm bảo đúng nguyên tắc và quy trình, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả. Thông qua KT, GS cho thấy cơ bản các chi, đảng bộ cơ sở và đảng viên nghiêm túc chấp hành, thực hiện tốt Điều lệ và các quy định của Đảng; tổ chức đảng đã phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị trong các DN, mỗi đảng viên luôn phát huy tính tiên phong, gương mẫu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các tổ chức đảng, đảng viên sau khi được KTGS đã có chuyển biến tích cực, góp phần xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

2.5. Công tác lãnh đạo phát triển các đoàn thể chính trị xã hội

Trong các DN có đảng viên đang sinh hoạt tại Đảng bộ Khối DN có trên 200 tổ chức công đoàn với 61.790 đoàn viên, 51 cơ sở đoàn thanh niên với 2.566 đoàn viên và 26 hội cựu chiến binh cơ sở. Các DN có trên 100.000 người lao động, tập chung đông chủ yếu tại Khu Công nghiệp tỉnh, Công ty cổ phần May Bắc Giang và Công ty cổ phần May Xuất khẩu Hà Bắc.

Trong những năm qua, Đảng ủy Khối đã luôn quan tâm tới công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong các DN trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các DNNKVVNN và DN FDI... Các Đoàn thể trong Khối DN cũng đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động công nhân người lao động tham gia các đoàn thể; tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và hoạt động của các đoàn thể trong Khối đến công nhân, người lao động, nhằm thu hút, tập hợp người lao động vào tổ chức. Qua điều tra, khảo sát 400 đoàn viên thanh niên về công tác tuyên truyền về Cuộc vận động “Đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam”, có trên 72% cho biết đã được tuyên truyền vận động.

Các đoàn thể trong Khối đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình để bảo đảm quyền lợi cho người lao động, đi sâu vào công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đoàn viên, hội viên, công nhân, người lao động chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Giáo dục công nhân lao động nâng cao ý thức tác phong công nghiệp, tính giai cấp, tinh thần giác ngộ đạo đức cách mạng, cảnh giác với âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Vận động công nhân lao động tích cực học

tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tiếp thu khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến. Học tập, thực hiện nội quy, quy chế, quy trình, quy phạm quản lý trong SXKD của DN, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động...

Các tổ chức đoàn thể trong Khối thường xuyên phối hợp tổ chức các buổi đối thoại giữa người lao động với người sử dụng lao động, giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao. Tổ chức hội nghị gặp mặt, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cũng như chia sẻ về những thuận lợi, khó khăn trong công tác tổ chức, thực hiện các phong trào gắn với thực hiện nhiệm vụ SXKD. Từ đó phát huy những thế mạnh, từng bước khắc phục những tồn tại, hạn chế và tổ chức thu hút công nhân lao động tham gia sinh hoạt ngày một tăng cả về số lượng và chất lượng. Vai trò, vị trí của từng đoàn thể đối với công nhân lao động được nâng lên, người lao động yên tâm về tư tưởng để tham gia sản xuất, kinh doanh, hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị tại đơn vị.

Các tổ chức đoàn thể đã phối hợp tốt với hoạt động chuyên môn, phát động các phong trào hành động cách mạng trong đoàn viên, hội viên như: Lao động giỏi, lao động sáng tạo, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao... Người lao động đã chủ động đăng ký đảm nhận các công trình, phần việc, ca máy thanh niên, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng tạo trong thực hiện chuyên môn nghiệp vụ. Qua đó đã có hàng trăm sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, những sáng tạo được hội đồng thi đua, hội đồng khoa học các đơn vị công nhận và áp dụng vào thực tế, giảm chi phí, tiết kiệm nguyên nhiên liệu từ đó làm lợi cho DN hàng trăm triệu đồng mỗi năm.

Bên cạnh đó, công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện được các tổ chức đoàn thể quan tâm và thường xuyên phát động, tổ chức thực hiện. Các loại quỹ vận động và kết quả vận động được sử dụng công khai, dân chủ, minh bạch, đạt hiệu quả tích cực, như: Quỹ tương trợ công nhân lao động, quỹ từ thiện với tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau khi đoàn viên, hội viên gặp hoạn nạn và có hoàn cảnh khó khăn. Người lao động và người sử dụng lao động tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội, ủng hộ đồng bào thiên tai, bão lũ, chất độc da cam, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn... do các tổ chức đoàn thể cấp trên phát động.

Các đoàn thể phối hợp chặt chẽ với người quản lý DN để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân lao động. Đại diện công nhân lao động thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể, là tổ chức đại diện liên hệ giữa chủ DN với người lao động; tham gia xây dựng nội quy lao động, thành lập hội đồng hoà

giải. Các đoàn thể giúp người lao động tham gia với chủ DN thực hiện tốt việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, làm cho người lao động yên tâm sản xuất gắn bó với DN. Đồng thời các đoàn thể tham gia với chủ DN về những chế độ có lợi cho người lao động như tổ chức tốt bữa ăn ca, chế độ thưởng nhân các ngày lễ, tết, chế độ thăm hỏi, hiếu, hi... Các đoàn thể chính trị, DN còn tổ chức sinh nhật cho đoàn viên, hội viên trong toàn DN.

Thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã làm cho các mối quan hệ của người lao động trong các DN ổn định, người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với DN. Vì vậy, quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động ngày càng gắn bó, tôn trọng lẫn nhau vì sự tồn tại, phát triển của DN, ổn định việc làm và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Đặc biệt, thông qua những hoạt động cụ thể, thiết thực của tổ chức Đảng, các đoàn thể chính trị xã hội trong DN đã được nhiều người quản lý DN đánh giá cao, thấy được tầm quan trọng trong quá trình lãnh đạo, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là vai trò của tổ chức Đảng, Hội CCB và tổ chức của thanh niên. Nhiều chủ DN đã thể hiện sự quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động. Đồng thời khuyến khích, động viên người lao động tích cực phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

Bảng 9: Kết quả điều tra, khảo sát 300 lãnh đạo DN đánh giá về vai trò của các tổ chức đảng, đoàn thể chính trị xã hội đối với sản xuất kinh doanh trong DN

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Quan trọng</i>		<i>Bình thường</i>		<i>Không quan trọng</i>		Không trả lời	
	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
- Tổ chức Đảng	70	23.33	193	64.33	37	12.33	0	0
- Công đoàn	96	32	67	22.33	58	19.33	79	26,34
- Hội CCB	216	72	62	20.67	22	7.33	0	0
- Chi đoàn thanh niên	102	34	76	25.33	72	24	50	16,67
- Hội liên hiệp thanh niên	216	72	62	20.67	22	7.33	0	0
- Hội phụ nữ	69	23	50	16.67	55	18.33	126	42

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

3. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

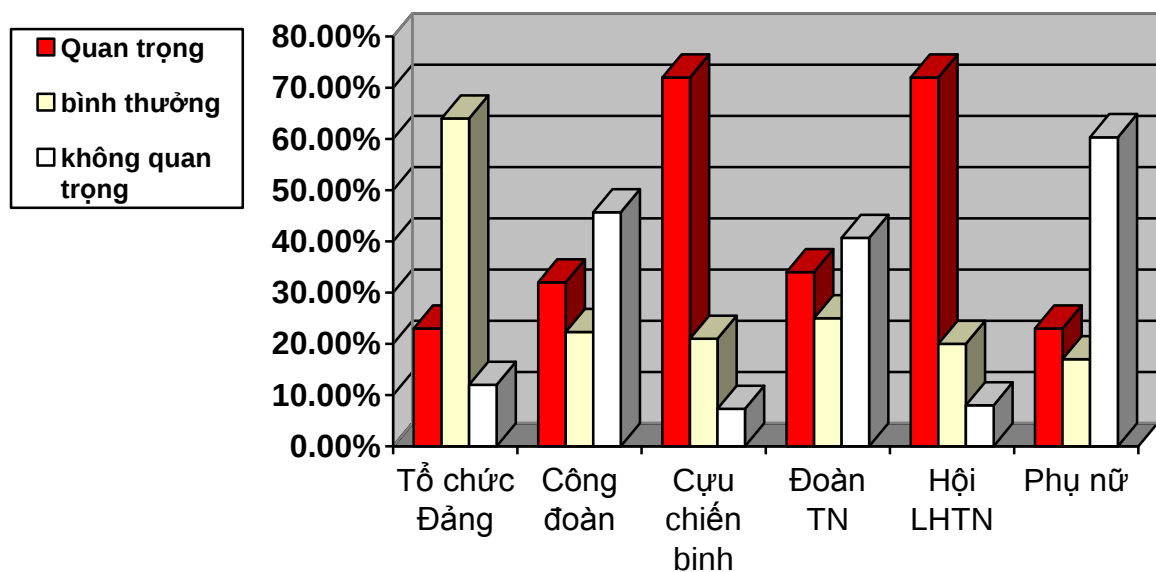
3.1. Về những tồn tại hạn chế

3.1.1. Về thực hiện nhiệm vụ chính trị của các tổ chức Đảng

- Một số DNNKVVNN tuy có tổ chức đảng nhưng chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, cá biệt có nơi chỉ tồn tại một cách hình thức, thực tế là làm theo sự chỉ đạo của HĐQT, giám đốc DN; qua đó cho thấy năng lực của đội ngũ cấp ủy viên trong DN còn hạn chế. Một số DN chưa quan tâm đến số đảng viên đang công tác và làm việc tại đơn vị. Một số lãnh đạo DN chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong DN nên có nhiều nội dung chưa quan tâm đúng mức. Nhận thức về tầm quan trọng của tổ chức đảng, đoàn thể còn hạn chế.

Cụ thể như khi điều tra, khảo sát hỏi về tầm quan trọng của tổ chức đảng trong DN, trong 300 lãnh đạo DN trả lời chỉ có 23,33% đánh giá là quan trọng, 64,33% là bình thường và 12,33% là không quan trọng; tương tự đánh giá về công đoàn thứ tự là 32%, 22,33% và 19,33%. (chi tiết như số liệu **Bảng 9**).

Đánh giá chung của người quản lý DN về tầm quan trọng của các tổ chức ta có đồ thị như sau:



- Hoạt động SXKD của một số DN gặp nhiều khó khăn. Trong số 300 lãnh đạo DN trả lời điều tra khảo sát, có 32% trả lời SXKD hòa vốn; 18% kinh doanh thua lỗ lớn và có 28% cho rằng DN lâm vào tình trạng nợ xấu. Thực hiện liên doanh, liên kết của các DN đang gặp khó khăn nhất định. Những khó khăn được lãnh đạo DN đưa ra là do chưa có tổ chức đứng ra làm đầu mối cho các hoạt động

liên doanh, liên kết; chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng; công tác hỗ trợ, chuyển giao khoa học kỹ thuật còn chậm, hiệu quả thấp.

- Một số DN sau khi cổ phần hóa gặp không ít khó khăn, còn để tình trạng nợ thuế, nợ BHXH, BHYT của người lao động. Ở một số đơn vị, người quản lý DN chưa quan tâm đến tổ chức đảng, đoàn thể và chưa quan tâm nhiều đến việc làm, đời sống cho công nhân lao động, số người nguy cơ mất việc làm trong DN sau cổ phần và DN có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng. Một số DN có vốn đầu tư nước ngoài có biểu hiện sử dụng người lao động sau 10 năm, quá 35 tuổi không ký hợp đồng lại, người lao động bị thất nghiệp, không có việc làm.

Bảng 10: Trả lời khảo sát, điều tra của 500 đoàn viên công đoàn đánh giá về sự quan tâm của người quản lý doanh nghiệp trên các mặt cụ thể như sau:

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Quan tâm</i>		<i>Có nhưng ít</i>		<i>Không quan tâm</i>	
	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
- Tổ chức thi nâng bậc, nâng lương định kỳ cho công nhân	314	62,8	53	10,6	133	26,6
- Chú trọng đổi mới công nghệ, nâng cao năng xuất lao động	263	52,6	42	8,4	195	39
- Khen thưởng, động viên người lao động kịp thời	247	49,4	71	14,2	182	36,4
- Chăm lo đời sống cho người lao động	265	53	59	11,8	176	35,2
- Gắn bó, hòa đồng với Công nhân	271	54,2	45	9	184	36,8
- Sâu sát, kiểm tra tình hình sản xuất của công nhân	267	53,4	38	7,6	195	39
- Chăm lo điều kiện sinh hoạt, ăn ca của công nhân	233	46,6	65	13	202	40,4
- Tham gia các hoạt động ngoài giờ cùng công nhân	219	43,8	73	14,6	208	41,6

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

- Trình độ văn hóa, chuyên môn của ngũ lãnh đạo quản lý còn bất cập, trình độ ngoại ngữ còn hạn chế, không đồng đều, xong chưa có giải pháp để khắc phục. Trả lời khảo sát cho thấy có 50,33% lãnh đạo DN không biết ngoại ngữ nào. Điều đáng băn khoăn là đại đa số lãnh đạo DN chưa thể hiện sự nhận thức về tác dụng của việc xây dựng văn hóa DN tác động đến hoạt động SXKD; chỉ có 14,67% trả lời là tác động rất tích cực. Đối với các thiết chế văn hóa của đơn vị, trả lời điều tra khảo sát cho thấy lãnh đạo các DN chưa quan tâm nhiều đến xây dựng và duy trì hoạt động; tỷ lên DN đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa còn ít.

Bảng 11: lãnh đạo DN thông tin về DN có các thiết chế văn hóa đang được cho công nhân, người lao động sử dụng

Nội dung	Số trả lời có	Tỷ lệ %	Nội dung	Số trả lời có	Tỷ lệ %
Sân cầu lông	113	37.67	Sân Tennit	32	10.67
Bàn bóng bàn	18	6	Sân bóng đá	6	2
Sân tập Gold	20	6.67	Sân bóng chuyền	7	2.33
Sân bóng chuyền hơi	48	16	Bể bơi	6	2
Phòng đọc sách báo	12	4	Phòng hát Karaoke tập thể	43	14.33
Khu tập thể hình	32	10.67	Phòng tập khiêu vũ thể thao	0	0

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

- Đa số công nhân lao động đều xuất thân từ những vùng nông thôn sản xuất nông nghiệp, trình độ thấp, hiểu biết các quy định của pháp luật còn hạn chế, nên lối làm việc tự do, tác phong thiếu chuyên nghiệp là thói quen của mỗi người. Họ chỉ được DN đào tạo ngắn hạn, tập trung vào việc thực hành để nhanh chóng sử dụng sức lao động. Chính vì vậy năng suất lao động và chất lượng sản phẩm của các DN còn hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động. Qua khảo sát điều tra của đội ngũ lãnh đạo DN cho thấy: 76,33% đánh giá công nhân tham gia xây dựng văn hóa DN ở mức yếu; 57% đánh giá việc chấp hành các quy định về vệ sinh, an toàn lao động yếu; 89,33% đánh giá nhiều lao động bị thi hành kỷ luật cảnh cáo, khiển trách, 74,67% đánh giá nhiều lao động tự ý dừng việc đòi quyền lợi, 77,33% nhiều lao động tham gia đình công, lãn công và 80,66% đánh giá nhiều lao động tự ý bỏ việc.

- Ở nhiều đơn vị người lao động có mức lương thấp, cường độ làm việc cao, các điều kiện sinh hoạt như nhà ở, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao còn hạn chế... Các DN, nhất là ở các khu công nghiệp tỉnh chưa quan tâm xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa và xây dựng văn hóa DN. Trong tham gia thực hiện công tác nhân đạo từ thiện mới chỉ dừng ở một số ít DN lớn, có truyền thống và các DN nhà nước hoặc nguyên là DN Nhà nước được cổ phần hóa.

3.1.2. Về thực hiện công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

- Công tác tư tưởng của cấp ủy đảng còn những hạn chế, nhất là trong thông tin, tuyên truyền cho người lao động. Số cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, người lao động nắm các thông tin chưa được nhiều từ tổ chức Đảng. Qua khảo sát

1.900 phiếu điều tra, khảo sát (400 đoàn viên thanh niên, 1.000 công nhân lao động và 500 đoàn viên công đoàn) cho thấy chỉ có 37,68% được thông tin từ tổ chức Đảng, 37,79% từ các đoàn thể... Số được nghe các thông tin trên các lĩnh vực ở mức “*có nhưng ít*” và “*không biết*” còn nhiều; cụ thể như: thông tin về các chỉ thị nghị quyết của Đảng có 37,58% trả lời là có nhưng ít, 30,21% không biết; thông tin về chính sách pháp luật của Nhà nước có 27,95% trả lời là có nhưng ít, 30,94% không biết; triển khai các nhiệm vụ SXKD của DN có 17,95% trả lời là có nhưng ít, 28,47% không biết; xây dựng văn hóa DN và thông tin hoạt động tổ chức đảng, đoàn thể có 21,89% trả lời là có nhưng ít, 30,74% không biết.

- Mặc dù cấp ủy Đảng, chính quyền tỉnh Bắc Giang đã quan tâm, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các DN với những cơ chế, chính sách hấp dẫn. Song thông tin các loại đến lãnh đạo DN hiện tại còn nhiều hạn chế. Có 100% lãnh đạo các DN trả lời rất cần thông tin về cơ chế chính sách của địa phương; 87,33% cần thông tin về thị trường quốc tế, 66,67% cần thông tin về thị trường tài chính tiền tệ... Trong khi đó, các thông tin mà lãnh đạo các DN nhận được thường xuyên nhưng không nhiều là thông qua báo chí, thông tin đại chúng (35,67%), qua tổ chức đảng trong đơn vị cung cấp (33,33%), các tổ chức đoàn thể trong đơn vị cung cấp (35,33%), các DN khác cùng ngành nghề cung cấp (21,67%)... Còn tiếp nhận thông tin thường xuyên qua các hội nghị do cơ quan chức năng cung cấp chỉ có 10% và qua văn bản gửi đến đơn vị có 20% lãnh đạo DN trả lời.

- Việc tiếp cận với các DNNKVVN và DNCVĐTNN để tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị xã hội gặp nhiều khó khăn. Nhiều chủ DN tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài, do chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của tổ chức Đảng trong DN, nên e ngại việc thành lập tổ chức đảng trong DN sẽ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của DN; một số khác tuy không cản trở nhưng lại không ủng hộ, không tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất... để tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị hoạt động.

Cấp ủy viên các đơn vị chưa nắm chắc nguyện vọng của quần chúng để tuyên truyền vận động phát triển đảng viên trong đơn vị. Theo trả lời khảo sát chỉ biết 25,8% lãnh đạo DN, 35,6% lãnh đạo các phòng, ban, bộ phận, 36,6% lãnh đạo các đoàn thể và 40,4% công nhân lao động có nguyện vọng được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

- Việc tổ chức sinh hoạt chi bộ thường kỳ vẫn còn nơi thực hiện chưa nghiêm túc, đúng theo quy định. Qua điều tra, khảo sát cho thấy có 1,5% đảng viên và 6,5% cấp ủy viên trả lời chi bộ chỉ được tổ chức sinh hoạt 02 tháng/lần, 01 đồng chí cấp ủy viên trả lời tổ chức sinh hoạt 3 tháng/lần. Nhiều chủ DN tư nhân, nhà đầu tư nước ngoài, do chưa hiểu đúng bản chất, vai trò của tổ chức Đảng trong DN, nên e ngại việc thành lập tổ chức đảng trong DN sẽ ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của DN; một số khác tuy không cản trở nhưng lại không ủng hộ, không tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất... để tổ chức đảng và các đoàn thể chính trị hoạt động.

- Còn nhiều những vấn đề xã hội ảnh hưởng đến tư tưởng và làm cho các đồng chí cấp ủy viên, đảng viên băn khoăn, thiếu niềm tin, nhiều nhất là các vụ tham nhũng, tiêu cực của xã hội (Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy: 85,1% cấp ủy viên và 96,4% đảng viên trả lời băn khoăn), tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội (71,6% cấp ủy viên và 42,1% đảng viên trả lời). Còn lại, cơ bản đảng viên yên tâm với các nội dung, như: sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chi bộ (17,5% băn khoăn); Sự điều hành hoạt động SXKD của lãnh đạo DN (18,6% băn khoăn); Kết quả SXKD của DN (27,9% băn khoăn); Về thu nhập của người lao động trong đơn vị (27,3% băn khoăn).

3.1.3. Về thực hiện công tác tổ chức, phát triển tổ chức Đảng, đảng viên

- Số lượng, cơ cấu, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể làm công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN còn thiếu, nên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Năng lực của cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể còn hạn chế, nên thiếu tự tin, ngại tiếp xúc, hiệu quả tuyên truyền vận động đối với chủ DN thấp. Còn một số Bí thư chi bộ chưa được đánh giá cao, như 9,7% đảng viên được hỏi cho rằng bí thư chi bộ xuôi chiều theo ý lãnh đạo DN và 2,8% đánh giá không tổ chức hoạt động gì. Trả lời về những hiểu biết đối với đồng chí bí thư chi bộ, trong 500 phiếu trả lời điều tra khảo sát của cán bộ, đoàn viên công đoàn cho thấy còn những vấn đề mà các bí thư chi bộ đã làm nhưng kết quả vẫn chưa cao.

- Một số tổ chức đảng, đoàn thể chậm đổi mới phương thức hoạt động phù hợp với đặc điểm, điều kiện SXKD của DN và điều kiện lao động, sinh hoạt của công nhân, chịu sự quản lý chặt chẽ của chủ DN trong giờ làm việc, ít có thời gian dành cho các hoạt động công tác đoàn thể. Việc thực hiện nhiệm vụ được giao trên các mặt công tác của đảng viên được cấp ủy viên, cán bộ, đoàn viên công đoàn và các đồng chí đảng

viên đánh giá trên một số mặt còn nhiều hạn chế, cụ thể như: tuyên truyền, vận động công nhân, lao động thực hiện chủ trương, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước chỉ có 30,38% đánh giá tốt, 42,08% bình thường và còn lại là chưa tốt...

- Một số tổ chức đảng, đoàn thể chậm đổi mới phương thức hoạt động phù hợp với đặc điểm, điều kiện SXKD của DN và điều kiện lao động, sinh hoạt của công nhân. Số lượng, cơ cấu, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ đảng, đoàn thể làm công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DN ngoài khu vực Nhà nước còn thiếu, nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Năng lực của cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể còn hạn chế, nên thiếu tự tin, ngại tiếp xúc, hiệu quả tuyên truyền vận động đối với chủ DN thấp.

- Một số DN chưa quan tâm đến số đảng viên đang công tác và làm việc tại đơn vị. Đối với đảng viên là người lao động trong DN chưa có tổ chức Đảng ngại phiền hà nên không báo cáo mình là đảng viên; một bộ phận người lao động xác định đi làm công ăn lương, chăm lo đến kinh tế gia đình, mà ít quan tâm tham gia vào hoạt động chính trị - xã hội.

3.1.4. Về thực hiện công tác KTGS, thực hiện QCDC ở DN

- Công tác KTGS của các tổ chức Đảng trong DNNKVVNN tuy được duy trì theo quy định, xong chất lượng chưa cao, một số nơi làm còn hình thức. Chưa tiến hành kiểm tra dấu hiệu vi phạm.

- Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức công đoàn trong DN còn có 02 nội dung đoàn viên công đoàn đánh giá thấp, đó là việc đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn lao động và về chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại.

- Về thực hiện quy chế dân chủ trong các DN trên các nội dung theo quy định của Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ "*quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc*" còn có những mặt hạn chế. Qua kết quả khảo sát cho thấy việc thực hiện dân chủ ở các DN đang có vấn đề, trên tất cả các hình thức thực hiện dân chủ, số đánh giá thực hiện tốt đều không quá 50% số người được hỏi. Điều đáng chú ý là tỷ lệ công nhân lao động trả lời không biết về các hình thức thực hiện dân chủ ở DN còn nhiều. Có 03 nội dung tỷ lệ người lao động và đoàn viên công đoàn còn ít được biết, đó là về việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động

đóng góp, chỉ có 40,07% trả lời là biết rõ, 20,8% có biết nhưng ít, số còn lại không biết; về công khai tài chính hàng năm của DN về các nội dung liên quan đến người lao động, có 37,2% trả lời là biết rõ, 18,67% có biết nhưng ít, số còn lại không biết...

3.1.5. Về lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị xã hội

- Một số DN sau cổ phần hóa gặp không ít khó khăn, người quản lý DN chưa quan tâm đến tổ chức đảng, đoàn thể và coi nhẹ việc làm, đời sống cho công nhân lao động, số người nguy cơ mất việc làm trong DN sau cổ phần và DN có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng. Một số DN góp phần làm gia tăng ô nhiễm môi trường; chưa thực sự quan tâm đến đời sống người lao động; quan hệ giữa DN và nhân dân nơi DN đóng quân vẫn có lúc còn xảy ra mâu thuẫn...

- Một số tổ chức đoàn thể trong DN chưa làm tốt công tác tập hợp quần chúng, đoàn viên; kết quả vận động công nhân, đoàn viên thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước chưa cao; chăm lo bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động, của đoàn viên cũng như tham gia giải quyết mâu thuẫn giữa công nhân với chủ DN sử dụng lao động, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong DN còn hạn chế. Đối với đảng viên là người lao động trong DN chưa có tổ chức Đảng ngại phiền hà nên không báo cáo mình là đảng viên; một bộ phận người lao động xác định chỉ là đi làm công ăn lương, chăm lo đến kinh tế gia đình, mà ít quan tâm tham gia vào hoạt động chính trị - xã hội.

- Một bộ phận không nhỏ người lao động có thu nhập thấp, làm cho cuộc sống gặp nhiều khó khăn. Trả lời điều tra khảo sát của 04 đối tượng với 2.100 phiếu (bao gồm cấp ủy viên, công nhân lao động, đoàn viên công đoàn và đoàn viên thanh niên) cho thấy có 0,3% đoàn viên thanh niên, 0,15% đoàn viên công đoàn và 9,8% công nhân lao động cho rằng thu nhập quá thấp. Hiện tại, 6,1% trả lời có mức lương dưới 4 triệu đồng/tháng.

- Về thời gian tổ chức sinh hoạt của tổ chức công đoàn được đoàn viên công đoàn đánh giá cho thấy còn chưa nề nếp. Nhận thức của đoàn viên công đoàn với tổ chức chưa tốt, qua điều tra khảo sát, chỉ có 11,4% đoàn viên công đoàn cho rằng tổ chức công đoàn rất quan trọng; 64,4% cho là quan trọng; 4,8% cho là bình thường và số còn lại cho rằng không quan trọng. Nhiều đoàn viên công đoàn không rõ về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, không biết tổ chức công đoàn đã làm gì để chăm lo đời sống việc làm cho người lao động.

Bảng 12: Kết quả trả lời của 500 đoàn viên công đoàn về tổ chức công đoàn đã làm gì để chăm lo đời sống việc làm cho người lao động?

<i>Tiêu chí đánh giá</i>	<i>Thường xuyên</i>		<i>Không thường xuyên</i>		<i>Không triển khai</i>	
	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>	<i>Số trả lời</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
Kiên trì thương lượng với lãnh đạo DN trong ký thỏa ước lao động tập thể có lợi cho người lao động	318	63,6	43	8,6	139	27,8
Kiến nghị tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho công nhân	237	47,4	63	12,6	200	40
Kiến nghị tổ chức thi tay nghề, nâng bậc cho công nhân	211	42,2	69	13,8	220	44
Quan tâm nâng cao chất lượng ăn ca cho công nhân	215	43	71	14,2	214	42,8
Kiến nghị chăm lo công tác vệ sinh, an toàn cho công nhân	249	49,8	51	10,2	200	40
Kiến nghị tổ chức nghỉ dưỡng sức cho công nhân	231	46,2	61	12,2	208	41,6
Thăm hỏi người lao động ốm đau, khó khăn, hoạn nạn...	214	42,8	28	5,6	258	51,6
Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao	269	53,8	55	11	176	35,2

Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra khảo sát theo nhiệm vụ Đề tài

- Các đoàn thể chính trị xã hội tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, sinh hoạt cộng đồng cho người lao động còn ít; chưa chủ động đề xuất với lãnh đạo DN đầu tư trang thiết bị cho các hoạt động. Trả lời khảo sát của 400 đoàn viên thanh niên về sân chơi bãi tập trong DN, cho thấy các đơn vị chưa có sự đầu tư, còn thiếu nhiều nơi sinh hoạt tập trung, cụ thể như: 53,9% trả lời có sân cầu lông, 46,4% có sân bóng chuyền hơi, 11,3% có sân bóng đá, 3,8% có bàn bóng bàn...

3.2. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

3.2.1. Một trong những nguyên nhân chính là do những khó khăn chung của nền kinh tế tác động đến hoạt động của các DN. Tình hình SXKD của các DN trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ sản phẩm; một số công ty do đơn giá hàng hóa gia công giảm, dẫn đến thu nhập giảm.

3.2.2. Nhận thức của lãnh đạo DN (nhất là các DN mới thành lập) về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước còn hạn chế, nên

còn tình trạng chấp hành chưa nghiêm, còn biểu hiện vi phạm dẫn đến xảy ra tranh chấp lao động, đình công, lãn công... Năng lực, trình độ của người quản lý ở một số DN còn bất cập, nên ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành, xây dựng các mối quan hệ và quan hệ SXKD. Việc xây dựng mối quan hệ giữa DN với các ngành chức năng của tỉnh và với các DN còn nhiều hạn chế.

3.2.3. Một số cơ quan chức năng chưa quan tâm giải quyết thỏa đáng những đề xuất, kiến nghị của DN, như: công nợ trước cổ phần hóa, thanh tra, kiểm tra...

3.2.4. Nhiều DN ngoài khu vực nhà nước chưa có tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị xã hội (với trên 7.400 DN của toàn tỉnh nhưng chỉ có 175 cơ sở đảng). Từ đó chưa rõ lực lượng hay tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trong lãnh đạo phát huy vai trò của DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước tham gia phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Một số tổ chức đảng trong DN chưa thể hiện được vai trò, nội dung, phương thức hoạt động còn lúng túng, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể trong tình hình mới.

3.2.5. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, công tác thông thời sự, chính sách của các cấp ủy đảng còn hạn chế, nội dung sơ sài; chưa kịp thời cung cấp các thông tin mang tính định hướng chính thống.

3.2.6. Đối với các DN tại khu công nghiệp của tỉnh, đa số mới được thành lập và chủ yếu là những DN vừa và nhỏ; nhiều DN chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức đảng, đoàn thể. Nhiều DN chủ yếu là các chi nhánh, còn các công ty mẹ nằm ở các tỉnh thành phố khác, vì vậy tính quyết đáp trên các mặt rất hạn chế, đặc biệt là việc thành lập tổ chức đảng và các đoàn thể.

3.2.7. Đối với các DNTN có tổ chức đảng thì việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương chưa nghiêm túc, thiếu sáng tạo, chậm đổi mới và chưa có những biện pháp đồng bộ, khả thi. Sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên chưa được thường xuyên, thiếu cương quyết, chưa làm hết trách nhiệm. Do vậy, ý thức xây dựng Đảng của đảng viên chưa cao.

3.2.8. Cán bộ làm công tác Đảng trong DN đều là kiêm nhiệm, nhận thức, năng lực, trình độ về công tác Đảng còn thiếu và yếu. Chế độ chính sách đối với cán bộ làm công tác Đảng còn bất cập với mức phụ cấp rất thấp. Kinh phí phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng trong DNNKVNN chưa được đầu tư đúng mức, vì vậy nhiều chủ DN không muốn hình thành các tổ chức này...

III- ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DN NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC

Trên cơ sở đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của các DN và các tổ chức đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước, Đề tài khoa học đề xuất 05 nhóm giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay. Trong đó, ***nhóm giải pháp về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong DN và nhóm giải pháp về công tác xây dựng Đảng*** là 02 nhóm giải pháp mang tính chất đột phá trong phát huy vai trò của tổ chức Đảng trong DNNKVN. Cụ thể các nhóm giải pháp như sau:

1. Nhóm giải pháp về thực hiện công tác chính trị, tư tưởng

1.1. Tăng cường truyền truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cơ chế, chính sách của tỉnh Bắc Giang trong việc hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển DN đến CBDV, người lao động, nhất là chủ DN

- Nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp ủy các cấp, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đẩy mạnh việc học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, thực hiện nghiêm túc nghị quyết đại hội đảng các cấp. Đổi mới theo hướng bám sát thực tiễn, sát đối tượng, kịp thời giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo sự phát triển của đất nước trong tình hình mới.

- Làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đến cán bộ, đảng viên, người lao động, nhất là chủ DN. Cụ thể như: quan điểm của Đảng "*Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt*"; Luật DN và Luật Đầu tư (năm 2014), Chỉ thị số 33-CT/BBT ngày 26/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020; Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 06/5/2016 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Kế

hoạch số 92/KH-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2020...

- Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức học tập, quán triệt nghị quyết của đảng đảm bảo phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của DN như thông qua các lớp học tập trung, hội nghị trực tuyến, xây dựng đề cương, qua bản thông tin nội bộ... Tiếp tục duy trì việc thảo luận, viết bài thu hoạch, sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm các đợt học tập. Tổ chức học tập, nghiên cứu, triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng lồng ghép với việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho cán bộ, đảng viên theo Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12/5/1999 của Bộ Chính trị.

- Nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của đảng, phù hợp với tổ chức Đảng trong DN. Thông qua đó giúp cho các cấp ủy, cán bộ, đảng viên kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bác bỏ những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đồng thời mỗi tổ chức đảng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, tạo sự thống nhất đồng thuận của cán bộ, đảng viên, người lao động trong giai đoạn cách mạng mới. Coi trọng việc nghiên cứu, quán triệt các quan điểm lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm trong thời kỳ hội nhập quốc tế, xây dựng các nhiệm vụ, phương án SXKD phù hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể của từng DN.

- Bí thư cấp ủy, người đứng đầu đơn vị, DN trực tiếp chỉ đạo công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, gắn nghiên cứu với giải quyết, giải đáp những vấn đề thực tiễn phát sinh từ cơ sở. Nêu cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và nêu gương của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy, DN, sự phối hợp đồng bộ của hệ thống chính trị trong việc đề phòng và giải quyết những vấn đề về tư tưởng trong phạm vi toàn khối DN là góp phần tạo nên sự ổn định chính trị- xã hội, trực tiếp góp phần trong việc phòng, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Chỉ đạo thực hiện tốt việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng. Tiếp tục đổi mới, duy trì có hiệu quả hoạt động trang thông tin điện tử của Đảng bộ.

1.2- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đổi mới và nâng cao chất lượng "Mỗi cấp ủy viên xây dựng một điển hình tiên tiến, mỗi đảng viên làm một việc tốt tiêu biểu" gắn với nêu gương trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Làm tốt công tác quán triệt, triển khai các chuyên đề học tập hằng năm về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng và có hệ thống bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động làm cho cán bộ, đảng viên, người lao động nhận thức ngày càng sâu sắc những giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc làm theo gương Bác một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, phù hợp với tình hình đặc điểm của DN. Đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người lao động khắc phục khó khăn, bám sát nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, phấn đấu hoàn thành các kế hoạch của DN đã đề ra. Chú trọng chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 02-KH/ĐU của Đảng uỷ Khối về xây dựng, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, lấy kết quả thực hiện làm thước đo để đánh giá kết quả công tác.

- Tăng cường tuyên truyền, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các chủ đề hằng năm. Nâng cao chất lượng công tác triển khai đăng ký và ghi nhật ký việc làm tốt của tập thể, cá nhân. Thường xuyên thực hiện 5 chuẩn mực đạo đức đã xây dựng. Gắn giữa việc thực hiện học tập và làm theo Bác với thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong DN.

- Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phải cụ thể, sáng tạo, gắn với triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Chỉ thị số 14-CT/TU của Tỉnh uỷ; Kế hoạch số 64-KH/ĐU của Đảng uỷ về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm của thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Cấp uỷ các cấp xây dựng tiêu chí nhận diện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên ở chi, đảng bộ mình. Tổ chức tuyên truyền theo phương châm “Lấy cái đẹp, dẹp cái xấu”, lên án, phê phán các biểu hiện suy thoái,

thiếu tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tuyên truyền vận động CNLĐ ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nội dung, quy chế của DN; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, đẩy mạnh SXKD.

- Xây dựng đội ngũ lao động tiên tiến, nhân rộng các gương điển hình, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích trong lao động sáng tạo, SXKD giỏi; đồng thời tiếp tục khơi dậy, cổ vũ các phong trào thi đua, cũng như tạo động lực mạnh mẽ, phát huy tiềm năng to lớn của đội ngũ người lao động đóng góp vào sự phát triển của DN.

1.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục và nêu gương cán bộ, đảng viên về thực hiện nhiệm vụ chính trị của DN; chú trọng về tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực quản trị DN và hội nhập quốc tế

- Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng đến người quản lý DN, cán bộ, đảng viên, người lao động. Chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức về phương châm 3 đồng hành cùng DN: (1) Vận động cán bộ, đảng viên, người lao động thực hiện nhiệm vụ SXKD, (2) Xây dựng văn hóa DN, (3) Chăm lo việc làm, đời sống của người lao động, nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước và đảm bảo việc làm, đời sống của người lao động. Tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng bộ, đến công nhân, lao động về yêu cầu hội nhập quốc tế, về các cơ hội và thách thức, về phương hướng, nhiệm vụ trọng yếu của hội nhập quốc tế.

- Tuyên truyền, quán triệt và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 07/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về “Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế”; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về yêu cầu đổi mới, nâng cao năng lực quản trị DN và hội nhập quốc tế đối với các cơ sở đảng trong Khối. Chỉ đạo xây dựng ban hành hệ thống các văn bản quy định, qui chế nội bộ, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ trách nhiệm đối với cấp ủy đảng, đảng viên là thành viên HĐQT và giữ cương vị lãnh đạo DN. Trong đó chú trọng vai trò trách nhiệm người đứng đầu.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ cấp ủy viên, lãnh đạo DN về liên kết “4 nhà” góp phần phát triển DN và kinh tế địa phương. Phối hợp tiếp tục làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền, vận động, phổ biến, hướng dẫn để người nông dân thực hiện tốt Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 01/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục vận động nông dân thực

hiện "dồn điền, đổi thửa", và thay đổi nhận thức, tư duy quản lý ruộng đất, tập quán canh tác. Tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp tiếp tục nâng cao nhận thức nhằm thay đổi tư duy sản xuất, kinh doanh cho nông dân, để nông dân hiểu liên kết, hợp tác là tự nguyện, bình đẳng, dân chủ.

- Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng hơn nữa những nội dung về quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với xây dựng cánh đồng mẫu lớn nhằm tiến tới hình thành vùng nguyên liệu chất lượng cao, xây dựng thương hiệu sản phẩm; tính tất yếu của xây dựng cánh đồng mẫu lớn; tác động, lợi ích của nông dân, DN khi tham gia mô hình và những điển hình tiên tiến để nhân rộng; ứng dụng khoa học công nghệ vào mô hình, nhất là trước tình hình thời tiết, khí hậu ngày càng có nhiều diễn biến phức tạp.

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến về các chính sách, các mô hình sản xuất hiệu quả, các điển hình thực hiện liên kết "4 nhà" hiệu quả; các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao cũng như các kết quả về ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử của Đảng bộ Khối và bản thông tin tổng hợp hàng tháng của Ban Tuyên giáo Đảng ủy.

- Phối hợp với Sở Khoa học và công nghệ tuyên truyền, giới thiệu về nghiên cứu, ứng dụng khoa học; dây chuyền và sản phẩm mới; thông tin DN... trên sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Bắc Giang, giúp các DN có thêm thông tin cần thiết để đổi mới công nghệ, liên kết, mở rộng quy mô sản xuất...

1.4. Tiếp tục tuyên truyền vận động thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", đặc biệt các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục quán triệt Kết luận số 107-KL/TW ngày 10/4/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 24-CT/TTg ngày 17/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Định kỳ thông tin về Cuộc vận động tại các hội nghị thông tin báo cáo viên của Đảng ủy Khối. Kết hợp thực hiện Cuộc vận động với các phong trào thi đua yêu nước và việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Vận động các DN đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất, quản lý nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có

chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Quan tâm thực hiện việc công bố thường xuyên, kịp thời các tiêu chuẩn về chất lượng, giá sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhất là các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ liên quan trực tiếp đến cuộc sống con người để người tiêu dùng lựa chọn. Cam kết bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng và các hoạt động sản xuất, kinh doanh... để đưa hàng hoá đến tay người tiêu dùng, đặc biệt đối với nông dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn trong tỉnh.

- Đảng ủy Khối tăng cường phối hợp với các sở, ngành, các Hiệp hội DN tổ chức hội nghị kết nối giữa các DN sản xuất và phân phối, nhằm tăng cường hoạt động liên kết. Chỉ đạo các cơ sở đảng phối hợp với lãnh đạo DN tích cực tham gia kết nối cung cầu để trao đổi, tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, xúc tiến mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản tại thị trường trong nước và nước ngoài.

- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, thúc đẩy việc hợp tác giữa các DN, đơn vị trong Khối. Phát huy vai trò của các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, người tiêu dùng ưu tiên mua sắm, sử dụng hàng hóa của các DN trong khối, trong tỉnh, xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Tăng cường tuyên truyền, định hướng phát triển DN, quảng bá hình ảnh, thương hiệu và sản phẩm dịch vụ hàng hóa và kết quả hoạt động của các DN trong khối thông qua Website của Đảng bộ Khối. Đồng thời tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao giữa các DN trong Khối, thông qua đó tạo điều kiện trao đổi về hoạt động SXKD, giúp tiếp cận được các sản phẩm dịch vụ của nhau và đi đến ký kết sử dụng các dịch vụ của nhau.

- Tuyên truyền, vận động các DN, người sản xuất, kinh doanh dịch vụ nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình đối với hàng hoá, dịch vụ làm ra; nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; thực hiện các cam kết bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; xây dựng được uy tín, thương hiệu cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

1.5- Nâng cao chất lượng công tác thông tin thời sự, chính sách và biên soạn thông tin nội bộ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các hội nghị thông tin, báo cáo viên, bản tin sinh hoạt, trang thông tin điện tử của Đảng bộ Khối

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thông tin thời sự cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cơ sở đảng và đội ngũ báo cáo viên của Đảng bộ Khối đáp ứng nhu cầu thông tin trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay. Đồng thời đẩy mạnh

công tác tuyên truyền thông qua các hội nghị thông tin, báo cáo viên, bản tin sinh hoạt, trang thông tin điện tử (website) của Đảng bộ Khối.

- Duy trì chế độ thông tin thời sự chính sách hằng tháng, hằng quý và thông tin chuyên đề. Tiếp tục nâng cao chất lượng hội nghị thông tin lãnh đạo hằng quý, mời các chuyên gia kinh tế có kinh nghiệm đến nói chuyện, trao đổi với cấp ủy đảng, lãnh đạo chủ chốt các DN về chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những thuận lợi, khó khăn, thách thức khi DN hội nhập quốc tế, để DN tiếp cận kịp thời với thông tin mới, giúp DN phát triển bền vững. Qua đó, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức, ổn định tình hình tư tưởng, cán bộ, đảng viên, giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng. Chú trọng lãnh đạo việc xây dựng phát triển văn hoá DN, văn hoá ứng xử.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, giáo dục và quảng bá hình ảnh cho DN; phát huy vai trò của công nghệ thông tin, ứng dụng vào quản trị DN điều hành sản xuất, kinh doanh; thường xuyên nắm chắc tình hình, dư luận xã hội của cán bộ, đảng viên, người lao động và tình hình khó khăn trong DN.

- Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng bản "Thông tin tổng hợp", bảo đảm nội dung ngắn gọn, thiết thực, mang tính định hướng tư tưởng, tính giáo dục, phù hợp thời gian sinh hoạt của chi bộ; tăng cường những thông tin có tính nội bộ, góp phần giải đáp những vấn đề bức xúc về tư tưởng hiện nay; những thông tin có tính chỉ đạo và định hướng tư tưởng về những vấn đề còn “nóng” đang diễn ra ở đơn vị, DN, trong nước và trên thế giới được dư luận cán bộ, đảng viên quan tâm; các thông tin về công tác xây dựng Đảng, đấu tranh phê phán những tư tưởng lệch lạc, sai trái, những vấn đề cần trao đổi, nhắc nhở để cán bộ, đảng viên có thể thảo luận, bày tỏ quan điểm, chính kiến của mình, giúp công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng ngày càng được nâng cao, tạo sự phong phú, hấp dẫn trong sinh hoạt chi bộ.

- Đổi mới phương pháp truyền đạt trong quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức...; tăng cường đối thoại, trao đổi ý kiến với người nghe, duy trì thông tin hai chiều, tiếp thu ý kiến của cán bộ, đảng viên và người lao động. Nội dung tuyên truyền cần bảo đảm tính thời sự, đúng định hướng tư tưởng.

- Tổ chức thông tin nội dung về chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước theo từng đợt và theo nhóm vấn đề. Biên soạn nội dung thông tin theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ. Tăng cường sự lãnh đạo tổ

chức đảng, đảng viên trong các khu công nghiệp thực hiện nhiệm vụ chính trị, trọng tâm là nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, phát triển DN bền vững.

1.6- Tăng cường công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên, người lao động. Đội ngũ lãnh đạo cấp ủy giữ mối liên hệ thường xuyên, liên tục với người quản lý DN, xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh, không để xảy ra “điểm âm”, “điểm nóng” trong DN.

- Cấp ủy, lãnh đạo DN và các tổ chức chính trị- xã hội trong DN tăng cường tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác DLXH; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của cấp ủy, lãnh đạo DN và các tổ chức chính trị - xã hội trong DN.

- Bí thư cấp ủy, lãnh đạo DN chủ động nắm, phân tích, đánh giá, dự báo diễn biến tình hình tư tưởng của người lao động để có biện pháp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của DN. Sử dụng kết quả nắm bắt DLXH để nâng cao hiệu quả việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, ban hành các quyết định lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý SXKD và thực hiện các chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước tại đơn vị, DN. Đội ngũ cấp ủy giữ mối liên hệ thường xuyên, liên tục với người quản lý DN, xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh, không để xảy ra “điểm âm”, “điểm nóng” trong DN.

- Cấp ủy, lãnh đạo DN chủ động dự báo trước những xu hướng, diễn biến tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và người lao động khi triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tác động của nó với quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị. Kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu xa rời quần chúng, hướng sự quan tâm của mình tới cơ sở; trực tiếp làm việc với cơ sở để nắm bắt tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của quần chúng lao động để kịp thời cùng nhau giải quyết những vướng mắc về vấn đề tư tưởng ngay từ ở cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức điều tra, nâng cao chất lượng hiệu quả nắm bắt DLXH. Nội dung điều tra, nắm bắt, định hướng DLXH phải bám sát thực tiễn đời sống, việc làm của người lao động. Coi trọng công tác đối thoại trực tiếp tại nơi làm việc theo tinh thần Nghị định số 149-NĐ/CP và giải quyết những vấn đề bức xúc, bức bối của người lao động trong DN. Công tác nắm DLXH bằng nhiều hình thức, phương pháp phù hợp; điều tra chọn mẫu bằng phiếu hỏi tự điền, qua điện thoại, thư điện tử, bằng tiếp xúc trực tiếp, đối thoại với người lao

động, qua mạng lưới cộng tác viên DLXH, qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua báo cáo của các DN, qua việc đi thực tế để nắm tình hình...

- Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ công tác viên DLXH trong các DN. Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nắm bắt, phân tích tình hình và báo cáo để cấp ủy các cấp kịp thời xử lý khi có tình huống xảy ra. Nghiên cứu, đề xuất bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải quyết các vấn đề bức xúc, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và người lao động.

- Đảng ủy Khối ban hành Hướng dẫn, quy trình các bước giải quyết tranh chấp lao động, đình công, lãn công và tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành đánh giá đầy đủ, toàn diện và lên phương án giải quyết kịp thời. Đồng thời đưa ra biện pháp khắc phục, sửa đổi những vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, trong đó những nội dung dẫn đến tranh chấp lao động, đình công và giải quyết đình công.

- Khi có tình huống đình công, lãn công xảy ra, cấp ủy đảng và người quản lý doanh nghiệp cần nắm bắt cụ thể, bản bạc, xác định rõ nguyên nhân và đề ra các phương pháp, chủ động giải quyết ngay từ cơ sở, đúng quy trình, nội dung các bước xử lý tình huống cho phù hợp với thực tiễn.. Cấp ủy cơ sở chỉ đạo tổ chức công đoàn phối hợp với chủ DN tiến hành giải quyết triệt để, dứt điểm, không để tình hình lan rộng, kéo dài ngày...

2. Nhóm giải pháp về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong DN

2.1. Kịp thời nắm chắc diễn biến hoạt động của DN, tổng hợp báo cáo và đề xuất với lãnh đạo tỉnh các chủ trương, giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác nắm tình hình hoạt động, SXKD của DN. Đảng ủy Khối tiếp tục duy trì thực hiện phân công các đồng chí Ủy viên BTV Đảng ủy phụ trách cụm thi đua, cán bộ Đảng ủy đi công tác cơ sở, nắm tình hình hoạt động của DN tại các đơn vị.

- Duy trì tham mưu Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh đối thoại, gặp mặt với các DN tiêu biểu trong Đảng bộ Khối để động viên DN; đồng thời trao đổi, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho DN. Chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc nắm bắt tình hình, những thuận lợi, khó khăn của DN để tham mưu với lãnh đạo tỉnh có những chỉ đạo kịp thời trong việc tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho DN hoạt động; giúp DN đẩy mạnh SXKD, phát triển bền vững.

- Định kỳ hằng năm và đột xuất tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của DN, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành trả lời,

giải quyết các nội dung liên quan đến DN. Phối hợp, tổ chức để Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri trong Đảng bộ Khối DN.

- Phát huy tính chủ động, tích cực và khả năng sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân trong DN, khai thác hiệu quả mọi tiềm năng để hội nhập kinh tế quốc tế. Nghiêm chỉnh tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế và tham gia các hoạt động của cộng đồng khu vực và quốc tế.

- Tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường liên doanh, liên kết giữa các DN. Phối hợp cung cấp thông tin, chính sách trợ giúp phát triển DN; hình thành mạng lưới kết nối các thông tin về trợ giúp phát triển DN. Phổ biến công khai thông tin về các quy hoạch, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh. Triển khai thực hiện giải đáp các khó khăn, kiến nghị của DN trên Trang thông tin điện tử.

- Tăng cường phổ biến, quán triệt, thực hiện tinh thần Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Tuyên truyền các chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ, về vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu sản phẩm để nâng cao nhận thức về yêu cầu của phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, gắn với việc xây dựng, tạo lập và phát triển thương hiệu sản phẩm để các tổ chức, DN, người dân biết, khai thác và tuân thủ.

- Tuyên truyền, phổ biến các chương trình hỗ trợ phát triển DN trong lĩnh vực KH&CN; các kiến thức về KH&CN, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn lao động, về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; các tiến bộ KH&CN, các công nghệ sản xuất mới, hiệu quả, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển chung tới các DN. Tuyên truyền các giống vật nuôi, cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sinh thái và thổ nhưỡng của từng vùng, miền; quy trình kỹ thuật canh tác công nghệ cao; công nghệ chế biến bảo quản sau thu hoạch nâng cao giá trị hàng hóa nông sản.

- Chủ động nắm bắt thông tin về thị trường, có kế hoạch liên kết với DN để có thông tin thị trường sát với nhu cầu, thị hiếu sản phẩm của từng vùng miền. Liên kết với nông dân để chuyển giao khoa học kỹ thuật, vận động tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm và sự kiện phổ biến kiến thức sở

hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, an toàn lao động, về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; các tiến bộ KH&CN, các công nghệ sản xuất mới...

- Vận động doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong quản lý, sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Hỗ trợ các giải pháp giúp các DN xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, tham gia thực hiện Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh. Tạo điều kiện để các DN tham gia các hoạt động nghiên cứu, thực hiện các mô hình, đề tài, dự án KH&CN.

- Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động "Hiến kế đổi mới cơ chế, chính sách, tạo động lực phát triển DN và kinh tế, địa phương, đất nước"; hiến kế đổi mới cơ chế, chính sách nội bộ, các giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả quản trị DN, tạo đột phá, phát huy các nguồn lực, tạo động lực phát triển mới cho DN.

- Ban Thường vụ Đảng ủy mỗi năm tổ chức ít nhất 01 cuộc tiếp xúc, gặp gỡ giữa các lãnh đạo tỉnh với các DN trong Khối, lắng nghe những suy nghĩ, tâm tư, những khó khăn vướng mắc để kịp thời tháo gỡ và giúp đỡ doanh nhân, DN phát triển, SXKD có hiệu quả. Xây dựng và ban hành các nghị quyết chuyên đề về nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy, với các mục tiêu cụ thể: Xây dựng cấp ủy cơ sở có năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa cấp ủy với lãnh đạo DN nâng cao hiệu quả SXKD, xây dựng DN phát triển bền vững; xây dựng đội ngũ cấp ủy viên cơ sở có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, gương mẫu trong công tác, học tập, lao động sản xuất.

2.2. Đề xuất cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chỉ đạo, phát huy vai trò của Nhà nước liên kết giúp DN tham gia phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

- Tham mưu, kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất gắn với rà soát, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả quỹ đất công ích. Sớm nghiên cứu cơ chế thuê ruộng đất ổn định, lâu dài và khuyến khích các DN hoặc người dân thuê lại diện tích đất canh tác để đầu tư phát triển các mô hình sản xuất phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung... Xây dựng và công bố công khai quy hoạch, các dự án phát triển các vùng

sản xuất hàng hóa nông sản; xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ hộ nông dân, hợp tác xã, DN tham gia liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị; chính sách hỗ trợ DN đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD; chính sách miễn thuế kết hợp lồng ghép các dự án, chương trình phát triển, hoặc vay vốn với nhiều ưu đãi.

- Phối hợp kiến nghị chính quyền các cấp hàng năm bố trí kinh phí cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp trên cơ sở Đề án phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân; hỗ trợ cho các mô hình liên kết, hợp tác trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Có cơ chế, chính sách để các ngân hàng thương mại cho nông dân, hợp tác xã, DN hay bất kể mô hình nào, cũng được vay vốn để đầu tư cho SXKD; phối hợp cùng Hội Nông dân tạo điều kiện, hướng dẫn cho hội viên nông dân vay vốn để phát triển sản xuất.

- Kiến nghị để tỉnh có cơ chế khuyến khích DN đầu tư, tham gia vào quá trình tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ký kết hợp đồng cung ứng vật tư, bao tiêu sản phẩm theo hình thức xây dựng “Cánh đồng lớn”; tạo điều kiện thuận lợi để các DN công nghệ cao tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tiếp nhận công nghệ mới, ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng nông, lâm, thủy sản, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thúc đẩy sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, mở rộng thị trường.

- Xây dựng mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, trọng tâm là hợp tác SXKD giữa các hộ nông dân hình thành tổ hợp tác, hợp tác xã và DN, trong đó DN là trung tâm, hợp tác xã là người tổ chức sản xuất kết nối DN và người nông dân, đồng thời đảm bảo sự phân phối lợi ích hợp lý đối với hộ nông dân tham gia sản xuất trong chuỗi giá trị. Đồng thời, Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, đào tạo nông dân một cách thiết thực; đồng thời chỉ đạo tổ chức thực hiện trên từng địa bàn cụ thể.

- Tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hướng dẫn các tổ chức, DN xây dựng dự án xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hướng dẫn và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật, các đề tài, dự án về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các dây chuyền công nghệ mới. Nghiên cứu, đề xuất, lựa chọn các giải pháp về công nghệ, thiết bị cao để ứng dụng vào SXKD và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có hiệu quả và có

khả năng nhân rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển của DN và nhu cầu công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

- Kiến nghị với các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý và chấp hành pháp luật của Nhà nước về vật tư phục vụ phát triển nông nghiệp, trên các lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thuốc cấm, thức ăn gia súc, gia cầm. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng quảng bá giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

- Vận động DN tích cực tham gia Cuộc vận động “Xây dựng văn hóa DN Việt Nam” xây dựng môi trường kinh doanh với tinh thần thượng tôn pháp luật, đề cao đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và cạnh tranh lành mạnh, phát huy tích cực, đẩy lùi tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đóng góp cho sự phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

2.3. Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng tỉnh đi sâu, bám sát tình hình hoạt động của các DN, từng bước nâng cao chất lượng hỗ trợ DN.

- Đảng ủy Khối phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện tốt các nội dung trong kế hoạch phối hợp hoạt động giữa hai cơ quan. Hướng dẫn các DN tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước để thực hiện đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và phát triển công nghệ trong các DN.

- Phối hợp với Sở Công thương tăng cường công tác hỗ trợ DN áp dụng các phương thức bán hàng tiên tiến, ứng dụng thương mại điện tử vào bán hàng, quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, thiết kế sản phẩm..., tư vấn DN khi tham gia hội nhập và các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội để kết nối cung - cầu lao động, tạo điều kiện cho DN tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu SXKD; đào tạo lại nghề cho người lao động. Phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong công tác kê khai, nộp thuế với Nhà nước và đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo đúng quy định.

- Tăng cường công tác thực hiện Quy chế phối hợp hoạt động giữa Đảng ủy Khối DN tỉnh với Hiệp hội DN tỉnh. Chỉ đạo Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh xây dựng,

ban hành quy chế phối hợp hoạt động với cơ quan thường trực Hiệp hội DN tỉnh; định kỳ hằng năm rà soát, bổ sung quy chế cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Phối hợp với Hiệp hội DN tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các DN thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, SXKD. Tổng hợp tình hình và phản ánh với lãnh đạo tỉnh kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của DN.

- Tăng cường công tác phối hợp hoạt động giữa Đảng ủy Khối DN tỉnh với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; đi sâu, nắm chắc tình hình hoạt động của các DN. Tham mưu giúp lãnh đạo tỉnh tổ chức đối thoại nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN và tạo điều kiện để các DN hoạt động ổn định, đúng pháp luật. Đồng thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của người lao động để tham gia với chủ DN xem xét, giải quyết thỏa đáng. Qua đó, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của HĐQT, giám đốc, chủ DN đối với việc thành lập, hoạt động và phát triển các tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đảng viên mới trong các DN.

- Phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh triển khai có hiệu quả nội dung phối hợp về xây dựng văn hoá DN và phát triển tổ chức công đoàn trong DN. Phối hợp với Sở Nội vụ làm tốt công tác phát động các phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong DN.

- Phối hợp với các HTX, với DN lựa chọn giống cây con phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, đưa những tiến bộ KH & CN mới vào ứng dụng để tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại cho các sản phẩm nông sản, mở rộng thị trường trong nước và từng bước nghiên cứu và thâm nhập thị trường nước ngoài. Hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ các DN đăng ký và xây dựng đạt tiêu chuẩn DN khoa học và công nghệ để sản phẩm đạt tiêu chuẩn, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường và thương hiệu hàng hóa.

2.4. Phối hợp với các ngành chức năng làm tốt công tác quản lý thị trường, bảo vệ người tiêu dùng. Phối hợp với hội nông dân các cấp đẩy mạnh tuyên truyền nhằm phát huy vai trò liên kết trong sử dụng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn

- Tuyên truyền phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức về Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tăng cường thông tin tuyên truyền mạnh mẽ và thường xuyên cho người tiêu dùng nhận biết hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng hóa độc hại, các hành vi gian lận thương mại,...(thông qua hội thảo, truyền hình, truyền thanh, xây dựng tài liệu tuyên truyền như đĩa CD, clip,...)

- Phối hợp với các ngành chức năng đề xuất với UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm quản lý chất lượng sản phẩm,... Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các đối tượng vận chuyển, buôn bán hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Phối hợp với Sở Công thương, tham mưu tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường, không để xảy ra tình trạng tăng giá hàng hóa bất hợp lý; kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy định về việc tiếp tục giữ ổn định giá bán một số mặt hàng thuộc diện bình ổn giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Kiểm tra việc thực hiện đo lường hàng hóa, chất lượng hàng hóa của các cơ sở SXKD bán buôn, bán lẻ để phát hiện các thủ đoạn gian lận về đo lường, đóng gói nhằm tăng giá, thu lợi bất chính.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người nông dân trong việc liên kết, hợp tác phát triển kinh tế trong nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Vận động nông dân tự liên kết, hợp tác hình thành tổ hợp tác, HTX kiểu mới để đủ tư cách pháp nhân ký hợp đồng "làm ăn lớn" với DN.

- Phối hợp tập huấn cho nông dân nắm vững kiến thức trong ký kết hợp đồng kinh tế, quyền và trách nhiệm trong thực thi các hợp đồng kinh tế, bỏ thói quen làm ăn tự phát, làm quen dần với việc làm ăn theo hợp đồng, theo luật, theo quy ước; tôn trọng hợp đồng cả về số lượng, chất lượng sản phẩm và thời gian cung ứng. Hướng dẫn nông dân tích cực ứng dụng KHKT mới vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.

- Phối hợp tổ chức cho nông dân tiêu biểu tham quan học tập kinh nghiệm mô hình liên kết có hiệu quả trong và ngoài tỉnh. Cùng với đó đầu tư xây dựng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, quan tâm tập trung giao thông, thủy lợi, điện và đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Có cơ chế tín chấp giúp nông dân được vay vốn để phát triển sản xuất. Đồng thời có thể giao cho Hội Nông dân đứng ra làm trọng tài trong quá trình sản xuất, giám sát trong quá trình sản xuất, bảo vệ quyền và lợi ích của thành viên.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục vận động, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong nông dân về

bảo vệ môi trường, tham gia vào các Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, xây dựng các mô hình xử lý rác thải, chất thải tại hộ hoặc nhóm hộ nông dân; nghiêm túc thực hiện quy trình, quy định về sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi trong quá trình sản xuất...

2.5. Phối hợp với các ngành chức năng liên quan nắm bắt, giúp đỡ DN thực hiện các giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc về vấn đề bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, vận động DN quan tâm xây dựng hệ thống xả thải đạt quy chuẩn, kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường cũng như những tác động xấu đến môi trường, gắn thực hiện nhiệm vụ SXKD với công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong quá trình thực hiện SXKD, hướng tới sản phẩm chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tự giác thực hiện và phát hiện, đấu tranh với những hoạt động làm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng trước mắt cũng như lâu dài đối với sức khỏe con người, đời sống xã hội và sự phát triển bền vững của địa phương, đất nước.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, trách nhiệm xã hội của DN trong công tác bảo vệ môi trường gắn với tăng trưởng xanh nhằm hướng đến phát triển bền vững cho chính DN và cao hơn là góp phần thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

- Thực hiện trách nhiệm xã hội của DN trước tiên là tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành như Luật DN, Luật Lao động, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Thanh tra kiểm tra. DN phải có trách nhiệm với hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên. Đặc biệt, nếu DN tuân thủ pháp luật môi trường, sẽ đạt được nhiều lợi ích thiết thực.

- Nghiên cứu, kiến nghị với chính quyền các cấp đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường trong quản lý tài nguyên, BVMT để tạo ra động lực khuyến khích DN chủ động tham gia BVMT gắn với tăng trưởng xanh dựa trên các nguyên tắc của thị trường.

- Cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN kiến nghị với cơ quan chức năng quản lý nhà nước trong thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Tranh thủ nguồn vốn ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường đối với các lĩnh vực ưu tiên liên quan đến xử lý nước thải tập trung, cải tạo môi trường ô nhiễm, quan trắc môi trường, hay sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường.

2.6. Chỉ đạo cấp ủy cơ sở chủ động phối hợp với lãnh đạo DN, người quản lý DN nâng cao chất lượng quản trị DN; nâng cao hiệu quả SXKD

- Lãnh đạo cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN xây dựng và triển khai chiến lược về hội nhập quốc tế đến năm 2020 và những năm tiếp theo, chú trọng việc đổi mới, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới thiết bị, công nghệ mới, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo, tầm nhìn, tư duy chiến lược... cho đội ngũ cấp ủy viên về hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Tạo cơ chế khuyến khích và động viên mỗi cấp ủy viên nêu cao tinh thần học tập, tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quá trình tham gia các hoạt động thực tiễn của DN.

- Định hướng cho cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN làm tốt công tác quản trị nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, người lao động, sắp xếp, bố trí bộ máy, tổ chức cho phù hợp với DN. Phối hợp làm tốt công tác quản trị tài chính DN.

- Phối hợp với lãnh đạo DN xây dựng chiến lược phát triển SXKD. Phát huy vai trò của các DN khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ vào SXKD; hằng năm phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để phát triển nền kinh tế thị trường và đào tạo khởi sự DN, quản trị DN, giúp người lao động và DN tiếp cận được những thông tin mới về quản lý và phát triển DN.

- Phối hợp làm tốt công tác quản trị sản xuất, quan tâm đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quá trình SXKD. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật trong quản trị DN và hội nhập quốc tế. Tập trung chỉ đạo xây dựng chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động SXKD của đơn vị. Tham gia với lãnh đạo DN phân công cán bộ phụ trách công nghệ thông tin trong DN, đưa ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý của đơn vị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp giữa Đảng ủy Khối DN với Sở Khoa học công nghệ về thực hiện chính sách hỗ trợ DN đổi mới công nghệ giúp DN tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong lao động, sản xuất, nhất là phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật.... nhằm góp phần tăng năng xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của DN trên thị trường.

- Lãnh đạo cơ sở đảng phối hợp với lãnh đạo DN khai thác thị trường, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng ứng dụng khoa học công nghệ vào SXKD. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Tích cực chủ động vận động các DN liên kết SXKD, nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế và tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm với các tỉnh trong nước và nước ngoài.

- Phối hợp làm tốt công tác quản trị Maketsting, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ của DN. Xây dựng thương hiệu DN thông qua chất lượng sản phẩm, phong cách làm việc, giải quyết mối quan hệ với khách hàng. Đẩy mạnh tuyên truyền về sản phẩm của các DN thông qua các trang thông tin điện tử của các DN và Đảng ủy Khối.

- Cấp ủy cơ sở phối hợp với HDQT, lãnh đạo DN đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến vào SXKD, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong SXKD; chú trọng chuyển giao, đổi mới dây truyền công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; chú trọng đầu tư những lĩnh vực trọng điểm, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao,

- Tăng cường quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu, tiếp thị sản phẩm, dịch vụ; tìm kiếm đối tác tin cậy, mở rộng các kênh cung cấp và phân phối sản phẩm cho DN. Thường xuyên ứng dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, nâng cao năng lực cạnh tranh; hoàn thiện hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp với lãnh đạo DN chủ động và tích cực thực hiện liên kết, hợp tác giữa các DN trong Khối, trong tỉnh để nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường. Sự liên kết và hợp tác DN cần được thực hiện thông qua các biện pháp và hình thức phù hợp; đồng thời giải quyết hài hòa lợi ích của các bên tham gia liên kết, chỉ như vậy mới thực sự phát huy hiệu quả của liên kết hợp tác, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn bộ DN trong nền kinh tế nhằm cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia và hiệu quả hội nhập quốc tế.

2.7. Chỉ đạo các cấp ủy cơ sở phối hợp với người quản lý doanh nghiệp tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp về tăng năng xuất lao động

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh của DN cũng như từng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cụ thể; tăng doanh thu, lợi nhuận. Thi đua cải tiến khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, áp dụng khoa học, kỹ thuật và công

nghệ thông tin vào hoạt động SXKD, góp phần thực hiện tái cấu trúc và định hướng phát triển nền kinh tế theo hướng kinh tế tri thức, tạo giá trị gia tăng cao, phù hợp với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

- Thi đua xây dựng và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Xây dựng và gìn giữ văn hóa kinh doanh, đạo đức kinh doanh của doanh nhân Việt Nam, thực hiện cạnh tranh lành mạnh, minh bạch và bình đẳng.

- Thi đua tập trung nguồn lực, tăng cường liên kết sản xuất, tham gia chuỗi giá trị trong nước, khu vực và thế giới, xây dựng thương hiệu và “chữ tín” trong kinh doanh.

- Thi đua đảm bảo an toàn lao động; tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật cao.

- Thi đua thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đảm bảo đủ và vượt chỉ tiêu kế hoạch, thực hiện tốt chính sách tín dụng, bảo hiểm, quản lý và sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò năng suất lao động của DN đối với bộ máy quản lý, điều hành và người lao động; vì năng suất lao động là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của DN trong thời kỳ dài chứ không chỉ trong ngắn hạn và nâng cao thu nhập chính đáng của người lao động. Nâng cao vai trò công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên của các tổ chức Đảng là quan trọng; công tác truyền thông, tuyên truyền của các tổ chức chính trị – xã hội trong DN là rất cần thiết; công tác giáo dục, kết hợp với các biện pháp nâng cao ý thức chấp hành kỷ luật lao động, xây dựng tác phong làm việc của người lao động là trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, các cấp trong DN.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, quán triệt, từng bước đổi mới nhận thức của bộ máy quản lý, điều hành và người lao động, DN; nhất là cần phải thay đổi những chính sách về nguồn nhân lực như: chính sách, biện pháp sử dụng, quản lý nguồn nhân lực; chính sách đào tạo, tuyển dụng, thăng tiến, để người lao động có cơ hội học tập và phát triển; chính sách tiền lương phù hợp quy luật, để tiền lương thực sự là đòn bẩy kinh tế thúc đẩy tăng năng suất lao động.

- Tự đánh giá trình độ khoa học, công nghệ và tổ chức sản xuất của đơn vị để từ đó có giải pháp nâng cao trình độ khoa học của DN, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại và tổ chức sản xuất hợp lý. Đề xuất các giải pháp về tranh thủ nguồn vốn sự nghiệp khoa học của tỉnh để đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến vào SXKD của DN.

- Phối hợp nâng cao chất lượng và đổi mới biện pháp quản lý, điều hành DN, trong đó quan tâm đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, lựa chọn được những thành viên (ưu tiên những đảng viên tiêu biểu) có đủ tài, đủ tầm và có tâm với công việc. Chú trọng việc đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng vị trí công việc. Cân đối, bố trí nguồn kinh phí cho đào tạo nâng cao năng lực của bộ máy quản lý, điều hành DN.

2.8. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong các DN đối với việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện dân chủ trong DN; phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động trong các DN

- Nghiêm túc quán triệt, triển khai đến các cơ sở đảng thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; chỉ đạo tổ chức tốt hội nghị người lao động; hội nghị đối thoại theo quy định; đồng thời công khai, minh bạch trong công tác quản lý, điều hành của tập thể lãnh đạo DN để củng cố thêm niềm tin của người lao động, động viên người lao động cống hiến hết mình, góp phần thúc đẩy DN phát triển và đạt chuẩn văn hóa.

- Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, bảo đảm cho mọi đảng viên, người lao động đều có quyền tham gia thực hiện những điều được biết, được bàn, vào các công việc của Đảng và DN; công khai minh bạch tài chính, nhất là những chế độ, chính sách người lao động được thụ hưởng; thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người lao động; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật, góp phần quan trọng để người lao động trong DN đồng thuận, đoàn kết, tin tưởng, phấn khởi, chung sức xây dựng, phát triển DN;

- Phối hợp với lãnh đạo DN tạo môi trường làm việc bình đẳng trong toàn đơn vị nhằm phát huy hết tâm huyết và khả năng của từng cá nhân đối với công việc được phân công. Định kỳ tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên và người lao động

thông qua chất lượng và hiệu quả công việc, không vì nể nang, tình cảm cá nhân.

- Các cấp ủy đã phối hợp với lãnh đạo DN xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện công khai về tài chính, bảo đảm dân chủ, công bằng theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của DN. Định kỳ hằng năm xem xét, đánh giá việc triển khai thực hiện, sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết. Tích cực tuyên truyền, giáo dục để đảng viên và những người lao động đẩy mạnh SXKD, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, tình đoàn kết, hợp tác, tương trợ, giúp đỡ giữa các thành viên, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các thành viên để phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh.

- Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đoàn thể chính trị xã hội trong DN triển khai các nội dung thực hiện QCDC. Vận động cán bộ, đảng viên, người lao động tích cực tham gia các nội dung về thực hiện QCDC khi cần sự góp ý tham gia và quyết định của người lao động. Chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân phối hợp với Ban kiểm soát trong DN thực hiện tốt chức năng được giao theo quy định của pháp luật. Định kỳ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân; kịp thời bổ sung, thay thế thành viên Ban Thanh tra nhân dân khi cần thiết.

- Kiện toàn, củng cố, phát huy vai trò tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra của Ban Chỉ đạo thực hiện QCDC trong DN. Tổ chức tập huấn định kỳ và tạo điều kiện để các thành viên Ban Chỉ đạo nghiên cứu, tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Đảng bộ Khối thực hiện tốt công tác sơ, tổng kết việc triển khai thực hiện, làm tốt công tác tôn vinh, biểu dương, khen thưởng và tuyên truyền nhân rộng các tập thể, cá nhân có thành tích thiết thực trong thực hiện QCDC ở cơ sở.

2.9. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong phối hợp đồng hành với người quản lý DN chăm lo đời sống việc làm cho người lao động; thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Lãnh đạo cơ sở đảng tham gia giám sát thực hiện chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người lao động. Các cấp ủy, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, hội nghị người lao động, điều lệ và các quy định của Công ty, thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật.

- Phối hợp với lãnh đạo DN đảm bảo thời gian làm việc, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Hằng năm, phối hợp với người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, cải thiện bố trí vị trí công việc phù hợp với sức khỏe người lao động, cải thiện điều kiện lao động; tuyên truyền, phổ biến thông tin về vệ sinh lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc; phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm cho người lao động tại DN.

- Phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện tốt các chế độ cho người lao động. Quan tâm đến công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động trong thực hiện các chế độ bảo hiểm như BHXH, BHYT, BHTN... theo luật định. Từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của người lao động trong DN. Đảm bảo việc làm, ổn định đời sống cho cán bộ, công nhân viên và người lao động; tạo thêm nhiều việc làm mới.

- Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Thực hiện công khai dân chủ, tạo môi trường sinh hoạt văn hóa, môi trường lao động hài hòa để phát huy tài năng sáng tạo, cống hiến, đồng thời cần thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với người lao động.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Khối xây dựng kế hoạch phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn các DN trong Khối hướng dẫn triển khai, thực hiện tốt chế độ bảo hiểm theo quy định cho người lao động. Phối hợp với thanh tra tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra đối với các DN trong Khối.

- Chỉ đạo các cấp ủy đảng phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, lấy ý kiến trước khi ban hành các văn bản như: nội quy, quy chế, quy định, các chủ trương, nghị quyết... về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của cán bộ, đảng viên, người lao động. Khi giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, đảng viên phải dân chủ, thực hiện theo đúng quy trình, đúng quy định của Điều lệ Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Các cấp ủy tích cực, chủ động và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cuộc kiểm tra của mình theo kế hoạch đề ra, đặc biệt tập trung đi sâu kiểm tra những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm trong thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật và việc làm, thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động. Qua mỗi cuộc kiểm tra phải có đánh giá, rút kinh nghiệm để phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

2.10. Chỉ đạo cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN chủ động, sáng tạo trong thực hiện phối hợp liên kết sử dụng sản phẩm dịch vụ của các DN trong Khối

- Nâng cao chất lượng hoạt động của cấp ủy đảng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của cấp ủy đảng đối với việc quản trị DN và hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Mỗi đồng chí cấp ủy viên cơ sở chỉ đạo điểm một nội dung thực hiện nhiệm vụ SXKD để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

- Các cấp ủy Đảng phải thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với nâng cao chất lượng quản trị DN, chú trọng áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc điều hành và quản trị DN; định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, nhân rộng các sáng kiến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả SXKD và khả năng cạnh tranh của DN.

- Cấp ủy cơ sở chủ động phối hợp với lãnh đạo DN nghiên cứu, điều tra, khảo sát thị trường, nhu cầu của từng đối tác để có kế hoạch cung ứng; xác định nhu cầu, năng lực đáp ứng các sản phẩm, dịch vụ và khả năng liên doanh, liên kết với các DN trong khối để thỏa thuận hợp tác lâu dài. Thông qua các buổi sinh hoạt, cấp ủy cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đảng viên về lợi ích của việc liên danh, liên kết sử dụng dịch vụ của các DN nhằm tạo sự đồng thuận cao.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong công tác sản xuất, kinh doanh cũng như công tác xây dựng Đảng giữa các DN trong Khối để các DN tìm hiểu sử dụng dịch vụ - sản phẩm của nhau. Vận động cán bộ, đảng viên, người lao động nêu cao và phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, góp sức xây dựng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam “*Dùng hàng Việt Nam là yêu nước*”.

- Cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại; tích cực tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển dịch vụ của DN. Chú trọng nghiên cứu xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện cho các DN trong khối tham gia vào việc sử dụng các dịch vụ sản phẩm của mình. Phối hợp với lãnh đạo các ngân hàng thương mại trong Đảng bộ Khối triển khai khai thác, cung ứng các dịch vụ tài chính với các chính sách ưu tiên giúp các DN đẩy mạnh SXKD.

2.11. Tăng cường vận động xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa trong DN, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

- Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể làm nòng cốt trong xây dựng đời sống văn hóa trong từng DN. Phối hợp xây dựng và chỉ đạo dung trì hoạt động của các thiết chế văn hóa trong DN; chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Tổ chức tốt việc sơ, tổng kết và biểu dương khen thưởng, tôn vinh DN, doanh nhân thực hiện tốt công tác SXKD, xây dựng văn hóa DN và chăm lo đời sống việc làm cho người lao động; tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Khối tổ chức tôn vinh các tấm gương trong phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo và gặp mặt biểu dương các doanh nhân tiêu biểu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, SXKD, xây dựng văn hóa DN, chăm lo đời sống việc làm cho người lao động gắn với biểu dương các điển hình tiên tiến học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh dịp 19/5, 13/10 hằng năm.

- Cấp ủy cơ sở, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội chỉ đạo mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên hằng năm đăng ký ít nhất một nội dung thực hiện nhiệm vụ trọng tâm. Phối hợp với lãnh đạo DN định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, nhân rộng các sáng kiến, giải pháp tài chính, kinh doanh, kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả SXKD và khả năng cạnh tranh của DN.

- Cần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tác phong lao động và làm việc văn minh thông qua các hoạt động cụ thể như: gìn giữ vệ sinh cơ quan sạch đẹp; cải thiện điều kiện môi trường làm việc, văn minh trong ứng xử, khoa học trong công việc, đầu tư cho công tác phòng chống cháy nổ, lắp đặt, sửa chữa thiết bị che chắn, an toàn, khắc phục các yếu tố độc hại, ô nhiễm môi trường trong sản xuất để cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường góp phần bảo vệ sức khỏe, an toàn tính mạng cho người lao động;

- Quan tâm xây dựng và hoàn thiện các chuẩn mực văn hóa trong các DN; chăm lo xây dựng văn hóa DN, văn hóa doanh nhân, tôn trọng pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh, từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu của DN. Phối hợp tổ chức cho cán bộ, đảng viên, người lao động ký cam kết không vi phạm ATGT, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; mỗi cán bộ, đảng viên, người lao động đều có ý thức vận động gia đình, người thân thực hiện nếp sống văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội, không vi phạm pháp luật, tích cực tham gia tốt các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3. Nhóm giải pháp về công tác xây dựng Đảng

3.1. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng; nâng cao trách nhiệm, vai trò của tổ chức Đảng trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của DN.

- Tiếp tục thực hiện định hướng chức danh chủ chốt HĐQT, HĐQT hoặc tổng giám đốc, giám đốc DN (là đảng viên), đồng thời là bí thư cấp ủy. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chính đốn Đảng và đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng đội ngũ cấp ủy viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, có ý thức tổ chức kỷ luật, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Nâng cao chất lượng việc thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/06/2012 của Ban Bí thư Trung ương "về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp"; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25-10-2018 của BCH Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên BCH Trung ương; Kế hoạch số 02-KH/ĐU của ĐUK về xây dựng, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng điển hình tiên tiến trong Đảng bộ giai đoạn 2015 – 2020.

- Tiếp tục cải cách hành chính với phương châm "Hai giảm, ba tăng", giảm hội họp và văn bản, tăng cường hướng về cơ sở, tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác đảng và tăng cường công tác KTGS. Triển khai thực hiện “Ba đồng hành” cùng DN, trong đó tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, xác định thực hiện nhiệm vụ SXKD là nhiệm vụ trọng tâm, bao trùm thực hiện nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ. Thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tập trung phát triển kinh tế; gắn thực hiện nhiệm vụ SXKD với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy gắn với nâng cao chất lượng quản trị DN. Nhân rộng các sáng kiến, giải pháp của lãnh đạo cấp ủy trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả SXKD và khả năng cạnh tranh của DN, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh thực hiện nêu gương trong đội ngũ đảng viên, nhất là cấp ủy viên cơ sở, bí thư các chi, đảng bộ cơ sở; gương mẫu đồng hành lao động sáng tạo

trong SXKD, xây dựng văn hóa DN và chăm lo việc làm, đời sống, bảo hiểm xã hội của người lao động; làm tốt công tác an sinh xã hội, nhân đạo từ thiện.

- Tăng cường vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của lãnh đạo DN quan tâm xây dựng đời sống văn hóa của người lao động trong DN gắn với xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; xây dựng môi trường văn hóa DN lành mạnh, môi trường làm việc văn minh, lịch sự, xây dựng DN sáng- xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong DN.

- Cấp ủy phối hợp với người sử dụng lao động thực hiện dân chủ, đoàn kết, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xây dựng đội ngũ công nhân có nếp sống văn hóa lành mạnh, có tác phong làm việc công nghiệp, năng suất, chất lượng và hiệu quả; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần tạo việc làm ổn định, đời sống ngày càng được nâng cao và thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định.

- Lãnh đạo xây dựng tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh. Tích cực tuyên truyền, vận động, thu hút, tập hợp người lao động tham gia sinh hoạt ở các đoàn thể, hội quần chúng trong DN. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, gắn với thi đua lao động sáng tạo, trong sản xuất, kinh doanh.

3.2. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp với các huyện ủy, thành ủy, các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh trong công tác phát triển đảng viên ở các DN ngoài khu vực nhà nước.

- Phối hợp đề lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 74-NQ/TU ngày 10/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020.

- Phối hợp làm tốt công tác kiện toàn, sắp xếp và xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể trong DN nhằm đẩy mạnh SXKD, phát triển DN bền vững; xây dựng Đảng, đoàn thể vững mạnh; góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương, DN.

- Phối hợp và chủ động tham mưu với các ban chỉ đạo tỉnh về phát triển doanh nghiệp như Ban chỉ đạo Hỗ trợ và Đầu tư phát triển DN tỉnh; Ban chỉ đạo phát triển tổ chức đảng, đảng viên ngoài khu vực Nhà nước tỉnh; phối hợp với Thành ủy Bắc Giang, các huyện ủy, đảng ủy trực thuộc trong công tác quản lý đảng viên và xây dựng văn hóa DN.

- Tăng cường phối kết hợp và phát huy vai trò của các cấp ủy, sở, ban, ngành, đoàn thể trong công tác xây dựng, phát triển tổ chức Đảng và đảng viên, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Đảng trong DN hoạt động hiệu quả. Phối hợp trong lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chấp hành, thực hiện Nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến DN đóng trên địa bàn về phát triển kinh tế - xã hội.

- Làm tốt công tác quản lý tổ chức đảng, đảng viên giữ mối liên hệ với cấp ủy nơi cư trú; việc bồi dưỡng lý luận chính trị, bồi dưỡng nhận thức về đảng, bồi dưỡng đảng viên mới, bồi dưỡng cấp ủy viên...

3.3. Tăng cường, đổi mới sinh hoạt chi bộ phù hợp với các loại hình DN, nâng cao chất lượng công tác phân công công tác và quản lý đảng viên.

- Nâng cao chất lượng chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp của tổ chức Đảng trong DN; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi giúp đỡ đối với cấp ủy, tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước trong việc thành lập và tổ chức hoạt động. Xây dựng mối quan hệ với cấp ủy địa phương nơi địa bàn DN hoạt động, để phối hợp công tác xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, đảng viên và quản lý đảng viên; hướng dẫn xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, định kỳ KTGS việc thực hiện quy chế.

- Đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng tổ chức sinh hoạt chi bộ đối với các loại hình DN. Nội dung sinh hoạt cần bám sát chủ trương, đường lối, nghị quyết của cấp trên và yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm của DN, nhiệm vụ mới. Gắn chặt các nhiệm vụ lãnh đạo phát triển SXKD, giải quyết việc làm, chăm lo đời sống người lao động, phòng chống các tệ nạn xã hội, an ninh quốc phòng trong DN. Tránh tình trạng tổ chức sinh hoạt với nội dung dàn trải, dập khuôn, chung chung không có chiều sâu. Nghiên cứu sử dụng đồng bộ các phương pháp, các kênh thông tin cho đảng viên, đoàn viên, người lao động nhằm từng bước làm tốt công tác định hướng tư tưởng, đấu tranh với các quan điểm sai trái, sự kích động của các thế lực thù địch.

- Chỉ đạo các cấp ủy cơ sở thường xuyên nâng cao chất lượng tổ chức sinh hoạt chuyên đề của chi bộ, trong đó tập trung bàn các giải pháp thực hiện nhiệm vụ chính trị, SXKD, xây dựng chương trình kế hoạch SXKD, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, xây dựng thương hiệu, văn hóa kinh doanh, đồng thời tăng cường quảng bá hình ảnh của DN. Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt đảng trong KCN cho phù hợp với đặc thù từng loại hình DN, không để ảnh hưởng

đến nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh và chuyên môn của đảng viên. Ở những tổ chức Đảng mới thành lập, Đảng ủy các Khu công nghiệp cử cán bộ xuống dự sinh hoạt chi bộ, trực tiếp giúp chi bộ tháo gỡ những khó khăn...

- Đảng ủy Khối tăng cường chỉ đạo, kiểm tra và phân công những cán bộ am hiểu tình hình, có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng để theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ các cấp ủy đảng trong DN ngoài khu vực nhà nước tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong công nhân trực tiếp lao động, SXKD.

- Hướng dẫn các chi bộ nâng cao chất lượng phân công công tác cho đảng viên theo hướng cụ thể, dễ nhớ, dễ thực hiện. Định kỳ hằng tháng kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên. Trong phân công nhiệm vụ cho đảng viên cần gắn chặt với thực hiện nhiệm vụ SXKD và công tác theo dõi, giúp đỡ phát triển đảng viên mới. Thực hiện nghiêm túc phương châm mỗi đảng viên chính thức hằng năm theo dõi, giúp đỡ, giới thiệu một quần chúng ưu tú cho Đảng. Định kỳ, tiến hành kiểm điểm, đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ của mỗi đảng viên để kịp thời có biện pháp giúp đỡ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường phối hợp với các huyện ủy, thành ủy trong Đảng bộ tỉnh nhằm quản lý, theo dõi và giúp đỡ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

3.4. Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, quan tâm phát triển đảng viên mới ở các DN ngoài khu vực Nhà nước.

- Chỉ đạo cấp ủy cơ sở xây dựng và thực hiện quy chế làm việc, quy định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ lãnh đạo, quyền hạn của tập thể cấp ủy và từng cấp ủy viên. Cấp ủy chủ động thực hiện việc trao đổi với chủ DN trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng tổ chức Đảng, đoàn thể của đơn vị. Trong sinh hoạt cần bảo đảm phát huy dân chủ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ đồng thời phát huy cao trách nhiệm của từng cấp ủy viên; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong cấp ủy. Thường xuyên đổi mới phong cách, lề lối công tác trước hết tập trung xây dựng chương trình công tác quý, năm, hàng tháng với nội dung thiết thực.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức Đảng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đối với từng loại hình tổ chức cơ sở Đảng đã được Ban Bí thư Trung ương quy định. Tuyên truyền, giải thích để các chủ DN hiểu về vai trò, nhiệm vụ của tổ chức Đảng, trong đó có nhiệm vụ thực hiện mục tiêu, lợi ích của DN.

- Phát huy vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức Đảng trong việc phối hợp với chủ DN lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; công tác nhân sự, lãnh đạo của các tổ chức đoàn thể, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động. Cấp ủy và chi bộ trong các DN thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và bằng vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên làm cho chủ DN hiểu rõ chi bộ, Đảng bộ trong DN hoạt động tốt sẽ lãnh đạo công nhân, lao động thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, kế hoạch SXKD của DN.

- Hướng dẫn tổ chức Đảng hằng năm ra nghị quyết chuyên đề về công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên. Chỉ đạo các chi bộ thực hiện nghiêm túc phân công công tác cho đảng viên theo hướng cụ thể, dễ nhớ, dễ thực hiện; tiếp tục thực hiện giao nhiệm vụ *“mỗi đảng viên chính thức hằng năm tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng và giới thiệu cho Đảng một quần chúng ưu tú đề nghị kết nạp đảng”*. Định kỳ trong sinh hoạt Đảng hằng tháng kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên.

- Tăng cường giúp đỡ, hướng dẫn hoạt động của đảng viên trong các DN ngoài khu vực Nhà nước. Vận động đảng viên trong các DN đang sinh hoạt tại nơi cư trú chuyển sinh hoạt về Đảng bộ Các khu công nghiệp tỉnh, định hướng phát triển tổ chức đảng theo hướng tiến tới có chi bộ đảng trong từng DN. Kịp thời kiện toàn, sắp xếp các chi bộ trực thuộc Đảng ủy các khu công nghiệp theo các mô hình tổ chức cho phù hợp. Tạo điều kiện để mỗi đảng viên hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của đảng viên trong công tác phát triển tổ chức Đảng, đảng viên. Từ đó, tuyên truyền, vận động lãnh đạo DN tạo điều kiện để phát triển tổ chức Đảng và đảng viên trong đơn vị. Giúp đỡ tổ chức Đảng mới thành lập trong DN xây dựng quy chế hoạt động của chi bộ, quy chế làm việc của cấp ủy và quy chế phối hợp hoạt động giữa cấp ủy với lãnh đạo DN.

- Bố trí cán bộ, đảng viên có kinh nghiệm tăng cường gấp gờ, vận động lãnh đạo các DN ngoài khu vực Nhà nước chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức Đảng để thành lập và duy trì hoạt động các tổ chức quần chúng, nhất là tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên. Từng bước phát triển đảng viên, tiến tới phát triển tổ chức đảng trong DN. Lãnh đạo xây dựng các đoàn thể chính trị xã hội trong DN vững mạnh, thường xuyên tạo nguồn, bồi dưỡng và làm tốt nhiệm vụ kết nạp đảng viên mới nhằm bổ sung lực lượng đảng viên trẻ, có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Tiếp tục quan tâm phát triển

đảng viên mới theo hướng nâng cao chất lượng; ưu tiên phát triển Đảng cho các đối tượng là chủ DN trong các khu công nghiệp, lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội và các phòng, ban, bộ phận trong DN.

- Các cấp ủy Đảng cần tích cực, chủ động giáo dục, rèn luyện, nâng cao chất lượng đảng viên, đi đôi với bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới, coi trọng chất lượng là chính, đồng thời tăng số lượng hợp lý, làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên đối với các chủ DN tư nhân, làm cơ sở để phát triển về số lượng đảng viên trong các DN. Cấp ủy cấp trên cần phân công cán bộ trực tiếp tiếp xúc, gặp gỡ làm việc và vận động chủ DN phấn đấu vào Đảng. Đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo cấp ủy cấp cơ sở nơi chủ DN cư trú làm tốt công tác tạo nguồn. Từ đó, có biện pháp cụ thể bồi dưỡng, giúp đỡ, giới thiệu quần chúng là các chủ DN vào Đảng.

3.5- Coi trọng công tác cán bộ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối mới quản trị DN, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD

- Quan tâm đến công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ trong từng đơn vị; trước hết là đội ngũ cấp ủy viên, báo cáo viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác tư tưởng. Hằng năm Đảng ủy Khối tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cấp ủy, báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội trong toàn Đảng bộ, có thể lồng ghép trong các đợt triển khai nghiên cứu, học tập nghị quyết của Đảng.

- Định kỳ tổ chức thông tin chuyên đề đổi mới quản trị DN. Mời các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về công tác quản trị DN và hội nhập quốc tế để tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo quản lý DN. Xây dựng cơ chế quản lý cho phù hợp với nhu cầu đổi mới và những quy định của thông lệ quốc tế khi hội nhập kinh tế quốc tế...

- Kịp thời củng cố, kiện toàn đội ngũ đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của các tổ chức đảng trực thuộc, đội ngũ báo cáo viên khi có biến động, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Duy trì và từng bước nâng cao chất lượng các hội nghị báo cáo viên. Bảo đảm việc cung cấp tài liệu, cập nhật thông tin mang tính thời sự chính trị, tính chuyên sâu, định hướng công tác tuyên truyền miệng về tình hình thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế trong các mặt của đời sống xã hội.

- Hướng dẫn các chi bộ trong DN thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên có đức, có

tài, sống có hoài bão, lý tưởng. Giới thiệu, đề cử với lãnh đạo DN những đảng viên tiêu biểu của chi bộ tham gia giữ các vị trí lãnh đạo các bộ phận và lãnh đạo chủ chốt trong DN. Phối hợp với lãnh đạo đơn vị bố trí, bảo đảm việc phân công công việc hợp lý để báo cáo viên thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến những quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời thông tin thời sự và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và người lao động về những vấn đề dư luận quan tâm, những nảy sinh từ cơ sở.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân, nhằm trang bị các điều kiện cần thiết để phát triển nền kinh tế thị trường và đào tạo khởi sự DN, quản trị DN, giúp đội ngũ cấp ủy viên và lãnh đạo DN tiếp cận được những thông tin mới. Phát huy vai trò của các DN khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ vào SXKD.

- Tổ chức các hội thảo, trao đổi, tọa đàm giữa các cấp ủy trong DN nhằm rút kinh nghiệm trong công tác quản trị DN và hội nhập quốc tế. Định kỳ tổ chức cho lãnh đạo cấp ủy cơ sở đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Tổ chức đoàn công tác của Đảng ủy Khối cùng các DN đi nghiên cứu thị trường ở trong và nước ngoài. Khuyến khích đảng viên lãnh đạo DN tích cực, chủ động tự, học tập, nâng cao nhận thức về quản trị DN, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, dự nguồn quy hoạch cấp ủy và BCH các đoàn thể chính trị xã hội, BCH, cộng tác viên dư luận xã hội. Tăng cường nội dung tập huấn theo hướng yếu cái gì tập huấn cái đó; thực hiện thông tin hai chiều và giải đáp, hướng dẫn khắc phục những vấn đề đang mắc ở cơ sở. Đảm bảo chế độ phục vụ hoạt động thường xuyên cấp ủy viên, BCH, cộng tác viên dư luận xã hội. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và kịp thời biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, nhân rộng các sáng kiến.

- Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tổ DLXH, như máy ghi âm, ghi hình, phụ cấp theo chế độ và các điều kiện vật chất khác. Tổ chức cho đội ngũ báo cáo viên, DLXH có điều kiện học tập, trao đổi nghiệp vụ với các tỉnh bạn. Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra hoạt động báo cáo viên.

3.6 Tăng cường thực hiện dân chủ trong Đảng, nâng cao chất lượng công tác KTGS của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp.

- Phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, từ sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp ủy cơ sở đến Đảng ủy cấp trên; đảng viên phải nói và làm theo Nghị quyết của

Đảng; chống dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan hoặc lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân; kiện toàn hệ thống tổ chức đảng, gắn với đổi mới tổ chức bộ máy quản lý DN và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Các cấp ủy viên, nhất là cán bộ chủ chốt thường xuyên lắng nghe ý kiến và trả lời chất vấn của đảng viên và quần chúng; cấp ủy định kỳ làm việc với BCH các đoàn thể, phát huy quyền làm chủ, vai trò chủ động, sáng tạo của các đoàn thể quần chúng; chăm lo xây dựng công đoàn và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, phát huy vai trò của các đoàn thể về xây dựng nếp sống văn hóa trong DN.

- Tăng cường công tác KTGS đối với các chi, đảng bộ cơ sở trong việc phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Chú trọng lãnh đạo việc đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra của các cấp ủy, của Ủy ban kiểm tra các cấp, tập trung đi sâu kiểm tra những vấn đề nổi cộm, bức xúc, những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm; về trách nhiệm cá nhân của cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; những tiêu cực như lãng phí, tham nhũng làm thất thoát tài sản Nhà nước; củng cố đoàn kết nội bộ, rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên...

- Quan tâm kiểm tra kịp thời dấu hiệu vi phạm của tổ chức Đảng, đảng viên, không để xảy ra và trở thành vấn đề phức tạp; xử lý nghiêm các sai phạm của cán bộ, đảng viên. Sau các cuộc KTGS có kết luận cụ thể, phân công cán bộ theo dõi, giúp đỡ tổ chức đảng, đảng viên khắc phục những tồn tại hạn chế.

- Chỉ đạo cấp ủy đảng phối hợp với lãnh đạo DN xây dựng kế hoạch phòng ngừa và giải quyết khi có đình công, lãn công xảy ra. Định kỳ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cấp ủy viên, cán bộ công đoàn về các phương án, kỹ năng nghiệp vụ giải quyết đình công, lãn công.

3.7. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đảng bộ Các khu công nghiệp tỉnh và Đảng bộ Hiệp hội DN tỉnh; tăng cường công tác phối hợp tuyên truyền vận động phát triển tổ chức đảng, đoàn thể và đảng viên trong các DN thành viên của Hiệp hội và DN trong các khu công nghiệp tỉnh.

- Bám sát sự lãnh đạo của Ban chỉ đạo tỉnh về phát triển tổ chức đảng, đảng viên, các đoàn thể quần chúng trong các DN ngoài khu vực nhà nước, xác định phát triển đảng trong các khu, cụm công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm. Tiếp tục phối hợp, duy trì thực hiện lãnh đạo Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và lãnh đạo

Hiệp hội DN tỉnh đồng thời là Bí thư Đảng ủy các Khu công nghiệp tỉnh và Hiệp hội DN tỉnh. Tranh thủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh và Hiệp hội DN tỉnh nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng và các DN.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Quy định số 288-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống. Quy định số 170-QĐ/TW và Quy định 171-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN tư nhân và DN có vốn đầu tư nước ngoài. Quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện các quy định của Trung ương về đảng viên làm kinh tế tư nhân, kết nạp đảng viên là chủ DN.

- Có hình thức thích hợp tuyên truyền, vận động để các chủ DN, thành viên HĐQT, giám đốc DN nắm được quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng tổ chức và hoạt động của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước, nắm được mối quan hệ của tổ chức Đảng với chủ DN, HĐQT, giám đốc DN. Tuyên truyền, vận động đảng viên là chủ DN thực hiện đúng các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước hiện hành.

- Chỉ đạo Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh tăng cường phối hợp với Hiệp hội DN, Hội doanh nhân trẻ và các hội nghề nghiệp trong DN, vận động các hội viên thi đua tăng năng suất lao động, thúc đẩy SXKD, chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và thực hiện điều lệ của Hiệp hội, các hội quần chúng trong DN và phân công thành viên của Hiệp hội DN tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ phát triển tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong các DN thành viên.

- Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh tăng cường phối hợp với BCH Hiệp hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phát triển các DN có đủ điều kiện tham gia làm hội viên Hiệp hội DN tỉnh. Đề xuất đơn giản hoá thủ tục kết nạp, nâng cao chất lượng sinh hoạt Hiệp hội, tạo niềm tin của các DN với Hiệp hội DN tỉnh nói chung và Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh nói riêng.

- Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh tăng cường phối hợp với lãnh đạo Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh trong phân công thực hiện nhiệm vụ phát triển tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong các DN cho đảng viên là cán bộ Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh.

- Thường xuyên gắn bó, đi sâu, đi sát các DN thành viên Hiệp hội DN tỉnh; nắm chắc tình hình từ cơ sở, bàn và cùng tham gia đồng hành giải quyết khó khăn cho DN. Tích cực tuyên truyền, vận động, phát triển tổ chức đảng, đảng viên, các tổ chức đoàn thể trong DN có đủ điều kiện. Trước mắt, ưu tiên phát triển Đảng cho các đối tượng là chủ DN, lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội, các phòng, ban, bộ phận trong DN và công nhân ưu tú.

- Chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của Đảng ủy Các Khu công nghiệp tỉnh và Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh. Tiếp tục thực hiện bố trí luân phiên có thời hạn cán bộ cơ quan Đảng ủy Khối tăng cường cán bộ trực tiếp về cơ sở làm cán bộ chuyên trách công tác Đảng ở những nơi trọng yếu.

3.8. Thường xuyên nghiên cứu, làm tốt công tác tổng kết thực tiễn; tổ chức sơ, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

- Cán bộ cơ quan Đảng ủy Khối tăng cường đi cơ sở, dự sinh hoạt chi bộ, chủ động nắm tình hình, giám sát hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên trong đơn vị phụ trách. Hàng tháng chủ động báo cáo tình hình với Thường trực Đảng ủy những khó khăn, vướng mắc của tổ chức đảng, đảng viên để có phương án xử lý kịp thời.

- Quan tâm nâng cao chất lượng tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng gắn với tổ chức nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ Khối DN tỉnh. Làm tốt công tác tổng kết thực tiễn, kịp thời làm sáng tỏ những vấn đề bức xúc về công tác xây dựng và phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong các DN ngoài khu vực Nhà nước.

- Hằng năm Ban Thường vụ Đảng ủy Khối tổ chức sơ, tổng kết những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng, đoàn thể; kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích trong các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; gặp mặt biểu dương các tập thể, cá nhân, doanh nhân tiêu biểu gắn với biểu dương các điển hình tiên tiến học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và tổng kết xây dựng Đảng.

4. Nhóm giải pháp về lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị xã hội

4.1. Tăng cường công tác tuyên truyền truyền, vận động tổ chức chính trị xã hội trong DN giáo dục, định hướng cho đoàn viên, hội viên thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Lãnh đạo BCH đoàn thể chính trị - xã hội các cấp quan tâm làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các chính sách, pháp luật nhà nước đoàn viên, hội viên; đồng thời chủ động cập nhật và

cung cấp thông tin, có định hướng của Đảng, các văn bản mới liên quan đến DN cho lãnh đạo, quản lý DN để tuyên truyền, tác động đến cán bộ, đảng viên, người lao động trong các DN để họ nhận thức đúng về nhiệm vụ của thời kỳ CNH - HĐH đất nước cũng như thực hiện theo luật DN đã quy định. Trong đó, tập trung tuyên truyền các nội dung Nghị định 149/2018/NĐ-CP quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách của Nhà nước có liên quan đến DN, nhất là đội ngũ lãnh đạo DN. Trong đó, quán triệt sâu sắc Quy định 170-QĐ/TW và 171-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN tư nhân và DN có vốn đầu tư nước ngoài; Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế...

- Chú trọng tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng bằng các hình thức phong phú, hấp dẫn, dễ hiểu, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên hưởng ứng, tham gia; tạo dựng môi trường, cơ hội cho đoàn viên, hội viên rèn luyện, cống hiến và trưởng thành; biện pháp tuyên truyền cần mềm dẻo, khéo léo, linh hoạt, đặc biệt phải tổ chức các hoạt động sinh động, hấp dẫn để thu hút sự tham gia của lãnh đạo DN và lực lượng lao động trẻ...

- Quan tâm xây dựng người công nhân mới có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn tốt, có sức khỏe và lối sống văn hoá; tích cực hưởng ứng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá như: gương người tốt, việc tốt; điển hình tiên tiến; xây dựng gia đình, cơ quan, DN văn hoá gắn với chương trình xoá đói, giảm nghèo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, cải cách hành chính, đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

4.2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị trong DN.

- Các tổ chức đoàn thể trong DN thường xuyên củng cố, kiện toàn và xây dựng tổ chức vững mạnh về mọi mặt, đổi mới phương thức hoạt động theo hướng đi vào chiều sâu, có chất lượng và hiệu quả thiết thực với người lao động; mỗi đoàn thể thực sự là cầu nối giữa chủ DN, người sử dụng lao động với đoàn viên, hội viên, người lao động trong DN. Xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa các tổ chức

chính trị xã hội, người lao động và người sử dụng lao động trong DN. Phát hiện kịp thời những xung đột giữa người lao động và giới chủ, tham gia giải quyết có hiệu quả các cuộc đình công lẫn công trong các DN.

- Các đoàn thể trong DN nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện vai trò đại diện lợi ích của người lao động khi thực hiện đàm phán về quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động cũng như lợi ích chung của DN, nhằm xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đơn vị, phát huy tính phản biện xã hội, quyền làm chủ của người lao động để thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Duy trì tổ chức các buổi sinh hoạt định kỳ của tổ chức đoàn thể theo quy định của điều lệ từng đoàn thể và các cuộc sinh hoạt chuyên đề, trong đó kết hợp phổ biến các nội dung pháp luật về thực hiện dân chủ, quy chế dân chủ trong DN. Định kỳ tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ cán bộ các đoàn thể nhằm trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng tổ chức các hoạt động đoàn thể, những kinh nghiệm trong xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh...

- Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động, hướng dẫn việc thành lập đoàn thể ở DN; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hoạt động công tác đoàn thể; việc đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho người lao động, tập thể lao động; tổ chức và lãnh đạo đình công theo đúng những quy định của pháp luật lao động.

- Đảng bộ Khối chủ động phối hợp với lãnh đạo các ban, ngành liên quan chỉ đạo việc mở các lớp tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng tập hợp, tổ chức các phong trào cho cán bộ các đoàn thể trong DN nhằm cung cấp tài liệu, thông tin, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác. Tổ chức các Hội thi văn hóa DN, xây dựng tác phong công nghiệp trong công nhân lao động nhằm tìm ra các giải pháp sáng tạo, cách thức thực hiện, xử lý tình huống trong chuyên môn.

- Từng bước đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền cho công nhân, lao động như: tổ chức lồng ghép trong các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu; thông tin qua hệ thống truyền thanh, bảng tin trong DN; kết nối, thông tin qua mạng Zalo, Facebook...

- Tăng cường tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, nhất là chủ DN tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động nhân đạo, từ thiện, ủng hộ, giúp đỡ các gia đình chính sách, hộ nghèo, các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn... Từng bước đổi mới cách thức hỗ trợ, ủng hộ, như ủng hộ, giúp đỡ đào tạo học nghề, hỗ trợ phương tiện, công cụ sản xuất, hỗ trợ cây giống, con giống...

4.3. Quan tâm công tác củng cố, phát triển các tổ chức đoàn thể trong khối, trú trọng các DN ngoài khu vực nhà nước.

- Tiếp tục chỉ đạo, tuyên truyền, thực hiện tốt Chỉ thị số 33-CT/BBT ngày 26/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/01/2008 của BCH Trung ương Đảng (khóa X) về *"Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước"*; Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của BCH Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH; Quyết định số 335-QĐ/TU, ngày 3/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các DN ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh tích cực tổ chức tuyên truyền, vận động chủ DN tạo điều kiện thành lập các tổ chức đoàn thể chính trị tại đơn vị theo Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.

- Tuyên truyền sâu rộng về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân và tổ chức đoàn thể trong DN, nhất là công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công nhân lao động để người lao động tự gia nhập các đoàn thể; vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh trong việc giáo dục, rèn luyện đội ngũ công nhân lao động trẻ tích cực, đi đầu trong việc nắm bắt, vận dụng sáng tạo khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào sản xuất.

- Tuyên truyền, phổ biến những kinh nghiệm hay, mô hình hiệu quả, tạo dư luận xã hội đồng tình, ủng hộ người lao động thấy được yêu cầu phải thành lập và tham gia các tổ chức đoàn thể tại các DN. Thuyết phục, vận động người sử dụng lao động ủng hộ việc thành lập tổ chức đoàn thể trong các DN. Kết hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng với việc tuyên truyền miệng trực tiếp tại nơi làm việc, nơi sản xuất và nơi cư trú của công nhân lao động ở các DN.

- Xây dựng đội ngũ đảng viên trong các DN làm nòng cốt để tạo thành các nhóm cán bộ, đảng viên, người lao động trong các khu công nghiệp nhằm tranh thủ sử dụng các kênh thông tin, các mạng xã hội để tuyên truyền, phổ biến các nội dung về chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách của Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển tổ chức đoàn thể trong DN.

- Đoàn kết, tập hợp, giáo dục, phát động phong trào thi đua yêu nước và kết nạp đoàn viên, hội viên vào các tổ chức đoàn thể theo Điều lệ của từng đoàn thể

chính trị - xã hội. Chú trọng thành lập tổ chức và kết nạp hội viên ở những nơi doanh nghiệp chưa có tổ chức đoàn thể, gắn với nâng cao chất lượng tổ chức đoàn thể và chất lượng hội viên.

4.4. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các đoàn thể trong các DN trong khối. Tăng cường công tác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, đoàn viên phù hợp với lợi ích của DN.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp trên, các ban ngành chuyên môn tổ chức tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, sinh hoạt chuyên đề cho các cán bộ đoàn thể chính trị cấp dưới trong DN.

- Trang bị các kỹ năng, kiến thức cơ bản cần thiết cho đội ngũ cán bộ các đoàn thể trong quá trình quy tụ, tập hợp đoàn viên, hội viên vào tổ chức; kỹ năng tổ chức, phát động các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, sáng kiến hay trong đông đảo đoàn viên, hội viên, người lao động.

- Thành lập các tổ tuyên truyền, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ đoàn thể. Biên soạn các chuyên đề tuyên truyền, bồi dưỡng theo từng lĩnh vực công tác của các đoàn thể cung cấp cho đội ngũ cán bộ đoàn thể trong DN.

- Tập trung tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến DN và thực hiện chế độ đối với người lao động. Từ đó tham gia với người lao động thực hiện và chủ động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

- Cấp ủy cơ sở thường xuyên chỉ đạo các đoàn thể phối hợp với người sử dụng lao động quan tâm nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho người lao động phù hợp với đặc thù của đơn vị, góp phần nâng cao khả năng tái tạo sức lao động, tăng cường khả năng sáng tạo của mỗi công nhân, người lao động.

4.5. Tăng cường tổ chức, phát động các phong trào "Lao động sáng tạo", "SXKD giỏi"... nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, trọng tâm là nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng DN phát triển bền vững.

- Các cấp ủy thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể phát huy sức mạnh và làm nòng cốt phát động và triển khai các phong trào thi đua cụ thể gắn với hoạt động của từng đơn vị ở từng thời điểm. Trong đó tập trung vào các dịp lễ lớn của địa phương, dân tộc và của DN... Trú trọng tổ chức các đợt thi đua với các chủ đề, như: “lao động giỏi”, “lao động sáng tạo”, “phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật”, “xây dựng DN sáng – xanh – sạch – đẹp”...

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, các cuộc hội thảo với chủ đề “văn hóa DN”; nâng cao ý thức trách nhiệm của các thành viên đối với DN; gắn các nội dung và hình thức tiến hành cuộc vận động với thực hiện nhiệm vụ chính trị hướng vào các phong trào thi đua cụ thể; lồng ghép nội dung cuộc vận động vào mọi hoạt động của DN.

- Việc phát động, triển khai các phong trào thi đua yêu nước trong DN phải được xây dựng thành các tiêu chí cụ thể để giúp đánh giá xếp loại thi đua cán bộ, đảng viên, người lao động hàng năm. Gắn thực hiện phong trào thi đua với đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng các nội dung thiết thực như: Thực hiện tốt nêu gương về tác phong, đạo đức của cán bộ, đảng viên, người lao động; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nội bộ đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ; thực hiện cải cách hành chính; quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước và các nguồn kinh phí được giao; tích cực đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí....

- Hằng năm các tổ chức đoàn thể chính trị cần phối hợp tốt với Hội đồng khoa học, Hội đồng sáng kiến, Hội đồng thi đua khen thưởng của từng đơn vị, DN tổ chức tốt các cuộc thi sáng tạo, xây dựng hình ảnh văn hóa DN, nhằm góp phần xây dựng nền nếp, tạo không khí phấn đấu, thi đua sôi nổi trong đoàn viên, hội viên, người lao động, xây dựng văn hóa DN và xây dựng DN phát triển bền vững.

- Các đoàn thể trong DN thường xuyên phối hợp với các hội đồng khoa học, thi đua, khen thưởng của DN, đơn vị theo dõi, tổng hợp các hoạt động sáng tạo, hiệu quả nhằm tham mưu với các cấp ủy, lãnh đạo DN sơ kết, tổng kết, tổ chức khen thưởng, động viên kịp thời tạo động lực lan tỏa rộng khắp trong các đoàn viên, hội viên, người lao động.

- Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, cuộc thi, tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong đoàn viên, hội viên, người lao động trong DN gắn với tổ chức các hoạt động tập trung vào các sự kiện lớn: Ngày hội thanh niên công nhân, ngày doanh nhân, quốc tế lao động....từ đó lựa chọn, phát hiện các ý tưởng sáng tạo, mô hình, cách làm mới, khoa học nhằm phát triển rộng khắp phong trào lao động sáng tạo, thúc đẩy phong trào trong người lao động, tạo động lực thi đua, phấn đấu vì mục đích xây dựng DN phát triển bền vững.

4.6. Nâng cao chất lượng công tác phản biện xã hội của các đoàn thể. Thu hút người lao động tham gia sinh hoạt đoàn thể và giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng.

- Trên cơ sở các quy định về trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt trong các văn bản của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy quy định cụ thể ở cấp mình, công khai để cán bộ, đảng viên, người lao động biết giám sát. Quy định rõ các hình thức thuận lợi để cán bộ, đảng viên, người lao động phản ánh, góp ý. Tăng cường tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, người lao động tham gia cùng các đoàn thể giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp thực hiện nêu gương.

- Thực hiện nghiêm quy chế tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu; quy chế tiếp thu và trả lời sau giám sát, phản biện xã hội. Tăng cường tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người lao động và chủ DN. Định kỳ hoặc đột xuất, các đoàn thể chính trị xã hội trong DN tổ chức cho đoàn viên, hội viên, người lao động được tham gia chất vấn, phản biện các cơ chế, chính sách, quyền lợi cũng như nghĩa vụ của của DN đối với người lao động và ngược lại.

- Nâng cao vai trò, vị trí của người lao động trong quá trình giám sát thực hiện quy chế dân chủ tại DN, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Các đoàn thể phân công cán bộ, đoàn viên theo dõi, giúp đỡ quần chúng; thông qua các hoạt động của đoàn thể, các phong trào thi đua tại đơn vị giúp ban chấp hành đoàn thể phát hiện các đoàn viên, hội viên, người lao động ưu tú, nhiệt tình, trách nhiệm, có trí hướng, nhằm lựa chọn, tiếp tục bồi dưỡng, định hướng tư tưởng, tạo nguồn cho Đảng xem xét kết nạp.

4.7. Tập trung xây dựng văn hóa DN, xây dựng tác phong công nghiệp trong đoàn viên, hội viên; quan tâm tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho hoạt động của các đoàn thể.

- Chỉ đạo các đoàn thể phối hợp với lãnh đạo DN xây dựng văn hóa DN, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong DN. Các tổ chức đảng cần quan tâm phối hợp với lãnh đạo DN tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong các DN về tầm quan trọng của việc xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa DN trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế; đồng thời lồng ghép với các phong trào thi đua mang tính đặc thù riêng của từng đơn vị.

- Các đoàn thể chủ động đề xuất với cấp ủy, chính quyền xây dựng các thiết chế văn hóa để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Tích cực tham gia xây dựng môi trường văn hóa, tác phong công nghiệp; đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ; bảo đảm an ninh trật tự, không có người vi phạm pháp luật...

- Đảng ủy Khối ban hành nghị quyết về lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội và xây dựng cơ chế phối hợp với Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật tỉnh và Hội đồng sáng kiến, khoa học các DN, nhằm thường xuyên phát động, tổ chức các phong trào thi đua, cuộc thi sáng tạo, xây dựng hình ảnh văn hóa DN, định kỳ sơ kết, tổng kết phong trào. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, tuyên truyền, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong khối DN; bình chọn tôn vinh các doanh nhân tiêu biểu và DN đạt “DN văn hóa” hàng năm.

- Chỉ đạo, định hướng cho cấp ủy cơ sở lãnh đạo các đoàn thể từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động cho phù hợp với đặc thù của DN, như: cán bộ, đảng viên, người lao động không vi phạm các quy định thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm, không sinh con thứ 3, không hút thuốc nơi công sở, xây dựng cơ quan, đơn vị xanh- sạch- đẹp với môi trường làm việc thoáng mát, an toàn.... Các đoàn thể gắn việc xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa với các phong trào thi đua yêu nước như: “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh”, phong trào thi đua an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ... Qua đó, tạo khí thế thi đua sôi nổi, có tác động tích cực trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch SXKD của từng DN.

- Cấp ủy cơ sở phối hợp với lãnh đạo DN có cơ chế, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể đảm nhận một số công trình, phần việc nhằm xây dựng quỹ, kinh phí trong quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua; tạo điều kiện xây dựng quỹ khuyến tài nhằm đáp ứng kịp thời về kinh phí trong quá trình các đoàn thể tổ chức các phong trào. Xây dựng các cơ chế tạo điều kiện về thời gian, kinh phí trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, hội, kinh phí tổ chức thực hiện các phong trào.

- Tổ chức trao đổi, tọa đàm, giao lưu, học tập kinh nghiệm về xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa... Từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức đảng, đoàn thể và cán bộ, đảng viên, người lao động trong việc cùng chung tay xây dựng DN đạt chuẩn văn hóa theo quy định; từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh

doanh; không ngừng chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; tạo động lực cổ vũ tích cực cho các phong trào thi đua lao động, sáng tạo trong công nhân lao động; góp phần xây dựng DN phát triển bền vững.

- Chỉ đạo các đoàn thể làm nòng cốt trong tổ chức các động văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao, xây dựng khối đoàn kết gắn bó giữa người lao động với DN, xây dựng DN văn hóa. Tăng cường tham gia xây dựng Đảng, phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng... Đồng thời, chú trọng nâng cao ý thức của mỗi cán bộ, đảng viên, người lao động trong thực hiện và vận động gia đình, người thân thực hiện nếp sống văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội, không vi phạm pháp luật, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc...

- Tăng cường vận động, thu hút các nguồn lực trong xã hội nhằm xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ sinh hoạt tập thể, từng bước nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, như sân chơi, bãi tập, tủ sách cộng đồng, các loại hình câu lạc bộ...

5. Nhóm giải pháp về thực hiện cơ chế chính sách

5.1. Tham mưu giúp Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển DN.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá và công khai minh bạch các chính sách, pháp luật liên quan tới DN, rà soát và sửa đổi các quy định nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho DN phát triển.

- Phối hợp, tham mưu cho lãnh đạo tỉnh chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ, giải quyết sớm những khó khăn, vướng mắc và hướng dẫn các DN tiếp cận cơ chế, chính sách hỗ trợ DN phát triển.

- Tham mưu phối hợp đề xuất với lãnh đạo tỉnh để giảm dần tiến tới loại bỏ các loại giấy phép con, phí, phụ phí bất hợp lý. Các văn bản triển khai phải thực hiện theo đúng Luật DN, Luật Đầu tư và các quy định của Nhà nước để giảm rủi ro pháp lý trong kinh doanh. Có cơ chế, chính sách cụ thể đối với từng loại hình DN để tạo động lực phát triển DN.

- Tích cực phối hợp tham mưu cho lãnh đạo tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền; có cơ chế cụ thể để tạo điều kiện thuận lợi cho DN thực hiện nhiệm vụ chính trị, SXKD. Tổ chức cho các DN và ngân hàng đối

thoại, ký kết hợp đồng vay vốn sản xuất; hỗ trợ DN với lãi suất ưu đãi, đơn giản hoá thủ tục vay vốn để DN dễ dàng tiếp cận được các nguồn tín dụng ưu đãi. Quan tâm đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đầu tư đổi mới công nghệ cho DN.

- Phối hợp với các ngành chức năng tham mưu xây dựng cơ chế giúp đỡ hỗ trợ các DN xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm. Cập nhật, đăng tải các thông tin có liên quan của DN trên trang website của Sàn giao dịch công nghệ và trong hệ thống cơ sở dữ liệu. Hỗ trợ các DN tìm kiếm, thẩm định, đổi mới, chuyển giao công nghệ; đáp ứng nhu cầu cung cấp chuyên gia KH&CN, thiết bị, máy móc chuyên dụng... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ thông qua các cơ quan chức năng có liên quan, các tổ chức hội, hiệp hội ngành hàng và tại các DN chế biến và kinh doanh nông sản.

5.2. Tiếp tục phát động các DN trong Khối “Hiến kế đổi mới cơ chế, chính sách, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương, đất nước”

- Tiếp tục quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, người lao động về mục đích, ý nghĩa của cuộc vận động để mọi người tự giác, có ý thức trách nhiệm đóng góp hiến kế cho sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước, địa phương và DN.

- Vận động cán bộ, đảng viên, người lao động tích cực tham gia hiến kế, đóng góp các sáng kiến, giải pháp, ý tưởng sáng tạo nhằm đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng quản trị DN, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả SXKD và khả năng cạnh tranh của DN trong quá trình hội nhập quốc tế, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương, đất nước.

- Hằng năm, tổng kết đánh giá và khen thưởng các tập thể, cá nhân có đóng góp nhiều hiến kế có giá trị liên quan đến lĩnh vực SXKD và công tác xây dựng Đảng. Tổng hợp các hiến kế, các sáng kiến, giải pháp, ý tưởng sáng tạo của cán bộ, đảng viên, người lao động để đề xuất với các cấp, các ngành có liên quan thực hiện.

5.3. Đề xuất tạo cơ chế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động, cán bộ chuyên trách công tác Đảng trong các khu công nghiệp.

- Đảng ủy Khối DN tỉnh đề xuất, kiến nghị với Tỉnh ủy cân đối, bố trí, tạo điều kiện về kinh phí để hỗ trợ hoạt động của Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh và Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh.

- Tham mưu chính sách hỗ trợ kinh phí thường cho các tổ chức Đảng mới thành lập trong các loại hình DN. Ưu tiên kinh phí cho các hoạt động thường xuyên của Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh và Đảng ủy Hiệp hội DN tỉnh, hỗ trợ đảng viên đi thăm tra, xác minh lý lịch người xin vào Đảng và hỗ trợ hoạt động cho bí thư, phó bí thư các chi bộ trong DN.

- Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị cơ chế nhằm khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên tự học tập, học tập, nâng cao trình độ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhất là trình độ ngoại ngữ.

- Tiếp tục bố trí luân phiên có thời hạn cán bộ cơ quan Đảng ủy Khối tăng cường cho Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất để duy trì hoạt động thường xuyên của Văn phòng Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh.

- Đảng ủy Khối phối hợp với lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên bố trí cán bộ chuyên trách phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể, đảng viên, đoàn viên tại các khu công nghiệp tỉnh. Xây dựng quy chế cán bộ chuyên trách công tác Đảng tại các khu công nghiệp.

- Phối hợp xem xét, kiến nghị với các cơ quan chức năng xây dựng các thiết chế văn hóa như nhà đa năng, sân bãi luyện tập thể thao, phòng đọc sách, thư viện, phòng truyền thống... tại các khu, cụm công nghiệp.

- Đề xuất các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ để các DN xây dựng thiết chế văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, rèn luyện thể chất, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

PHẦN III. KẾT QUẢ XÂY DỰNG DỰ THẢO KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BẮC GIANG

Trong thời gian nghiên cứu Đề tài “*Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay*”, cùng với việc nghiên cứu, đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DNNKVNN ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay; Đảng ủy Khối đã xây dựng bản dự thảo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về phát huy vai trò tổ chức Đảng trong DNNKVNN tỉnh Bắc Giang”.

Sau phần đánh giá thực trạng, dự thảo Kết luận tập trung đề xuất một số nội dung để tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNNKVNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới, cụ thể như sau:

1- Các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNNKVNN theo điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị; tập trung quán triệt sâu sắc Kết luận số 80-KL/TW ngày 29/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Thông báo Kết luận số 22-KL/TW ngày 11/4/2017 của Ban Bí thư Trung ương về tiếp tục thực hiện Kết luận số 80-KL/TW; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 18/3/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường xây dựng tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân; Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị-xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế...qua đó nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, sự cần thiết và trách nhiệm đối với việc thành lập tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN.

2- Các huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối DN tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn thanh niên:

- Định kỳ hằng quý tiến hành rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp nêu trong Kế hoạch số 14-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN; xây dựng các chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc điểm, tình hình của mỗi địa phương, DN để lãnh đạo, chỉ đạo và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra.

- Chủ động nắm chắc tình hình hoạt động của các DN; chỉ đạo các tổ chức Đảng phối hợp với chủ DN thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, chăm lo đời sống việc làm cho người lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Tăng cường đi sâu, đi sát cơ sở, nắm chắc thực trạng tổ chức đảng, đảng viên, công nhân, đoàn viên, hội viên ở các DNNKVNN, chú trọng các DN ở các khu, cụm công nghiệp; thường xuyên tiếp xúc, đối thoại với chủ DN, công nhân, lao động. Tiếp tục thí điểm việc kết nạp những người là chủ DN tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng. Kịp thời chỉ đạo thành lập tổ chức đảng ở những nơi có đủ điều kiện; tôn trọng và bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, DN với lợi ích của tổ chức đảng, đoàn thể, công nhân lao động; tăng cường gắn kết tổ chức đảng, đoàn thể với DN và chủ DN.

- Thường xuyên giúp đỡ, hướng dẫn nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng phù hợp với tình hình thực tế của DN. Chú trọng kiện toàn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cấp ủy viên, bí thư chi bộ. Hướng dẫn đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; động viên đảng viên học tập, nâng cao trình độ, tay nghề, tính tiên phong gương mẫu để nâng cao vị thế, uy tín của đảng viên, tổ chức đảng trong DN. Xây dựng, củng cố các tổ chức đoàn thể để chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động; vận động công nhân gắn bó xây dựng DN.

- Đảng ủy Khối DN tỉnh chủ trì, phối hợp với các huyện, thành ủy xây dựng quy chế phối hợp trong việc phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DN theo hướng Đảng ủy Khối DN tỉnh tập trung phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các DN trên địa bàn huyện, thành phố. Chú trọng đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng, củng cố, phát triển tổ chức đảng, đảng viên trong các DN ngoài khu vực Nhà nước; hướng dẫn các tổ chức đảng phối hợp với người quản lý DN phát động phong trào thi đua tăng năng suất lao động; thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa các DN; liên kết bốn nhà, (Nhà nước, Nhà nông, Nhà khoa học và DN); phối hợp giải quyết tranh chấp lao động, đình công, lãn công, đảm bảo DN ổn định, phát triển.

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên định hướng Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin truyền thông trong tỉnh nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về tình hình, kết quả thực hiện công tác phát triển tổ chức Đảng, đảng viên, các đoàn thể chính trị- xã hội tại DN thuộc mọi

thành phần kinh tế... nhằm định hướng tư tưởng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, đoàn thể, cán bộ, đảng viên, các DN về việc củng cố, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các DNNKVNN; đồng thời, tuyên truyền, phổ biến những kinh nghiệm, cách làm hay, việc làm tốt trong quá trình thực hiện.

4- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của DN trong việc thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị-xã hội tại DN theo nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.

5- Giao Ban tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi việc thực hiện Kết luận này; chủ động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN để tham mưu thúc đẩy thực hiện tốt hơn việc phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN trên địa bàn tỉnh.

PHẦN IV: KẾT QUẢ BIÊN SOẠN, PHÁT HÀNH CUỐN SỔ TAY CÔNG TÁC BÍ THƯ CHI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng ủy Khối DN tỉnh đã nhận thức tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở; là nơi trực tiếp tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức cơ sở đảng là nơi giáo dục, rèn luyện, kết nạp đảng viên, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho Đảng.

Thông qua sinh hoạt chi bộ hằng tháng đảng viên nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của chi bộ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Nằm trong nội dung, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài khoa học cấp tỉnh “Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay”. Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh ban hành, xuất bản 500 cuốn “*Sổ tay công tác bí thư chi bộ các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước*”. Cuốn sách gồm 4 nội dung sau:

Phần I: Các văn bản chỉ đạo của Trung ương liên quan đến công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đảng viên trong các DNNKVNN.

Phần II: Các văn bản chỉ đạo của tỉnh liên quan đến công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đảng viên trong các DNNKVNN.

Phần III: Các văn bản của Đảng ủy Khối DN tỉnh liên quan đến công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đảng viên trong các DNNKVNN.

Phần IV: Nghiệp vụ công tác Đảng

Phần V: Một số mẫu biểu liên quan đến công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, phát triển đảng viên trong các DNNKVNN.

Cuốn sách là tài liệu bổ ích thuận tiện, cần thiết đối với tổ chức đảng, đoàn thể trong DNNKVNN; nhất là có gần 200 trang (Từ trang 277 đến trang 454) là những nội dung mới được nghiên cứu và là tài liệu hướng dẫn cơ sở đảng đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng trong DN, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng đảng trong DN thời gian tới. Cuốn sách đã được Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang cấp phép xuất bản, Giấy phép số 59/GP-STTTT ngày 07/5/2019, in 500 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Nhà in Báo Bắc Giang.

PHẦN V: KẾT QUẢ XÂY DỰNG ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ TRONG DNNKVVN

Thực hiện nhiệm vụ trong nghiên cứu Đề tài “*Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay*”; Đảng ủy Khối đã xây dựng 02 mô hình thí điểm áp dụng một số giải pháp chủ yếu đề tài đã nghiên cứu.

Theo đó, Đảng ủy Khối đã lựa chọn xây dựng 02 mô hình hoạt động của tổ chức đảng tại Chi bộ Công ty cổ phần Ngôi sao và Chi bộ Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Hàn Quốc. Kết quả cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Chi bộ Công ty Cổ phần Ngôi Sao Bắc Giang

Chi bộ được thành lập theo Quyết định số 2382-QĐ/ĐU ngày 01/12/2014 của BTV Đảng ủy Khối trên cơ sở chuyển đổi từ Chi bộ trực thuộc Đảng bộ CTCP Tân Xuyên. Lúc mới thành lập Chi bộ có 04 đảng viên đến nay có 21 đảng viên. Công ty có trụ sở tại xã Tân Đình, huyện Lạng Giang, ngành nghề chính sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, đất sét nung và các lĩnh vực xây dựng khác, với 150 cán bộ, người lao động.

Cấp ủy Chi bộ luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy dân chủ; chỉ đạo, phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh và công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong DN; thường xuyên quan tâm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên, người lao động trong đơn vị.

2. Chi bộ CTCP Dây và Cáp điện Hàn Quốc

Chi bộ được thành lập theo Quyết định số 146-QĐ/ĐU của Đảng ủy Các khu công nghiệp tỉnh và đi vào hoạt động từ tháng 4/2016, đến nay Chi bộ có 11 đảng viên. Công ty có trụ sở tại lô D9 Khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, ngành nghề chính sản xuất dây và cáp điện, với 52 cán bộ, người lao động.

Chi bộ luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy dân chủ; chỉ đạo, phối hợp với lãnh đạo DN thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh và công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong DN; thường xuyên quan tâm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên, người lao động trong đơn vị.

II. Kết quả thực hiện xây dựng mô hình điểm

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Bám sát sự chỉ đạo, văn bản hướng dẫn của cấp trên; căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị; nhằm tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ cũng như chất lượng đội ngũ đảng viên; BTV Đảng uỷ Khối DN tỉnh thống nhất nội dung chỉ đạo cụ thể ở 02 đơn vị, cụ thể như sau:

- Chi bộ CTCP Ngôi Sao Bắc Giang xây dựng mô hình điểm hoạt động của chi bộ với nội dung: *Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ; trọng tâm là công tác phối hợp giữa cấp ủy với lãnh đạo doanh nghiệp trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác xây dựng Đảng của chi bộ.*

- Chi bộ CTCP Dây và Cáp điện Hàn Quốc xây dựng mô hình điểm hoạt động của chi bộ với nội dung: *Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực, vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trong đó chú trọng thực hiện tốt quy chế làm việc và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ tại đơn vị.*

Xác định việc xây dựng mô hình điểm là nhiệm vụ trọng tâm, BTV Đảng uỷ Khối đã ban hành Công văn số 683-CV/ĐUK về việc xây dựng mô hình điểm tại 02 đơn vị. Thường trực Đảng uỷ đã trực tiếp xuống làm việc với cấp uỷ, lãnh đạo DN để thống nhất các nội dung chỉ đạo; đồng thời phân công đồng chí Trưởng Ban Tổ chức trực tiếp phụ trách, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện tại cơ sở. Hằng tháng báo cáo tại hội nghị giao ban về kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc của DN để kịp thời chỉ đạo, có giải pháp thực hiện tốt hơn.

Trong quá trình chỉ đạo xây dựng mô hình điểm, đồng chí Bí thư Đảng uỷ Khối đã trực tiếp xuống làm việc với cấp uỷ, dự sinh hoạt chi bộ với đơn vị, qua đó đã động viên, lắng nghe, trao đổi, giải đáp kịp thời các ý kiến phát biểu của cấp uỷ, đảng viên trong chi bộ về các nội dung còn khó khăn, hạn chế cần khắc phục. Đến nay các nội dung đã được thực hiện cơ bản đạt kết quả tốt và có sự chuyển biến tích cực, đặc biệt là trong công tác phối hợp giữa cấp uỷ với lãnh đạo DN trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác xây dựng Đảng của chi bộ.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chi bộ CTCP Ngôi sao Bắc Giang

Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm nên cấp uỷ đã phối hợp với lãnh đạo DN tập chung chỉ đạo cán bộ, đảng viên trong đơn vị thực hiện nghiêm

các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng đảng và phát triển sản xuất kinh doanh, chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, và biện pháp để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

Chi bộ đã bám sát chủ trương của BTV Đảng uỷ Khối về thực hiện ”Ba đồng hành” cùng DN (1) Đồng thành thực hiện nhiệm vụ SXKD (2) Xây dựng văn hóa DN (3) Chăm lo việc làm, đời sống của người lao động để cụ thể hoá vào tình hình thực tế của DN, qua đó đã góp phần thúc đẩy, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Doanh thu năm 2018 đạt trên 110 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 1,3 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động 7,8 triệu/người/tháng; trong 04 tháng đầu năm 2019 công ty thực hiện các chỉ tiêu đạt theo kế hoạch đề ra, thu nhập bình quân người lao động 8,7 triệu/người/tháng. Công ty quan tâm thực hiện tốt các chế độ cho người lao động, đảm bảo đủ việc làm cho 100% số lao động hiện có.

Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị, đơn vị đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện. Cán bộ, đảng viên và người lao động trong công ty thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội qui của công ty, an ninh trật tự trong công ty được đảm bảo.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường xuyên được quan tâm chú trọng. Chi bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tham gia đầy đủ các hội nghị học tập quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, các hội nghị thông tin thời sự do Đảng uỷ khối tổ chức. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Năm 2018 đã có 08 sáng kiến, việc làm tốt của cá nhân được áp dụng vào thực tế, đem lại hiệu quả cho DN. Hàng tháng trong các buổi sinh hoạt, Chi bộ tuyên truyền các tấm gương, việc làm tốt của Bác.

Chi uỷ xây dựng và nghiêm túc thực hiện quy chế làm việc, trong đó quy định rõ trách nhiệm cùng tác phối hợp giữa cấp uỷ với lãnh đạo DN; đồng thời thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung theo sự chỉ đạo của BTV Đảng uỷ Khối. Chi bộ tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chi bộ trong sạch vững mạnh, tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng. Quan tâm công tác kết nạp đảng viên, năm 2018 đó kết nạp 01 đảng viên, chuyển đảng chính thức cho 02 đảng viên. Làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty và đáp ứng thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chi bộ đã xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra giám sát năm 2018, và chỉ đạo thực hiện 05 cuộc kiểm tra, 01 cuộc giám sát đạt 100% kế hoạch đã đề ra.

Công tác văn phòng được thực hiện tốt, giúp cho chi uỷ thực hiện công tác chỉ đạo hoạt động của chi bộ, triển khai các chương trình, kế hoạch công tác kịp thời, đúng qui định; việc chuẩn bị nội dung sinh hoạt, thu nộp đảng phí, theo dõi tài chính đảng, quản lý hồ sơ đảng viên đảm bảo đúng qui trình, quy định.

Chi uỷ chi bộ thường xuyên quan tâm chỉ đạo các đoàn thể, tạo điều kiện cho Công đoàn, Đoàn thanh niên hoạt động; chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các qui định của đoàn thể cấp trên, phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể trong việc phối hợp với cấp chính quyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công ty.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chi bộ CTCP Dây và Cáp điện Hàn Quốc

Xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm nên chi bộ đã phối hợp với lãnh đạo DN tập chung chỉ đạo cán bộ, đảng viên trong đơn vị thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng đảng và phát triển sản xuất kinh doanh, chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, và biện pháp để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

Chi bộ đã cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế của DN, qua đó đã góp phần thúc đẩy, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Doanh thu năm 2018 đạt trên 43 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động đạt 5 triệu/người/tháng; trong 04 tháng đầu năm 2019 công ty thực hiện các chỉ tiêu đạt theo kế hoạch đề ra. Công ty quan tâm thực hiện tốt các chế độ cho người lao động, đảm bảo đủ việc làm cho 100% số lao động hiện có. Đơn vị đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện. Cán bộ, đảng viên và người lao động trong công ty thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội qui của công ty, an ninh trật tự trong công ty được đảm bảo.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thường xuyên được quan tâm chú trọng. Chi bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tham gia đầy đủ các hội nghị học tập quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, các hội nghị thông tin thời sự do Đảng uỷ Khối và Đảng uỷ Các khu công nghiệp tỉnh tổ chức. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Duy trì ghi chép việc làm tốt và tuyên truyền các tấm gương, việc làm tốt của cán bộ, đảng viên trong chi bộ.

Chi bộ xây dựng quy chế làm việc và thực hiện tốt các nội dung trong quy chế đã đề ra, trong đó công tác phối hợp giữa cấp uỷ với lãnh đạo DN được duy trì, thực hiện nghiêm túc. Năm 2018 đã kết nạp 03 đảng viên, chuyển đảng chính thức cho 02 đảng

viên. Làm tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty và đáp ứng thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chi bộ tập trung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, chế độ sinh hoạt được duy trì có nền nếp. Hình thức, nội dung sinh hoạt chi bộ thực hiện theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của sinh hoạt chi bộ ngày một tốt hơn, tạo sự nhất trí, quyết tâm cao trong việc triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết của cấp uỷ cấp trên và của chi bộ. Cán bộ, đảng viên tham dự sinh hoạt đều chấp hành đúng nguyên tắc của đảng, chế độ sinh hoạt; phát huy dân chủ trong sinh hoạt, nhiều đảng viên có ý thức tham gia đấu tranh tự phê bình và phê bình, ý thức xây dựng cao.

Công tác văn phòng được thực hiện tốt, giúp cho chi bộ triển khai các chương trình, kế hoạch công tác kịp thời, đúng qui định; việc chuẩn bị nội dung sinh hoạt, thu nộp đảng phí, theo dõi tài chính đảng, quản lý hồ sơ đảng viên đảm bảo đúng quy định. Chi bộ quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện cho Công đoàn hoạt động, phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể trong việc phối hợp với cấp chính quyền thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công ty. Chi bộ làm tốt công tác giáo dục truyền thống cách mạng, đầu năm 2019 Công ty tổ chức nhiều hoạt động giáo dục trực quan, sinh động như tổ chức cho cán bộ đi thăm quan Nhà tù Đảo Phú Quốc, qua đó giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên về đạo đức, lý tưởng; góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, rèn luyện, cống hiến và trưởng thành.

III. Đánh giá chung

Nhìn chung, sau khi Đảng uỷ Khối xây dựng kế hoạch và triển khai chỉ đạo điềm, Chi uỷ chi bộ 02 đơn vị đã bám sát sự lãnh đạo của BTV Đảng uỷ Khối, phối hợp với lãnh đạo DN tập trung lãnh đạo cơ sở đảng khắc phục khó khăn, thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo, đề ra các giải pháp sáng tạo, phù hợp với điều kiện đặc thù của DN. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến mới trong sinh hoạt đảng. Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục và nêu gương đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo sự chuyển biến về nhận thức của lãnh đạo DN về vị trí, vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong DN.

Cả hai Chi bộ đã tập trung lãnh đạo, triển khai có hiệu quả các nội dung chỉ đạo điềm; đến nay hoạt động của chi bộ đã có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh của DN, xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể vững mạnh.

PHẦN VI. KẾT LUẬN

I- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đề tài

Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học do Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang giao theo Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 09/10/2017, qua 02 năm nghiên cứu, đến nay Đề tài *Giải pháp tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay*, Đảng ủy Khối DN tỉnh đã hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra. Cụ thể như sau:

1. Hoàn thành nghiên cứu nội dung đề tài theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng hiện nay bằng kết quả của 03 chuyên đề nghiên cứu.
- Xây dựng 06 mẫu phiếu điều tra, khảo sát và hoàn thành tổ chức điều tra 3.000 phiếu theo cho đối tượng theo kế hoạch;
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức Đảng trong DN ngoài khu vực Nhà nước, giai đoạn 2014-2016 với việc triển khai hoàn thành nghiên cứu 12 chuyên đề khoa học.

2. Hoàn thành nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng và phát huy vai trò của tổ chức đảng trong các DNNKVNN, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương

- Nghiên cứu, đề xuất 05 nhóm giải pháp nhằm tăng cường vai trò của tổ chức Đảng trong DNNKVNN ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn hiện nay. Đó là:

- (1) Nhóm giải pháp về thực hiện công tác chính trị, tư tưởng;
- (2) Nhóm giải pháp về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong DN;
- (3) Nhóm giải pháp về công tác xây dựng Đảng;
- (4) Nhóm giải pháp về lãnh đạo hoạt động các đoàn thể chính trị xã hội;
- (5) Nhóm giải pháp về thực hiện cơ chế chính sách;

- Đảng ủy khối đã xây dựng văn bản dự thảo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về phát huy vai trò tổ chức Đảng trong DNNKVNN tỉnh Bắc Giang”.

3. Hoàn thành nghiên cứu, biên soạn và in ấn cuốn “Sổ tay công tác bí thư chi bộ DN” tỉnh Bắc Giang. Ngày 07/5/2019, Sở Thông tin và Truyền thông

tỉnh Bắc Giang cấp Giấy phép xuất bản số 59/GP-STTTT, in 500 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Nhà in Bắc Bắc Giang.

4. Hoàn thành nghiên cứu, xây dựng điểm hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong DN ngoài khu vực Nhà nước đạt kết quả

Xây dựng 02 mô hình hoạt động của tổ chức đảng tại Chi bộ Công ty cổ phần Ngôi sao và Chi bộ Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Hàn Quốc. Đảng ủy Khối đã thí điểm áp dụng một số giải pháp chủ yếu đề tài đã nghiên cứu.

Thực hiện kế hoạch chỉ đạo điểm, Chi ủy chi bộ 02 đơn vị đã bám sát sự lãnh đạo của BTV Đảng ủy Khối, phối hợp với lãnh đạo DN tập trung lãnh đạo cơ sở đảng khắc phục khó khăn, thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tiếp tục đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo, đề ra các giải pháp sáng tạo, phù hợp với điều kiện đặc thù của DN. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tạo sự chuyển biến mới trong sinh hoạt đảng. Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục và nêu gương đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo sự chuyển biến về nhận thức của lãnh đạo DN về vị trí, vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong DN.

Cả hai Chi bộ đã tập trung lãnh đạo, triển khai có hiệu quả các nội dung chỉ đạo điểm; đến nay hoạt động của chi bộ đã có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, sản xuất kinh doanh của DN, xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể vững mạnh.

5. Tổ chức hội thảo khoa học, tập huấn nghiệp vụ công tác đảng

Đảng ủy Khối đã xây dựng kế hoạch và hoàn thành việc tổ chức 02 lớp tập huấn cho cấp ủy viên cơ sở về nghiệp vụ Bí thư chi, đảng bộ trong DNNKVN cho trên 200 đại biểu. Nội dung tập huấn bao gồm: Tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo nhiệm vụ chính trị trong doanh nghiệp; Công tác tuyên giáo và điều tra nắm bắt dư luận xã hội ở cơ sở; Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật ở chi bộ, đảng bộ cơ sở; Nghiệp vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và đảng viên trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước; Nghiệp vụ công tác văn phòng cấp ủy cơ sở.

Thực hiện nhiệm vụ trong nghiên cứu đề tài khoa học, Đảng ủy Khối tổ chức 02 hội thảo khoa học thuộc nội dung nghiên cứu. Đã có trên 100 đại biểu tham dự, có 26 bài tham luận gửi tới Hội thảo. Nhìn chung 02 hội thảo được tổ chức thành công, đảm bảo đúng yêu cầu đề ra.

6. Thông qua nghiên cứu đề tài, Đảng ủy Khối đã có những sản phẩm hoàn thành vượt kế hoạch

Căn cứ kết quả nghiên cứu đề tài và các chuyên đề của các cộng sự trong 02 năm, Ban Thường vụ Đảng ủy Khối đã ban hành 15 văn bản chỉ đạo thực hiện trên các lĩnh vực. Trong đó có 03 kế hoạch và 12 hướng dẫn chuyên đề.

II. Đánh giá chung

Kinh tế tư nhân là động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yếu tố khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài. Phát triển tổ chức đảng, đảng viên ngoài khu vực Nhà nước là một vấn đề khó khăn, phức tạp liên quan nhiều vào quá trình đổi mới tư duy kinh tế và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên. Trong giai đoạn hiện nay Đảng, Nhà nước đã có nhiều văn bản chỉ đạo về định hướng phát triển kinh tế tư nhân và phát triển tổ chức đảng, đảng, đảng viên trong mọi thành phần kinh tế.

Thực tiễn phát triển tổ chức đảng và đảng viên trong thời gian qua đã được khẳng định là đúng đắn. Vì DN có vị trí đặc biệt quan trọng của nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước nói chung cũng như của tỉnh Bắc Giang nói riêng. Sau những năm gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế, hoạt động của DN những năm gần đây có bước phát triển, góp phần quan trọng trong huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần quyết định vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả công tác tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo...

Những vấn đề đặt ra trong hoạt động của các DN cho thấy sự cần thiết phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức đảng, phát huy vai trò của tổ chức đảng trong DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương. Từ đó đặt ra yêu cầu bước thiết phải đẩy mạnh công tác phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở tỉnh Bắc Giang, nhất là trong các khu, cụm công nghiệp của tỉnh. Đây là một việc làm mang tính đặc thù riêng, đòi hỏi phải đầu tư, suy nghĩ, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

Việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xây dựng, phát triển tổ chức Đảng, đảng viên trong DN ngoài khu vực Nhà nước ở Bắc Giang đã được các cấp ủy triển khai đến cơ sở, tạo được kết quả bước đầu. Tuy nhiên, trong khi số lượng và lực lượng lao động

DN ngoài khu vực Nhà nước tăng với tốc độ rất nhanh, thì việc kết nạp đảng viên, thành lập tổ chức Đảng ở khu vực này lại phát triển chưa tương xứng, số lượng đảng viên thấp, các cấp ủy Đảng còn lúng túng trong quá trình hoạt động, nhất là trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chức năng.

Để phát huy vai trò của DN, doanh nhân ngoài khu vực Nhà nước, tạo động lực phát triển DN và kinh tế địa phương đòi hỏi phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật, nâng cao nhận thức về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng và đội ngũ doanh nhân trong DN ngoài khu vực Nhà nước. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng; kiện toàn, nâng cao chất lượng cấp ủy; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong các DN ngoài khu vực Nhà nước. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; xây dựng Công đoàn, Đoàn Thanh niên ... trong DN vững mạnh, tích cực tham gia thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai minh bạch, bảo vệ quyền lợi người lao động, phát huy vai trò quần chúng xây dựng Đảng.

Đảng ủy Khối DN tỉnh cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp như trên. Trong đó, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các giải pháp giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN. Thực hiện tốt chủ trương “Ba đồng hành cùng DN” và cải cách hành chính theo “Hai giảm, Ba tăng”. Tăng cường công tác phối hợp với các địa phương, đơn vị giúp DN đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật, góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

III. Đề xuất, kiến nghị

Qua nghiên cứu thực tiễn, Đề tài khoa học, đem lại hiệu quả thiết thực, làm cơ sở để Chủ nhiệm Đề tài đề xuất, kiến nghị các cấp, các ngành có thẩm quyền với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đề xuất với Trung ương

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo thực hiện chủ trương về phát triển kinh tế tư nhân là động lực quan trọng để phát triển kinh tế.
- Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện công tác Đảng, đoàn thể trong Khối doanh nghiệp, Các khu, cụm công nghiệp, Khu chế xuất và trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Đề xuất với Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Ban hành Kết luận về Xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đảng viên, các đoàn thể trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, các văn bản của Nhà nước về công tác phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội trong các loại hình DN.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh tăng cường công tác quản lý, thống nhất các đoàn thanh tra, kiểm tra của các sở, ngành tỉnh đối với các DN; Hướng dẫn sử dụng chung các kết quả thanh, kiểm tra, giảm tải thời gian kiểm tra để các DN tập trung cho SXKD.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, các đoàn thể tỉnh tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo củng cố, phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các DNNKVVN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3- Đề xuất với Ban cán sự Đảng và UBND tỉnh

- Đề nghị Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường công tác thông tin việc triển khai các văn bản, chính sách mới đến các DN. Quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của DN trong thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội tại DN theo Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ.

- Đề nghị Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý nghiêm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm, vi phạm quản lý chất lượng sản phẩm,.... Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát thị trường nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các đối tượng vận chuyển, buôn bán hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của BCD Hỗ trợ đầu tư và phát triển DN tỉnh và chỉ đạo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế.

4. Đề xuất với các cơ quan, ban, ngành tỉnh

- Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, định hướng tuyên truyền cho các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng truyền truyền về công tác củng cố, phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các DNNKVVN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Nhất là tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các điển hình trong thực hiện của các đơn vị.

- Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục thực hiện tốt các nội dung trong kế hoạch phối hợp hoạt động với Đảng ủy Khối DN tỉnh. Hướng dẫn các DN tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước để thực hiện đổi mới công nghệ, thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và phát triển công nghệ trong các DN.

- Đề nghị Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong công tác kê khai, nộp thuế với Nhà nước và đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo đúng quy định.

- Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh triển khai có hiệu quả nội dung phối hợp về xây dựng văn hóa DN và phát triển tổ chức công đoàn trong DN.

- Đề nghị Sở Nội vụ quan tâm hơn nữa đến công tác thi đua, khen thưởng trong các loại hình DN trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị Sở Công thương tăng cường công tác hỗ trợ DN áp dụng các phương thức bán hàng tiên tiến, ứng dụng thương mại điện tử vào bán hàng, quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, thiết kế sản phẩm..., tư vấn DN khi tham gia hội nhập và các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Đề nghị với Sở Công thương tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả thị trường, không để xảy ra tình trạng tăng giá hàng hóa bất hợp lý; kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ quy định về việc tiếp tục giữ ổn định giá bán một số mặt hàng thuộc diện bình ổn giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Kiểm tra việc thực hiện đo lường hàng hóa, chất lượng hàng hóa của các cơ sở SXKD bán buôn, bán lẻ để phát hiện các thủ đoạn gian lận về đo lường, đóng gói nhằm tăng giá, thu lợi bất chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TT	TÊN TÀI LIỆU
1.	Các Văn bản của Trung ương Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam
2.	Luật Lao động
3.	Luật Bảo hiểm xã hội
4.	Luật Thanh tra kiểm tra
5.	Luật Công đoàn
6.	Luật Doanh nghiệp
7.	Luật Đầu tư
8.	Luật Bảo vệ môi trường
9.	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)
10.	Chiến lược phát triển KTXH 2011 – 2020
11.	Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam
12.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng
13.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng
14.	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng
15.	Nghị quyết số 25/ NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH;
16.	Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 02/02/2008, của BCH Trung ương (khóa X) “về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ đảng viên;
17.	Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế
18.	Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế
19.	Nghị quyết số 20 NQ/TW ngày 28/01/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về "Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”;

20.	Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của BCH Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN
21.	Chỉ thị số 07-CT/TW, của Bộ Chính trị (khóa VIII), ngày 23/11/1996, về “Tăng cường công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể nhân dân trong các DN tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần tư nhân (gọi tắt là DN tư nhân) và DN FDI”;
22.	Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
23.	<u>Quyết định 263-QĐ/TW, ngày 08/10/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm;</u>
24.	Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác KTGS, kỷ luật Đảng
25.	Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của BCH Trung ương (khóa XII) về Thi hành Điều lệ Đảng
26.	Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đảng uỷ khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
27.	Quy định số 288-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư TW về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống.
28.	Quy định số 171-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN FDI
29.	Quy định số 170-QĐ/TW ngày 07/3/2013 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong DN tư nhân.
30.	Quy định số 15-QĐ/TW, ngày 28/8/2006, của BCH Trung ương Đảng (khóa X) về đảng viên làm kinh tế tư nhân; thực hiện thí điểm kết nạp chủ DN tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng...
31.	Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm,
32.	Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp;
33.	Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25-10-2018 của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên BCH Trung ương;
34.	Kết luận số 80-KL/TW “về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW, của Bộ Chính trị (khóa VIII) trong tình hình mới”.

35.	Kết luận số 107-KL/TW ngày 10/4/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam";
36.	Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020;
37.	Chỉ thị số 24-CT/TTg ngày 17/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"
38.	Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 07/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về “Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế”
39.	Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại DN thuộc mọi thành phần kinh tế
40.	Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 của Chính phủ "quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của Bộ Luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc”
41.	Quyết định số 269/QĐ-TTG ngày 02/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển KTXH tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
42.	Các văn bản của tỉnh Bắc Giang và Đảng ủy Khôi Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII
43.	Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII
44.	Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BTV Tỉnh ủy Bắc Giang ban hành về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020
45.	Nghị quyết số 74-NQ/TU ngày 10/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020
46.	Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 04/7/2014 của BTV Tỉnh ủy Bắc Giang “Chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh”
47.	Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kế hoạch Khuyến công tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015;
48.	Quyết định số 335-QĐ/TU, ngày 3/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng, phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong các DN ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

49.	Đề án số 01-ĐA/TU ngày 14/7/2016 của BTV Tỉnh ủy về “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác KT, GS của cấp ủy cơ sở trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016 - 2020”
50.	Quyết định số 332/2012/QĐ-UBND ngày 10/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
51.	Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa các DN vừa và nhỏ của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2015, định hướng đến 2020...
52.	Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hành động triển khai Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Giang;
53.	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 về phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011- 2015;
54.	Quyết định 2067/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 23/12/2014 về việc phê duyệt tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020
55.	Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về hỗ trợ phát triển DN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 – 2020
56.	Kế hoạch số 2921/KH-UBND ngày 28/12/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phát triển TMĐT tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2015.
57.	Kế hoạch số 2521/KH-UBND ngày 27/10/2011 về việc Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2012 – 2015;
58.	Kế hoạch số 2304/KH-UBND ngày 04/10/2012 về việc thực hiện Chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;
59.	Báo cáo số 86-BC/TU ngày 30/9/2016 của BTV Tỉnh ủy Bắc Giang về sơ kết việc thực hiện Kết luận 80-KL/TW của Ban Bí thư TW (Khóa X)
60.	Kế hoạch số 14-KH/BCĐ ngày 19/5/2016 của Ban Chỉ đạo tỉnh về củng cố, phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể trong các DNNKVNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
61.	Báo cáo số 80/BC-UBND, ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2017”.

62.	Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2016; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2017
63.	Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2016, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2017.
64.	Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2017; mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu phát triển KTXH năm 2018.
65.	Báo cáo số 486a/BC-SKHĐT ngày 23/10/2015 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang về Tình hình triển khai Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển DNNVV và Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 05/5/2010 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP
66.	Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối DN tỉnh Bắc Giang lần thứ II
67.	Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Khối DN tỉnh Bắc Giang lần thứ I
68.	Báo cáo số 256-BC/ĐUK của Đảng ủy khối DN tỉnh về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2015 – 2020
69.	Bài “Vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong các loại hình doanh nghiệp” của Nguyễn Hoàng Tuấn đăng trên Tạp chí Mặt trận điện tử ngày 12/08/2017.
70.	Bài “Tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước - Thực trạng và giải pháp” Đăng trên Website Xây dựng Đảng ngày 25/01/2015.
71.	Bài “Tây Ninh phát triển Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước” của Tiểu Phương và Quang Lý, đăng trên Báo Nhân dân điện tử ngày 16/12/2016.
72.	Bài “Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng trong doanh nghiệp” của Thanh Nga đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Phúc ngày 29/01/2015
73.	Bài “Nâng cao vai trò của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh Bến Tre” của Th.s Đỗ Thị Mai đăng trên Tạp Chí Cộng sản điện tử ngày 26/01/2012
74.	Bài “Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước” của Tiểu Phương, đăng trên Báo Nhân dân điện tử ngày 09/3/2017.
75.	<u>Bài “Giải pháp xây dựng tổ chức Đảng trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước ở Đảng bộ Khối DN tỉnh Bình Thuận” đăng trên http://www.binhthuancpv.org.vn</u>